

Vũ Đắc Danh

Nỗi niềm
vũ minh hoa

801.62



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

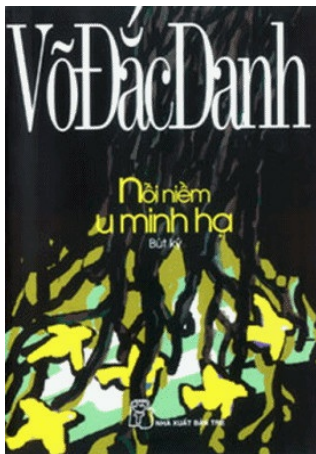
Vũ Đắc Danh

Nỗi niềm
vũ minh hoa

Bút ký



nhà xuất bản trẻ



Thông tin ebook

Tên truyện : Nỗi Niềm U Minh Hạ

Tác giả : Võ Đắc Danh

Thể loại : Bút ký

Nhà xuất bản : Trẻ

Ngày xuất bản : Tháng 01/2008

Số trang : 180

Kích thước : 14 x 20 cm

Trọng lượng : 200 g

Số quyển / 1 bộ : 1

Hình thức bìa : Bìa mềm

Giá bìa : 30.000 VNĐ

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục Lục

[Giới thiệu](#)

[Hồ sơ một vết thương](#)

[Nhật ký tình người](#)

[Giữa hai dòng mặn ngọt](#)

[Thư viết từ đất Mũi](#)

[Nồi cháo trắng](#)

[Nỗi niềm U Minh Hạ](#)

[Dưới chân đài tưởng niệm](#)

[Đau thương trên đất Cà Mau](#)

[Nơi ấy bây giờ](#)

Giới thiệu

"Viết đúng và viết hay là yêu cầu nghiêm khắc của bạn đọc đối với người cầm bút. Nhưng đôi lúc, do nguyên nhân nào đó, tác giả chưa thể viết hay được, thì chí ít: cần viết đúng. Viết đúng là bảo toàn sức mạnh văn học và thể hiện nhân cách tác giả. Chúng ta đều biết rằng muốn viết đúng phải “đánh đổi”, phải vượt qua rất nhiều, hoặc vượt qua hết thảy, để đường hoàng bày tỏ với bạn đọc những gì thuộc về cuộc sống - mà số đông cho là Chân lý.

Nỗi niềm U Minh Hạ của Võ Đắc Danh, với tôi; đạt được cả hai - Tác giả tập bút ký này viết rất hay và viết đúng! Trong một gian phòng trên bờ sông Gành Hào, ngọn đèn phát sáng qua những trang bản thảo “gần gũi nhưng lạ lùng” của nhà nghệ sĩ. Tôi say sưa đọc suốt và xúc động bồi hồi với những buồn vui, hoặc suy tư lo lắng của các nhân vật - cũng là nhân chứng lịch sử - mà ngòi bút sắc bén của Võ Đắc Danh đã giúp tôi tiếp cận, sống cùng họ. Tôi muốn chia sẻ...

Hầu như những đất cùng người ở bài nào, đoạn nào trong tập sách, tôi đều thân thuộc. Nhưng nhờ cách phản ánh riêng của nhà văn - nhà báo, tôi chợt thấy lại, chợt nhớ ra... Tôi nghĩ: ngần ấy, cuốn sách rất đáng quý - bởi vì tôi tin vào năng lực “thông tấn lành mạnh” nhiều mặt của nó. Tôi tin rằng nó sẽ được bảo tồn từng chi tiết cho ta soi vào quá khứ, để tự hiểu mình phải làm gì cho hiện tại và cho tương lai...

Nỗi niềm U Minh Hạ không phải là một nỗi buồn, một ưu tư năm tháng cũ - mà là những kỷ niệm có chua xót nhưng ngọt ngào: bao trùm Tình yêu nhân dân và khao khát đền ơn họ.

Không phải tập sách không có những hạn chế, những chỗ đông dài, sơ lược, và có những vấn đề có thể bàn lại với tác giả - nhưng phần này rất ít, chiếm một tỷ lệ nhỏ - nó sẽ được bạn đọc “lướt qua” để đến với những gì lớn hơn...". (Nhà văn Nguyễn Bá).

"Qua **Nỗi niềm U Minh Hạ**, ta thấy bật lên một tâm hồn yêu tha thiết đất đai quê nhà Minh Hải - Cà Mau. Anh viết như nói, nhưng là tiếng nói của một nhà hùng biện. Nó cuốn hút người ta như thể một dòng sông đang cuộn chảy ra biển, để gặp những gì to tát hơn, bao la hơn và mặn nồng tình nghĩa hơn. Đó là những mặn nồng tình nghĩa của một khí chất Nam Bộ, chơn chất, gãy gọn, thỉnh thoảng khô hài ý vị và một chút bóng bẩy văn hoa. Qua **Nỗi niềm U Minh Hạ**, ta thấy một Võ Đắc Danh của những con số và những sự kiện, nhưng là những con số và những sự kiện ngoài việc khái quát được vấn đề còn là những nghĩa tình dào dạt ẩn chứa bên trong một nhà báo dũng cảm. Đọc nó, ta như thấy được một *Hồi ức làng Che* của Nguyễn Đức Thọ hoặc “nỗi cộm” hơn là *Cái đêm hôm ấy...* của Phùng Gia Lộc đã làm xôn xao dư luận một thời. Trong **Nỗi niềm U Minh Hạ**, ta như sống lại cái thời “người thật việc thật thì ít, người giả việc giả thì nhiều quá” (tr.130), để thấy người nông dân Minh Hải không đầu hàng hoàn cảnh. Họ dũng cảm đứng lên bảo vệ công bằng và lẽ phải. Hơn thế nữa, ta còn thấy ở họ những phẩm chất cao quý của những con người lúc nào cũng muốn làm giàu, làm đẹp cho quê cha đất tổ, để càng yêu họ hơn. Và Võ Đắc Danh đã thành công trong việc tạo cảm tình trân trọng nơi người đọc qua

tác phẩm này, bởi anh “đã viết đúng và viết hay”, “để đường hoàng bày tỏ với bạn đọc những gì thuộc về cuộc sống - mà số đông cho là chân lý” - như lời ngỏ của nhà thơ Nguyễn Bá cho quyển sách này...".

(Phù Sa Lộc - *Nỗi niềm U Minh Hạ* - Báo cần Thơ).

Hồ sơ một vết thương

Hồi con gái nó đẹp lắm!

Ông già kết thúc câu chuyện bằng giọng buồn buồn, hớp một ngụm trà, ông đưa mắt nhìn về phía vườn cam.

- Ngày mai tôi sẽ lên Sở Thương Binh đề nghị làm lại hồ sơ cho nó. Vết thương như vậy mà xếp hạng bốn trên bốn thì thiệt thòi cho con nhỏ.

Ông lại im lặng. Tôi chợt nhớ lại lời kể của chị Ba Phần hôm trước. Chị kể: Hồi năm 1968, chị đang nuôi chồng bị thương cột sống ở bệnh viện Cà Mau. Một hôm, bất ngờ chị thấy cảnh sát khiêng từ phòng mổ xuống trại điều dưỡng một tù binh *Việt cộng* bị còng cả hai chân, người đầy thương tích. Và chị hốt hoảng khi nhận ra, người con gái ấy chính là chị Bảy Lòng, bạn cùng xóm của chị ở Tân Lộc. Nhận mà không dám hỏi han chăm sóc. Mẹ của chị Bảy nóng ruột vào liền bị chúng bắt giam. Từ đó thỉnh thoảng chị Phần lén lút gói tiền, gói thức ăn cho chị Bảy. Một lần chị Bảy được thay băng và rửa vết thương, chị Phần trộm nhìn rồi bỏ ra ngoài chỗ vắng ngồi khóc. Chị Bảy bị thương khắp cả người, nặng nhất là ngực dài xuống bàn chân, mất hết phần thịt ở hai bên đùi và vùng âm hộ...

Ông già đưa tôi về thực tại bằng giọng buồn buồn:

- Tội nghiệp, hồi đi giám định nó còn con gái nên không dám cho bọn đàn ông xem vết thương chỗ ấy...

Tôi mời ông già điều thuốc rồi từ giã ra về.

Thành phố Cà Mau chìm trong một buổi chiều nắng đẹp. Chiếc cầu mới cong mình đón từng tốp nữ sinh trong tà áo dài trắng muốt, phát phơ, cứ mỗi con gió lùa qua, các em vội vàng đưa tay giữ nhanh vạt áo, mặt đỏ bừng lên như có ai vừa nhìn trộm mình. Những cử chỉ hồn nhiên đó làm tôi chạnh lòng nhớ đến một vết thương...

Người kể chuyện cho tôi nghe hôm nay là đại tá quân đội Nguyễn Hoàng Chi, người quen thường gọi ông là ông Tư Mã, chủ tịch hội Cựu chiến binh tỉnh Cà Mau, nguyên chỉ huy phó chính trị Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Minh Hải.

Cuối năm 1967, Tư Mã được phân công về thị xã Cà Mau để tổ chức một đội nữ biệt động thành, một phương án tác chiến có tên gọi rất hấp dẫn là “**chiến thuật nở hoa trong lòng địch**”. Đặc trưng của chiến thuật này là” **lấy yếu đánh mạnh, lấy ít đánh nhiều, độc lập tác chiến**” và vũ khí chủ yếu

là bom và mìn nổ chậm. Tiêu chuẩn của người chiến sĩ biệt động cũng rất khắt khe, ngoài lòng dũng cảm, gan lì, phong cách nhanh nhậy, táo bạo, trí thông minh để xử lý nhanh các tình huống... còn có một tiêu chuẩn khác cũng không thể thiếu được là sắc đẹp. Bởi vì, sự quyến rũ của nhan sắc sẽ làm cho kẻ thù say mê mà quên cảnh giác.

Bảy Lòng là cô gái có đầy đủ các tiêu chuẩn ấy.

Giữa năm 1968, đánh trận đầu tiên, Tư Mã triển khai cho hai chi đội gồm bốn người chở hai quả bom nổ chậm được chế tạo từ trái bom lếp của giặc, mỗi trái từ năm trăm đến bảy trăm ki-lô-gam. Bằng phương pháp thủ công, bộ đội ta tháo một đầu bom, cài vào đó một kíp nổ và một linh kiện hẹn giờ nổ theo ý muốn. Mỗi trái bom được vận chuyển bằng một chiếc xuồng có trọng tải chừng vài ba tấn. Người ta dùng giây dù cột hai đầu trái bom treo phía dưới lườn xuồng, dòng sợi dây lên phía trên để khi đến *điểm hẹn* chỉ cần cắt dây là trái bom chìm xuống đáy sông tức khắc. Để nguy trang người ta chắt những bao trấu và lúa lên xuồng sao cho lượng bao tương đương với trọng tải. Những lớp trấu để dưới, lớp lúa trên cùng, xuồng máy cứ chạy ung dung như người ta đang đi chà gạo hoặc bán lúa. Hôm ấy một ngày bình thường như mọi ngày trên sông nước Cà Mau. Cũng vẫn xuồng ghe tấp nập xuôi ngược trên sông, không có ai biết có hai quả bom dưới hai xuồng lúa đang từ từ lao vào thị xã. Một chiếc của anh Sáu Anh và chị Út Hà đi về phía căn cứ hải quân; một của chị Bảy Lòng và bé Trung đi về phía đoàn tàu chiến đang đậu dọc theo ngã ba chùa Bà Thiên Hậu để chuẩn bị cho cuộc hành quân.

Bé Trung mười ba tuổi ngồi dưới khoang tát nước làm nhiệm vụ cắt dây khi có lệnh, chị Bảy Lòng lái máy. Đến Giồng Kề, gần thị xã bỗng dừng tắt máy, chị Bảy giật hoải không được. Máy tên cảnh sát chạy ca nô ngang qua, thấy chị đẹp gái nên chúng dừng lại chọc ghẹo, có một tên muốn lấy lòng người đẹp nên nhảy sang sửa máy, hấn giật thử mấy cái rồi théo nhíp lửa ra rửa xăng, chùi giấy nhám. Máy nổ hấn tán tỉnh lấy oai với đồng bọn. Chị Bảy cũng cười tình, xã giao vài câu rồi cho thuyền chạy tiếp. Xuồng cặp sát đoàn tàu, chị ra ám hiệu cho bé Trung cắt dây. Lúc này trời đang mưa. Một tên lính ngồi trên cabin nhìn xuống nói: “*mưa lạnh quá em ơi! Lên đây úm với anh cho ấm*”. Chị Bảy nhìn lên cười đáp: “*Hổng sao đâu anh, một chút nữa là ấm thôi!*”. Chị cho xuồng lao đi, tên lính vẫy tay chào mà không hiểu chị muốn nói gì với hắn.

Mặt trời vừa lặn, xuồng ghe trên sông vừa vắng bóng.

Hai cột nước dựng lên cùng với hai tiếng nổ long trời lở đất.

Mười hai chiếc tàu chìm xuống đáy sông, một chiếc bị ném lên bờ. Sau lễ mừng công hai tháng, Tư Mã triển khai kế hoạch đánh vào kho đạn của ngụy quân bằng mìn nổ chậm. Khác với bom, mìn nổ chậm được chế bằng thuốc nổ TNT, mỗi trái khoảng nửa ký-lô-gam và định giờ nổ bằng sự tương ứng giữa lượng axít thấm qua một xấp giấy. Vì vậy mà cách tính đôi khi không chính xác, dễ xảy ra những trường hợp rủi ro.

Và rủi ro đã đến với chị Bảy Lòng.

Sáng hôm ấy, trong vai người đi đám giỗ chị đặt quả mìn dưới đáy giỏ xách rồi bỏ vô mấy chục trái quít và mấy ổ bánh. Chị đang ung dung đi trên đường phố, vừa tách ra khỏi dòng người để đi về hướng kho vũ khí thì bất thần mìn nổ...

Dấu ấn cuộc đời bắt đầu từ hôm tỉnh dậy, thấy mình nằm trong phòng mổ bệnh viện Cà Mau giữa bày cảnh sát. Chị nhìn chúng rồi khẽ nhấc đầu lên nhìn xuống thân thể của mình. Chị lại ngất đi. Khi tỉnh lại lần sau, chị mới thực sự biết rằng, tất cả những gì kín đáo nhất, tuyệt vời nhất trên thân thể người con gái của chị giờ đây đã trở thành những vết thương. Năm ấy chị mới tròn hai mươi một tuổi.

Phẫu thuật xong, chúng còng chân chị rồi chuyển qua trại điều dưỡng. Suốt ba tháng nằm viện, chị phải đương đầu liên tục với những đòn tâm lý của bọn cán bộ chiêu hồi. Song, chị chỉ có một lời khai duy nhất: tên Nguyễn Thị Hà, mười bốn tuổi, mồ côi cha mẹ, trên đường đi bỗng dưng bị thương không biết lý do. Chúng đưa mẹ chị vào, chị không nhìn.

Sau khi lành bệnh, chúng giải chị qua Ty cảnh sát để tổng giam, hỏi cung và tra điện, chị cũng chỉ có bao nhiêu lời khai đó. Cuối cùng chúng bỏ tù chị mười tám tháng.

Bốn tháng nằm viện, mười tám tháng tù, chị lên thêm hai tuổi, cái tuổi mà mọi người đang cống hiến và đang yêu. Nhưng với chị, những vết sẹo thâm kín trong người đã gây ra sự tổn thương khủng khiếp đến tâm hồn và ý chí, ám ảnh cả tương lai, mặc dù nhìn đáng vẻ bề ngoài, chị vẫn còn là cô gái trẻ trung xinh đẹp.

Có một anh bộ đội địa phương đem lòng yêu chị, và chị cũng biết rằng mình đã yêu anh. Nhưng chị đã không thể cho ai thì cũng không thể nhận của ai. Và để suốt đời trốn tránh tình yêu, chị cố tạo cho mọi người một sự hiểu lầm về cá tính: cao ngạo, cáu gắt, cộc cằn, gây gổ với con trai... Nhưng nghiệt ngã thay, những lớp diễn ấy, theo thời gian nó đã trở thành tính cách của chị như người diễn viên suốt đời sống trọn với nhân vật của mình.

Người thứ hai kể lại với tôi câu chuyện trên đây là anh Sáu Sơn, tức nhà báo Đỗ Văn Nghiệp. Tháng bảy năm 1998, khi tôi còn làm biên tập cho tờ báo ảnh Đất Mũi, tôi có nhờ anh viết một bài cho số báo đặc biệt kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ. Đúng hẹn anh đưa cho tôi bài viết có tựa đề là Bản anh Hùng ca không âm thanh, kể về chị Bảy Lòng. Đọc bài viết của anh Sáu Sơn, tôi thấy chị Bảy bây giờ khổ quá, chị mở lớp học tình thương tại nhà để dạy chữ cho những đứa trẻ không có điều kiện đến trường, chị không ra giá học phí, phụ huynh muốn cho chị bao nhiêu tùy ý, ai không cho đồng nào cũng được. Ngoài ra chị ươm giá bán để kiếm sống, vậy mà chị xin một đứa con trai, nuôi nó từ lúc hai tuổi, năm nay nó đã là sinh viên đại học sư phạm Cần Thơ. Không có tiền nuôi con, chị đã cầm cái thẻ thương binh một triệu rưỡi, đóng lãnh một tháng một trăm hai chục ngàn đồng.

Anh Sáu Sơn vận động bạn bè xin cho chị Bảy được sáu trăm ngàn đồng, hôm mang tiền vô nhà cho chị, anh mời chị Út Vững, Phó Giám đốc Sở thương binh, chị Út Loan, Phó Chủ tịch Hội chữ thập đỏ, chị Nguyệt Hân, Chủ tịch Hội phụ nữ tỉnh cùng đi với mục đích nhờ các chị ấy xem lại vết thương để nâng bậc thương binh cho chị Bảy. Sau khi dẫn chị vào buồng xem vết thương, lúc bước ra chị nào cũng khóc.

Hơn hai năm sau khi đăng bài báo, một hôm, anh Sáu Sơn rủ tôi đi thăm chị Bảy. Chúng tôi đi xe honda đến Cầu số 3 rồi lội bộ theo bờ sông khoảng hơn một cây số thì đến nhà chị. Một gian nhà xiêu vẹo nằm trong vườn tạp, cỏ dại bao quanh. Cách nhà chị một con mương có một căn nhà gỗ bỏ hoang, ván phen bốn bề mục nát, trên cửa có tấm bảng *nhà tình nghĩa do ngân sách tỉnh cấp năm*

1992, thấy tôi định lấy máy ảnh ra chụp, anh Sáu Sơn giải thích, đó là nhà của bà Tư Thâu, bà mẹ Việt Nam anh hùng, mẹ của chị Bảy Lòng, bà có 4 người con ruột và một người con rể đã hy sinh. Nhà mục không có tiền sửa chữa, tuổi già không ai chăm sóc nên ông bà về Thới Bình sống với người con gái thứ ba, một cán bộ hưu trí. Chúng tôi bước sang nhà chị Bảy, chị đang hì hụi cắt rau muống dưới nương. Gọi là nhà theo cách gọi thông thường, thật ra đó chỉ là cái chòi khoảng bốn chục mét vuông được cất bằng nhiều loại cây tạp trong vườn. Tôi nhìn quanh không có món đồ nào đáng giá năm chục ngàn đồng. Hỏi ra mới biết, cái thẻ thương binh chị cầm hai năm rưỡi nay chưa chuộc được, còn chuyện nâng bậc, hồ sơ đã làm xong hai năm nay nhưng chưa có kết quả gì, có lần chị ra ngoài Sở, người ta nói chị được xếp loại 2/4 nhưng phải chờ trên Bộ ký mới xong. Chị Út Vững có nhã ý đưa chị vào sống ở Trung tâm bảo trợ xã hội, chị có đến đó xem, thấy cái cảnh mỗi người một cái giường tám tắc, không có chỗ cho chị làm bánh bèo được mười ngàn, buổi chiều cắt rau muống được bốn ngàn nữa, nhờ vậy mà nuôi thằng nhỏ học đại học suốt bốn năm nay. Chị nói mấy năm trước chị dành dụm mua được bộ cột tràm để cất nhà, nhưng năm đầu tiên thằng Đăng vào Đại học, phải bán đi, năm sau cầm cái thẻ thương binh, năm sau nữa bán vườn, giờ chỉ còn cái nền nhà trọi lổ. Suốt buổi nói chuyện hầu như chị chỉ kể chuyện thằng Đăng, chị nói, hè có nó ở nhà vui lắm, buổi sáng ngủ dậy thì nó đã hấp xong thau bánh bèo, buổi trưa đi bán về thì nó đã dọn sẵn mâm cơm. Nhiều lúc nghĩ cũng thấy tự hào, mình nghèo mà có con học đại học, vài tháng nữa là ra làm thầy giáo cấp III. Xứ này cũng có nhiều nhà giàu mà con cái họ có làm nên trò trống gì đâu... Cả hai buổi chiều liên tiếp ở nhà chị, mấy lần tôi cố gọi lại chuyện xưa nhưng chị chỉ trả lời qua loa rồi lại quay sang chuyện đứa con trai, tôi chợt hiểu nó đã trở thành lẽ sống duy nhất của chị... Ra về, đầu óc tôi miên man, căng thẳng, khi nghĩ về chị, cả cuộc đời con gái chị đã cống hiến cả sự sống còn cho đất nước. Vậy mà đã 25 năm đất nước thống nhất chị vẫn còn lặn lội sống dưới mức nghèo khổ, lại còn vất vả nuôi cho xã hội một đứa con-một công dân trí thức. Bất giác tôi nhớ: Có lần đồng chí Đặng Thành Học- Ủy viên ban chấp hành trung ương Đảng- Bí thư thành ủy Cà Mau nói rằng: ***"Từ đáy lòng chẳng có ai trong chúng ta không xót xang, day dứt. Đâu thể kéo dài được nữa tình cảnh một bộ phận người có công với nước, nhà cửa còn rách rưới nghèo nàn. Nó đòi hỏi tất cả mọi người không phân biệt lương hiếu nghĩa bác ái, yêu mến bà mẹ Việt nam anh hùng, thương binh và gia đình liệt sĩ, gia đình có công mà sẵn sàng giúp đỡ, chăm sóc ân nhân dân tộc"***. Xin được nhắc lại lời nói đầy tâm huyết này và rất mong tất cả chúng ta hãy xem đây là mệnh lệnh-mệnh lệnh từ trái tim mỗi con người...

Nhật ký tình người

Khi viết bút ký *Hồ sơ một vết thương*, tôi không có hy vọng làm thay đổi đời sống của chị Bảy Lòng. Cũng như bao nhiêu lần khác và cũng như bao nhiêu người cầm bút khác, khi nói về số phận của một nhân vật nào đó, tôi chỉ muốn bày tỏ lòng khâm phục và sự đồng cảm, sẻ chia ...

Khi *Hồ sơ một vết thương* được đăng trên báo Văn Nghệ vài hôm thì một buổi sáng thật sớm, nhà văn Dạ Ngân từ Hà Nội gọi điện thoại cho tôi, chị nói vắn tắt : *"Chuyện dài dòng lắm, nói trên điện thoại đường dài tốn tiền, em mở E-mail xem đi, chị vừa gửi"*. Trên hộp thư điện tử, chị Dạ Ngân báo

tin : có một cô sinh viên ở Hà Nội du học ở Anh và được học bổng của Hoàng gia Anh, trong mấy tháng nghỉ hè, cô được giảm bảy mươi phần trăm học phí và cô đã trích trong khoảng tiền ấy để gửi cho chị Bảy Lòng năm triệu đồng, cô xin được giấu tên và yêu cầu cho cô tấm ảnh chụp tác giả trao tiền cho chị Bảy Lòng để cô giữ làm kỷ niệm.

Mấy ngày sau, cũng vào một buổi sáng sớm, tôi đang ngồi trên taxi ở thành phố Hồ Chí Minh, chuông điện thoại reo, nhìn số máy hiển thị trên màn hình, tôi biết ngay đó là chị Việt Anh, giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau, chị nói : “ *Đêm qua nghe nghệ sĩ ưu tú Trần Phương đọc bút ký Hồ sơ một vết thương trong chương trình đọc truyện đêm khuya của đài phát thanh Cần Thơ, xúc động quá ! Chị muốn giúp chị Bảy Lòng một triệu đồng, nhờ em chuyển giùm ...* ”

Hồ sơ một vết thương lần lượt được đăng lại trên báo ảnh Đất Mũi và tạp chí Bông Sen, tôi nhận được nhiều cú điện thoại bày tỏ tình cảm với chị Bảy Lòng. Anh Phạm Công Danh, Thường vụ tỉnh ủy kể lại : hôm mẹ anh bệnh nặng, nhiều bà con ở trong quê ra thăm, anh đọc cho mọi người nghe và họ đã khóc. Anh nhờ tôi dẫn đường để anh tổ chức một chuyến đi thăm và tặng quà cho chị Bảy. Trong tình cảm của mỗi độc giả dành cho chị Bảy, hầu như ai cũng muốn làm một công việc gì đó rất cụ thể. Ví dụ như nhà giáo ưu tú Thái Văn Long - phó giám đốc Sở Giáo dục đào tạo Cà Mau - khi đọc xong anh liền gọi điện thoại cho tôi để căn dặn rằng, khi nào cháu Bình Đăng ra trường thì báo cho anh biết, anh sẵn sàng nhận cháu về dạy tại Cà Mau để nó có điều kiện chăm sóc cho mẹ nó. Rồi Đại tá Hồ Việt Lâm, giám đốc Công an tỉnh lại gọi điện thoại nhờ tôi xem bên báo ảnh Đất Mũi có ai biết nhà chị Bảy để dẫn đường cho các anh mang quà và một triệu đồng vào giúp chị . Anh Trịnh Thành Tâm, giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn Đại Thành cũng mang đến hội nhà báo năm triệu đồng nhờ anh Sáu Sơn chuyển cho chị . Anh Khải, chủ doanh nghiệp tư nhân Tân Phát nhờ tôi trao cho chị bốn triệu đồng. Anh Năm Hồng, giám đốc Công ty công trình giao thông Cà Mau gọi điện cho tôi biết, chị Bảy Lòng ngày xưa là lính biệt động của anh, anh sẽ gửi cho chị vài triệu đồng. Anh Tám Tấn, giám đốc Công ty vật liệu xây dựng Cà Mau nói khi nào chị Bảy được cất nhà tình nghĩa, anh sẽ tài trợ một số vật tư trị giá khoảng hai triệu đồng ...

Một buổi sáng, đạo diễn Nguyễn Trung Hiếu ở Đài truyền hình Cần Thơ nhờ tôi chở anh vào thăm chị Bảy. Trên đường đi, anh nói rằng suốt hai đêm qua, sau khi đọc *Hồ sơ một vết thương* anh cứ trằn trọc mãi. Anh muốn tiếp cận với chị và quan sát hiện trường để dựng một bộ phim.

Tháng chín, tôi đi làm phim *Một vùng sông nước* ở Năm Căn. Một hôm đang ngồi ăn sáng với đoàn phim thì có điện thoại của chú Ba Thám, bí thư tỉnh ủy, ông nói rằng hôm qua ông đã đọc *Hồ sơ một vết thương* và ông đã chỉ đạo cho giám đốc Sở Thủy sản lo cho chị Bảy Lòng căn nhà tình nghĩa. Ông bảo tôi nên phát hiện thêm những mảnh đời như chị Bảy để nhà nước có chính sách đền bù xứng đáng. Khi tôi kể lại cuộc đàm thoại cho đoàn làm phim nghe, anh phó quay Huỳnh Lâm – đang là sinh viên trường Điện ảnh – nói : “ *Em đã đọc Hồ sơ một vết thương hôm còn ở Sài gòn và em đã có ý định dựng phim chân dung chị Bảy Lòng để làm bài tốt nghiệp. Có những người dù không được tặng danh hiệu Anh hùng bởi nhiều nguyên nhân nhưng thực chất với những chiến công và sự hy sinh thầm lặng ấy đã đủ cho ta tôn vinh họ là người Anh hùng* ”.

Một tháng sau tôi về nhà thì được anh Sáu Sơn cho biết, Đài truyền hình Cà Mau mời anh làm biên kịch và đạo diễn cho bộ phim tài liệu chân dung chị Bảy để dự liên hoan phim vào đầu năm nay. Cùng

lúc này, anh Chín Khải, giám đốc sở Thủy sản gọi tôi và anh Kiên Hùng qua nhận tiền xây nhà cho chị Bảy. Anh Chín nói tổng số tiền hai mươi tám triệu đồng do Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản quyên góp. Anh hỏi xây nhà ở đâu ? Tôi sực nhớ ra chị Bảy không có nền nhà. Cái nền đang ở chị đã bán cho người ta trong thời gian nuôi cháu Bình Đăng học đại học. Đây là một chi tiết quan trọng mà tôi bỏ quên trong bài viết của mình. Anh Kiên Hùng nói để số tiền ấy lại cho sở thủy sản quản lý, khi nào có nền nhà sẽ tính sau.

Tôi bàn với anh Sáu Sơn viết giùm chị Bảy một lá đơn xin nền nhà, nhờ chính quyền địa phương và sở Thương binh xác nhận rồi tôi mang sang ủy ban tỉnh trình bày với anh Bảy Diệp, phó chủ tịch, anh Bảy hứa ngay mà không cần phải cân nhắc, đắn đo.

Khoảng một tháng sau, vào một buổi sáng, anh Mười Trung, phó giám đốc công ty phát triển nhà gọi điện thoại nhờ tôi cử người dẫn đường cho anh đi thăm chị Bảy. Tôi sang cơ quan nhờ nhà báo Nguyễn Tiến Trình cùng đi với anh. Chiều về, Trình báo lại rằng anh Mười mang vào cho chị Bảy hai triệu năm trăm ngàn đồng và cho chị xem cái nền nhà trên bảng vẽ. Cái nền ở dưới phườnng 1, cạnh công viên văn hoá, bề ngang bốn mét, bề dài hai mươi sáu mét, trị giá mười cây vàng, công ty phát triển nhà cho một nửa, ngân sách cho một nửa. Chị Bảy mừng đến muốn khóc...

Khi tôi viết những dòng này thì ngôi nhà của chị đang xây, có nghĩa là tết này chị sẽ già từ căn chòi rách nát, xiêu vẹo giữa đám lau sậy bên bờ sông. Dòng sông đã từng soi bóng một cuộc đời bất hạnh ngày ngày đội thúng bánh bò ra chợ để nuôi đứa con nuôi từ lúc nó còn đỏ hỏn cho đến ngày đội mào cử nhân. Tôi biết ngày chị về nhà mới sẽ chẳng có gì mang theo bởi tôi đã từng quan sát trong căn nhà chị chẳng có vật gì đáng giá năm chục ngàn đồng. Có chăng là vài bộ quần áo, vài cái chén sành, cái nồi sứ quai và cái xúng hấp bánh bò đã ám khói với thời gian. Nhưng chị hãy yên tâm, anh Mười Trung nói còn chừa một ít tiền để mua cho chị chiếc giường và bộ bàn ghế, anh Kiên Hùng dự định sẽ tặng chị cái tivi, chị Việt Anh nói sẽ tặng chị cái bếp gas, anh Huỳnh Khánh, giám đốc sở Văn hoá thông tin nói sẽ nhận chị vào làm công việc trồng hoa ở công viên văn hoá ... Chị hãy yên tâm vì cuộc sống còn đầy ấp tình người .

Giữa hai dòng mặn ngọt

Cách đây bảy năm, tôi có soạn ra một đề cương kịch bản phim tài liệu khoa học với chủ đề: "*Bán đảo Cà Mau nhìn từ góc độ nhân văn*" gửi cho Sở Khoa học - Công nghệ & Môi trường để đăng ký như một công trình nghiên cứu với hy vọng có kinh phí đầu tư. Một hôm, kỹ sư Ngô Dân, Chủ tịch Hội đồng Khoa học, gọi điện thoại mời tôi đến phòng làm việc của anh uống trà, anh nói : "Tao đã đi nhiều nước trên thế giới, chưa thấy nơi nào có những đặc trưng lạ lùng và độc đáo như xứ sở của mình. Sông ngòi, kinh rạch chằng chịt, một mùa nước mặn, một mùa nước ngọt...". Anh bỏ lửng câu nói để châm trà rồi nhìn tôi và nói tiếp : "Tao rất mê cái đề cương của mày là vì nó liên quan tới những đặc trưng ấy. Tao là dân cơ khí nhưng cũng có tìm hiểu chút ít về tính nhân văn của thiên nhiên. Vì thế nên tao muốn góp với mày một ý nhỏ. Tất cả những dòng sông trên đất nước này chỉ có hiện tượng chung là

nước lớn nước ròng. Nhưng xứ sở mình lại có thêm con nước rong và nước kém. Cao điểm của con nước rong diễn ra hằng tháng vào ngày rằm và ngày ba mươi, còn cao điểm của con nước kém là ngày mùng mười và ngày hai mươi lăm, tính theo âm lịch. Đặc biệt là con nước lớn trong con nước rong thì các dòng sông tràn bờ linh láng, còn con nước ròng trong con nước kém thì các dòng sông gần như cạn kiệt, lòi bãi, những con sông cạn thì phơi đáy. Điều ấy đã ảnh hưởng đến tính cách con người. Dân xứ mình sống bộc trực, không khách sáo, hễ chịu chơi là chơi hết mình, chơi phạch ngực. Còn hễ thương nhau là thương hết lòng hết dạ, tình thương lai láng, tràn trề như con nước lớn trong con nước rong. Bởi vậy mà tao cứ nhớ hoài mấy câu thơ của Nguyễn Trọng Tín: *Xin cảm ơn con nước ròng sát kiệt, để dòng sông không che đậy lòng mình...*".

Những điều anh Ngô Dân nói làm cho ký ức tôi càng in đậm hơn hình ảnh của dòng sông thời thơ ấu. Con sông Giồng Bóm nằm giữa đồng Phong Thạnh, nó bắt nguồn từ kinh xáng Phụng Hiệp rồi rong chơi len lỏi giữa cánh đồng hoang. Con sông không có gì đặc biệt nhưng tôi đã lặn hụp ở đó trọn cả tuổi thơ của một đời người. Con sông với hai mùa mặn ngọt, ngược xuôi hai con nước lớn ròng chở nặng phù sa. Mùa nước ngọt, dòng sông trở một rừng bông súng trắng. Trái giác, bông súng, cá rô tạo thành nồi canh chua miễn phí mà ngon đến tuyệt vời. Đến lúc nước cứng, còn gọi là nước ba chề, tức những ngày giao điểm giữa hai mùa ngọt mặn, cá nước ngọt bị nước mặn đuổi chạy thành bầy, kéo vừa xong tay lưới thì cá lóc, cá trê đã quần chìm phao. Đến mùa nước mặn, suốt con nước rong, tôi với chiếc xuồng con bơi trên dòng sông đặt cua, giăng lưới, lòng lại nôm nớp đợi con nước ròng trong con nước kém, dòng sông phơi đáy, tha hồ mà hì hục dưới bãi bùn để thụt lệt, mò tôm, bắt cá nâu theo ven đó, thụt cá ngát dưới hang sâu...

Hai mươi lăm năm qua, tôi trôi dạt nhiều nơi, sống với nhiều dòng sông khác, nhưng trong ký ức vẫn chỉ một dòng sông thời thơ ấu của mình.

Cách đây khoảng hai tháng, có một đêm ngủ trong một khách sạn ở Sài Gòn, bỗng dưng tôi nằm mơ thấy mình trở về thăm dòng sông cũ, và tôi chợt hốt hoảng khi thấy con sông thay đổi đến lạ lùng, dòng nước không còn chảy và màu nước không còn ngầu đục phù sa. Dòng nước cứ đứng trơ và màu nước phèn trong nhìn tận đáy, dưới đáy sông toàn lá mã đề, bông súng ma và cỏ lá hẹ bị nhuộm đỏ màu phèn, vài con cá lòng tong lội ngơ ngác ngác. Thế rồi như một đứa trẻ con, tôi ngồi gục đầu bên bờ sông và khóc mướt, khóc như tiếc thương một dòng sông không còn giống trong ký ức của mình. Sau đó tôi gặp lại lão cùi trong xóm, lão ta giải thích rằng ở ngoài kia, cuối nguồn con sông Phụng Hiệp, người ta đã xây một cái cống to để ngăn không cho nước mặn vào đây, từ đó đến nay dòng sông ngừng chảy. Tôi hỏi: "Ngăn nước mặn để làm gì?". Lão đáp: "Ngăn nước mặn để giữ nước ngọt". Tôi lại hỏi: "Giữ nước ngọt để làm gì?". Lão lại đáp: "Không biết, nhưng hình như từ ngày giữ nước ngọt đến nay con gái ở đây đẹp hơn trước". Tôi định nhờ lão dẫn tôi đi xem vài cô gái để đối chứng thì bài thể dục buổi sáng phát trên loa truyền thanh làm tan biến giấc mơ.

Người ta nói giấc mơ chẳng qua là sự phản ánh một cách méo mó những hiện tượng của đời sống ban ngày. Biết thế, có hàng trăm giấc mơ rồi sau đó quên ngay, nhưng chẳng hiểu sao giấc mơ về dòng sông ấy cứ lảng vảng trong tôi cho đến bây giờ. Có một đêm nọ không ngủ được, nằm nghiền ngẫm về giấc mơ rồi nghe nhớ thương dòng sông cũ. Sáng hôm sau, tôi lái xe Honda lên cầu Láng Trâm rồi thuê đò dọc chạy về Giồng Bóm. Không còn nhận ra hình ảnh của con sông xưa, con sông rộng rong chơi giữa cánh đồng hoang thời thơ ấu. Bây giờ nó trở thành con kinh xáng, nhà ngói mọc đỏ đôi bờ. Và

cánh đồng Phong Thạnh hàng chục ngàn hecta hoang hóa ngày xưa bây giờ con người đã chia nhau làm chủ, biến thành đất nuôi tôm, kinh xáng cắt ngang xẻ dọc như bàn cờ. Tất cả đều xa lạ, tôi hỏi thăm lão cù trong giấc mơ hôm ấy, thì ra lão đã qua đời mười mấy năm nay.

Tôi tìm đến nhà anh Hai Thái, anh mừng rỡ la lên gọi bà con xung quanh kéo đến. Sau một hồi nhắc lại chuyện xưa, tôi hỏi thăm chuyện làm ăn, anh Thái cho biết, mấy năm qua nhờ nuôi tôm sú, bà con ở đây giàu lên, chín đứa con của anh bây giờ đã có cuộc sống riêng, đứa nào cũng xây nhà ngói rộng thênh thang, có máy phát điện, tivi, đầu máy, vỏ composit, máy đuôi tôm...

- Nhưng mà bây giờ khổ rồi chú ạ! - Anh bỗng thở dài - Nhà nước đắp đập, xây cống xung quanh để giữ nước ngọt coi như bít cái đường nuôi tôm, mà đất này thì làm sao trồng lúa, chắc rồi sẽ trả về sự hoang hóa như xưa.

Anh Hai Thái chỉ tay xuống dòng sông rồi nói tiếp:

- Hồi xưa chú ở đây chú biết, con sông này tôm cá đến cỡ nào, chỉ cần chài vài chài là ăn không hết, vậy mà nước ngọt hai năm nay, bây giờ không còn một con.

Tôi ngậm ngùi nhìn xuống dòng sông, nước vàng nhạt màu phèn, dòng nước đứng trôn không còn nước ròng nước lớn. Tôi chợt bồi hồi nhớ đến con bìm bịp, chắc những ngày đầu đóng cống, nó đã gọi đến khàn hơi mà không thấy con nước lớn quay về.

Hôm sau, tôi lại về thăm cánh đồng Chó Ngáp, cánh đồng hoang nổi tiếng đói nghèo của bao nhiêu thế hệ đi qua. Vậy mà chỉ sau sáu bảy năm con người có sáng kiến đưa nước mặn lên đồng để nuôi tôm sú thì sự nghèo đói đã thuộc về quá khứ, nhà tường mọc trắng hai bên bờ sông, sự đời giống như trong cổ tích. Chị Ba Chí ở ấp Chủ Chột, xã Ninh Thạnh Lợi, kể với tôi, xứ này ngày xưa hiếm thấy ai đeo một chiếc nhẫn vàng, vậy mà bây giờ, hễ có đám tiệc, mỗi cô, mỗi bà đeo trên người năm bảy lạng. Nhà chị hồi trước nghèo rớt mòng tơi, làm năm mười công ruộng mà năm nào cũng thiếu ăn. Vậy mà sáu năm nay nuôi tôm, năm nào cũng thu nhập từ hai trăm đến ba trăm triệu đồng. Tôi hỏi chị tích lũy được hai trăm cây vàng chưa, chị cười bẽn lẽn nói: "Làm gì nhiều vậy chú, khoảng một trăm thì có...". Rồi chị chợt buồn: "Nhưng mà hết rồi chú ơi, tôi thu hoạch vụ tôm này là vụ tôm cuối cùng...".

Tôi hiểu chị Ba muốn nói gì khi đưa mắt nhìn xuống dòng sông...

Nước ngọt về. Dòng nước như sự đói nghèo đè lên sự sống.

Nước ngọt về. Đất đai sẽ về lại với hoang vu.

Nước ngọt về. Sự đời ở đây như vừa thoáng qua một giấc chiêm bao.

Vậy mà dòng nước cứ về, mang theo một quyền lực vô hình không ai dám ngăn cản lại.

Tôi chợt nhớ đêm qua ngồi nhậu ở Bạc Liêu, khi bàn tán về chuyện mặn ngọt, một cán bộ tỉnh nói với tôi: "Em không hiểu ngọt hóa để làm gì trong khi cây trái nước ngọt bây giờ rẻ thúi. Cậu Hai em

trồng mặn đường, hôm rồi hái một cần xé hai người khiêng không nổi nhưng bán chỉ được có năm ngàn đồng. Ông ta buồn quá bỏ vườn đi xuống Năm Căn thuê đất để nuôi tôm". Tôi vội vàng lấy sổ tay ra ghi chi tiết ấy thì anh ta hốt hoảng lên và năn nỉ: "Trời ơi em lạy anh! Anh mà ghi tên em với câu nói ấy lên báo là kể như em mất chức như chơi! Ở tỉnh này không ai dám ủng hộ nước mặn, phản đối nước ngọt cả vì sẽ bị kỷ luật".

Những ngày sau đó, thỉnh thoảng xem chương trình thời sự của Đài Truyền hình Cà Mau, tôi bắt gặp những mẫu tin: Huyện Thới Bình, U Minh, Trần Văn Thời, Cái Nước xử lý hàng chục, hàng trăm cán bộ đảng viên và bà con nông dân tự ý đưa nước mặn vào ruộng để nuôi tôm trái phép. Rồi có một đêm nọ, Đài Truyền hình Cà Mau phát đi một phóng sự khá dài phản ánh tình hình nông dân đưa nước mặn vào ruộng để nuôi tôm đã lên cao điểm. Chỉ trong một đêm, tại huyện Thới Bình, hàng trăm người hện nhau đi phá đến sáu cái đập cùng một lúc. Sáng hôm sau, huyện phải bỏ ra hàng trăm triệu đồng để đắp lại, và một số người chủ mưu đã bị bắt giam. Điều mà tôi chú ý nhất trong phóng sự này là phát biểu của Bí thư Huyện ủy Thới Bình - anh Nguyễn Quốc Việt - anh khẳng định rằng hành động của bà con không nhằm mục đích chống chủ trương của Nhà nước mà xuất phát từ nhu cầu bức xúc vì chén cơm manh áo.

Hai hôm sau tôi hành trình xuống Thới Bình, Việt tiếp tôi tại Văn phòng Huyện ủy với gương mặt còn ẩn chứa những nét lo âu:

- Khổ lắm anh ạ! Làm đúng theo chủ trương thì dân đói, còn làm theo ý dân thì chẳng khác nào mình chống lại chủ trương. Từ ngày đưa nước ngọt về đến nay nông dân càng khổ thêm vì hạt lúa đã khủng hoảng thừa. Giá lúa từ sáu mươi ngàn đồng tuốt xuống còn hai mươi ngàn đồng một gạ. Hiện nay trong huyện còn ứ đọng trên ba mươi ngàn tấn, bà con muốn bán - dù bán lỗ - để trả nợ ngân hàng, trả nợ vật tư nông nghiệp và để trang trải chi phí gia đình nhưng chẳng ai mua. Giá khóm từ một ngàn hai trăm đồng tuốt xuống chỉ còn một trăm đồng một trái. Cây mía từ ba trăm đồng nay chỉ còn một trăm hai mươi đồng một ký... Nói chung tất cả các loại cây trái thuộc hệ sinh thái nước ngọt đều rớt giá thê thảm. Chỉ có con tôm mới có thể mang lại sự đổi đời cho nông dân, đưa họ từ kiếp cơ bần trở thành những nhà giàu có. Nhưng toàn bộ diện tích đất Thới Bình lại nằm trong dự án ngọt hóa bán đảo Cà Mau, trong đó có mười hai ngàn ha đất phèn trũng, hoang hóa lâu đời, mấy năm nay bà con nuôi tôm trũng, thậm chí giàu lên. Bây giờ mình cấm đưa nước mặn vào thì chẳng khác nào trả đất trở về hoang hóa, đưa nông dân trở lại kiếp nghèo...

Sáng hôm sau Việt lấy ca-nô đưa tôi đi thăm những cánh đồng nuôi tôm dang dở. Cũng như đồng Chó Ngáp, từ kinh Chợ Chủ, kinh Ông Bường qua Cây Khô, Đầu Nai, Láng Cháy, Ban Can, Tràm Thê... những cánh đồng năn ngút ngàn bao đời hoang hóa, đói nghèo bây giờ nhà ngói giăng giăng.

Việt nhìn đắm chiêu lên cánh đồng và nói với tôi bằng giọng băng quơ như tâm sự với chính mình:

- Có lẽ đây là vụ tôm cuối cùng nếu không có giải pháp nào khác!

Việt đi đến đâu, bà con hai bên bờ kinh cứ vẫy chào, mời gọi như người thân. Hai năm trước, Việt mới tròn ba mươi sáu tuổi, không hiểu lý do gì, từ một phó chủ tịch huyện, anh được bổ nhiệm thăng lên làm bí thư huyện ủy. Nhìn cái tướng ồm ồm, cao cao, nước da trắng như con gái, gương mặt hiền

lành, giọng nói nhỏ nhẹ, từ tốn, tôi có cảm giác Việt là một thầy giáo thì đúng hơn là một bí thư. Vậy mà có lần anh Ba Chủ, Trưởng Phòng Nông nghiệp huyện, nói với tôi: "Thằng Việt cư xử với mấy anh mấy chú cán bộ cấp dưới rất lễ phép nhưng cũng rất kiên quyết nên ai cũng vừa thương vừa ngán nó". Rồi anh kể sang chuyện khác: Bà con Thới Bình đặt cho Việt cái tên rất buồn cười là Việt hai tắc, số là vào tháng mười một năm ngoái, đang mùa nước mặn, bà con vừa thả tôm giống xuống đầm nuôi được hơn một tháng thì tỉnh chỉ thị cho các huyện nằm trong vùng ngọt hóa bán đảo Cà Mau phải bơm nước mặn ra khỏi đầm để đưa nước ngọt về trồng lúa theo quy hoạch. Hàng ngàn máy bơm tập trung về khởi động ở khắp các đầm tôm và các đầu kinh từ huyện U Minh sang huyện Thới Bình. Thấy bà con vừa bơm vừa khóc, Việt xót xa cho tiền tỷ của nông dân vừa đổ xuống đầm lại bị hủy hoại đi, anh liền chạy lên tỉnh cầu xin và giải thích rằng, bây giờ là mùa khô, có tát cạn đầm thì cũng không đưa nước ngọt về kịp để trồng lúa, hơn nữa nếu phơi đất suốt mùa khô thì nước mặn sẽ thấm sâu vào lòng đất, mùa sau sẽ không trồng được lúa. Biết rằng bà con nuôi tôm thêm vụ này là vi phạm chủ trương, vì vậy để cảnh cáo, chúng ta nên tát tượng trưng, chừa lại hai tắc nước trên đầm để bà con bắt cá sống qua ngày, vừa giữ cho đất không bị khô nẻ để mùa sau trồng lúa. Tỉnh đồng ý. Việt chỉ đạo cho các xã đo giữ lại hai tắc nước trên mặt đầm, nhưng anh rí tai nói nhỏ rằng nên đo những chỗ gò cao để giữ nước cho tôm đừng chết. Thế là năm ấy, Việt đã cứu cho bà con được một mùa tôm, có người thu hàng trăm triệu. Từ đó, bà con đặt cho anh cái tên là Việt hai tắc để ghi nhớ hai tắc nước mà anh đã giành lại để cứu một mùa tôm.

Hiểu hết sự giàu có ở đây mới thấy dòng nước mặn quý giá đến vô cùng. Việt kể với tôi về chuyện ông Tư Râu ở kinh Ông Bường, một người chuyên nghề cắm câu giăng lưới để nuôi vợ và sáu đứa con. Hằng ngày, cá ngon ông không dám ăn, cũng không bán cho các chủ vựa mà mang thẳng đến mấy chủ tiệm vàng ở chợ Thới Bình để kiếm thêm vài ngàn đồng một ký. Thế rồi năm ngoái ông nuôi tôm sú trên sáu mươi công đất hoang sau nhà, thu hoạch vụ đầu tiên được hai trăm tám mươi triệu đồng. Hai vợ chồng ông ôm tiền đi mua vàng, người chủ tiệm vàng từng mua cá của ông bỗng giật mình rồi đâm nghi tiền giả, bà lén gọi điện thoại mời công an đến, nhưng người công an ấy biết được ông vừa mới trúng tôm. Tôi đến thăm nhà ông, ngôi nhà mới xây hình chữ L giống như cái trường học. Tiện nghi trong nhà cũng mới mua, đầy đủ và sang trọng như một gia đình giàu có lâu đời. Vẫn còn đó căn chòi ọp ẹp dưới mé kinh với mấy bộ vạc tre, mấy cái lò đất, mấy cái nồi nhôm nhuộm đen màu khói, ông không dùng nữa nhưng gài cửa để đó như thứ kỷ vật của một đời nghèo khó. Tôi cảm động nhìn mấy đứa con ông, mặt mày đen sạm, đầu tóc vàng hoe, dường như chúng chưa hết ngỡ ngàng trước sự giàu sang đột ngột, những ánh mắt lúc nào cũng ngơ ngác ngác khi nhìn những thứ đồ đạc trong nhà, từ máy phát điện, tivi, salon, giường nệm, tủ kính, bếp gas... Có lẽ chúng bị choáng ngợp bởi tất cả sự sang trọng ấy đến cùng một lúc làm cho chúng bàng hoàng như một giấc mơ.

Trên đường đi qua Tràm Thẽ, anh Sáu Phô, Bí thư xã Tân Phú, nói với tôi:

- Lát nữa tao sẽ dẫn mày tới nhà thằng Ba Nùng, mới ba năm trước đây, nó còn rón rén đến nhà tao hỏi vay một trăm ngàn để mua lưới cá rô, tao cho nó mượn. Mấy tháng sau đến trả tiền, tội nghiệp, nó cho tao mấy ký cá rô mè. Vậy mà bây giờ, tài sản tao không bằng cái lai nào của nó. Mới nuôi tôm có ba năm mà nó xây cái nhà năm trăm triệu, rồi sang huyện Cái Nước mua thêm mấy trăm công đất nuôi tôm.

Chúng tôi ghé nhà anh Ba Nùng thì anh đi vắng. Đứng dưới bờ sông nhìn ngôi nhà đồ sộ với lối

kiến trúc hiện đại mọc lên trên cánh đồng của những trăm năm nghèo khó, tôi càng thấy thương thêm những ánh mắt ngơ ngàng của mấy đứa con chú Tư Râu.

Không gặp được anh Nùng, Việt đưa chúng tôi đến nhà anh Tư Nhân cách đó vài trăm mét. Cũng ngôi nhà hộp đồ nóc bằng theo kiểu Mỹ, bên trong dán gạch men lên tới nóc nhà. Nhân cho biết anh vừa mới xây ba trăm triệu, anh dẫn chúng tôi ra cầu thang đi lên sân thượng để nhìn bốn bên cánh đồng Tràm Thề mệnh mông, những ngôi nhà tường cứ giăng giăng trên từng ô đất nuôi tôm giống như những quân cờ bất động. Việt nói: "Tràm Thề ngày trước nghèo nhất, bây giờ trở thành nơi giàu nhất Thới Bình". Nhân nói: "Nhưng bây giờ sắp nghèo trở lại rồi anh Việt". Việt hiểu Nhân muốn nói gì, anh không trả lời, chỉ lặng người đi và nhìn những chùm hoa mua nở tím ven sông. Tôi nhìn theo hướng nhìn của Việt và chợt nhớ ra rằng, trên những vùng đất phèn chua, hoang hóa như thế này ngày xưa dày đặc hoa mua. Có lẽ vì thế mà mẹ tôi từng nói, hoa mua tuy đẹp nhưng tượng trưng cho sự đói nghèo, khổ hạnh.

Anh Nhân kể, từ khi anh lớn lên thì đã thấy đất Tràm Thề hoang vu. Mùa mưa nước sâu ngang ngực, người ta khai thác cánh đồng này bằng cách bơi xuống đi giăng lưới cá rô và nhử năn bột đem bán để kiếm sống qua ngày. Mùa hạn thì tìm đến những nơi gò cao đốt đồng bắt chuột. Sau giải phóng, Nhà nước quy hoạch thành khu kinh tế mới của quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Chẳng bao lâu dân Tân Bình bỏ chạy. Tỉnh tiếp tục đầu tư xây dựng khu kinh tế mới cho dân Hà Nam Ninh, dân Hà Nam Ninh lại bỏ chạy. Huyện Thới Bình thấy rằng đất này không thể nuôi sống con người nên quy hoạch thành vùng đất cầm trâu. Gia đình Nhân ở Chợ Hội, nhà nghèo lại đông anh em nhưng cha mẹ chỉ có mười công đất ruộng nên không thể chia đều nhau, mà sống chung thì cũng không đủ gạo ăn. Để nhẹ gánh cho gia đình, Nhân tình nguyện ra đi. Năm 1983, anh cùng vợ và ba đứa con trên chiếc xuồng ba lá chèo chống về đây, đốn lá dừa nước dựng lên căn chòi bằng ý chí của An Tiêm giữa đồng hoang, lúc này anh mới hai mươi lăm tuổi. Tư Nhân khai phá mười hai ha để trồng khóm, liên tục thất bại hai năm, anh quay sang trồng điều, lại thất bại, anh chuyển qua trồng dừa, dừa chết sạch, anh trồng trúc, trúc không lớn. Đói rách, nhà sập, con bệnh cùng một lúc bốn đứa. Vợ chồng anh bỏ nhà chở con ra bệnh viện Cà Mau sống như cảnh ăn mày. Chữa xong bệnh cho bốn đứa con, Nhân trở về dựng lại căn chòi, sửa lại chiếc xuồng ba lá và làm lại cuộc sống bằng cái nghề giăng lưới cầm câu, nhử năn và săn bắt chuột đồng. Năm 1995, một số hộ thử nghiệm đưa nước mặn lên đồng nuôi tôm sú có hiệu quả. Đất Tràm Thề bỗng thức dậy sau giấc ngủ mấy trăm năm. Đứng trước mười hai ha đất mà không có một đồng vốn trong tay, Nhân quyết tâm dùng sức lao động của mình, anh kéo vợ con ra ban liếp, đắp bờ suốt cả ngày đêm. Cải tạo đất xong, vợ chồng anh chia nhau về quê, tìm đến bà con thân tộc vay mượn được hai lượng vàng để mua tôm giống. Con tôm lớn dần, Nhân cứ hồi hộp, bồn chồn đến không ngủ được. Nhiều đêm anh thức trắng, cầm đèn pin rảo quanh bờ vuông để kiểm tra, canh giữ, đợi chờ. Bốn tháng sau, Nhân thu hoạch được... ba trăm triệu đồng! Căn chòi ọp ẹp, rách rưới không có chỗ để cất tiền, Nhân xây nhà đúc. Từ ấy đến nay, ba năm liên tiếp, mỗi năm Nhân thu hai trăm năm mươi triệu. Riêng năm nay, anh nói nước ngọt về, chỉ vớt vát được khoảng một trăm triệu rồi vụ mùa sau sẽ không còn nuôi được nữa.

Nhân sai con đi mua chai rượu rồi luộc hai đĩa tôm sú loại nhất mang ra đãi chúng tôi. Nhìn hai đĩa tôm bỗng dung tôi nhẩm tính, giá trị của nó tương đương với mười lăm gia lúa, bằng ba ngàn trái khóm, bằng hai tấn rươi mía đường, bằng bốn chục ký sấu riêng Cái Môn, và bằng sáu chục cần xé mặn mà anh cán bộ ở Bạc Liêu đã kể với tôi hôm trước. Nhân vừa rót rượu vừa nói :

- Từ ngày đắp đập đến nay, tụi em xem nước mặn quý như vàng. Nhiều người đi chở từng ghe về đổ xuống đầm tôm. Họ nói giá mà mở cống cho nước mặn tràn về, họ sẽ uống một bụng cho đã.

Anh Sáu Phô quay sang nói với tôi:

- Nhà báo nghe chưa ? Dân ở đây khát khao nước mặn đến như vậy đó, mà có cách nào nói thay nguyện vọng của họ được không?

Tôi không trả lời anh mà chỉ đọc mấy câu thơ Tố Hữu:

*Hỡi những con khôn của giống nòi
Những chàng trai quý gái yêu ơi!
Bâng khuâng đứng giữa đôi dòng nước
Chọn một dòng hay để nước trôi?*

Nhàn nhìn Việt cười nói:

- Cái vụ này hay à! Chọn đi anh Việt!

Việt nói:

- Trong trường hợp này tôi không được quyền lựa chọn.

*

Kỹ sư Ngô Chí Dũng, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp tỉnh Cà Mau, cầm ăng-ten chỉ lên bản đồ và giải thích với tôi: "Ngọt hóa bán đảo Cà Mau là một chương trình quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ dự án với tổng số vốn đầu tư là một ngàn bốn trăm tỷ đồng. Khái niệm về ngọt hóa, trước hết phải hiểu là ngăn mặn từ các cửa biển để giữ nước ngọt từ sông Hậu đổ về. Mục tiêu của dự án này là tạo ra hệ sinh thái nước ngọt cho ba trăm ngàn hecta nằm trên bán đảo Cà Mau gồm bốn tỉnh: Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang. Trong hệ sinh thái nước ngọt trên ba trăm ngàn hecta này, mục tiêu hàng đầu vẫn là cây lúa...".

Cách nay mấy hôm, Giáo sư - Tiến sĩ Võ Tòng Xuân có cho tôi xem một bài viết còn trên máy vi tính của ông với tựa đề: Sự quyến rũ của dòng nước mặn trên bán đảo Cà Mau, theo ông, hệ sinh thái một mùa mặn một mùa ngọt trên bán đảo Cà Mau là một đặc điểm vô cùng quý giá mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người, hiếm có nơi nào trên trái đất này có được hệ sinh thái tự nhiên độc đáo như vậy. Ông nói, ngọt hóa có nghĩa là phá vỡ và làm đảo lộn hệ sinh thái tự nhiên thì chúng ta sẽ trả một giá rất đắt. Hơn nữa, hạt lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long đang khủng hoảng thừa, các loại cây ăn trái cũng đang khủng hoảng thừa thì chúng ta đầu tư phát triển hệ sinh thái nước ngọt để làm gì, trong khi đất nước đang cần đô-la mà nguồn xuất khẩu mạnh nhất của chúng ta hiện nay vẫn là con tôm. Xu thế chung của khoa học thế giới hiện nay là con người phải biết dựa vào những ưu điểm của thiên nhiên để khai thác, để giữ gìn và tôn tạo, không nên phá vỡ nó. Cái tư tưởng thay trời đổi đất sắp xếp lại giang sơn chẳng những đã lỗi thời mà còn trái với quy luật tự nhiên.

Có một buổi chiều tôi dạo chơi trên cống Cà Mau, một công trình được đầu tư gần ba mươi tỷ đồng để ngăn dòng chảy cuối cùng ở hạ nguồn con sông Phụng Hiệp. Cái ranh giới giữa hai dòng mặn ngọt này đã làm cho con sông Cà Mau không còn lưu thông ra biển. Từ đó đến nay, lòng sông âm thầm chịu đựng bao nhiêu thứ chất thải trong mọi sinh hoạt hằng ngày của cư dân trên hai dãy phố ở hai bên bờ sông. Nó như con rắn khổng lồ bị tử thương nằm thối rữa giữa lòng thành phố. Bất chợt, tôi nhớ đến bộ phim tài liệu có cái tên Dòng sông ra biển mà tôi đã làm cách đây cũng khá lâu, ở đoạn kết, tôi dựng cảnh một dòng sông ngoằn ngoèo rồi chồng mờ lên cửa biển, và lời bình của Tố Nhi đã viết như sau: Dòng sông nào rồi cũng đổ ra biển cả, biển chính là nơi giải bày tâm sự của mọi dòng sông. Thương thay cho những dòng sông từ nay đã không còn được giải bày tâm sự cùng biển cả. Và, biết đâu sự ức chế của những dòng sông ấy sẽ làm biến đổi tính cách con người...!

Cà Mau, tháng 7 năm 2000

Thư viết từ đất Mũi

Kính tặng bạn bè xưa

Chị Dạ Ngân !

Có lẽ chị và anh Nguyễn Quang Thân rất hài lòng về chuyến đi thăm Đất Mũi vừa qua, nơi mà nhiều nhà văn, nhà thơ ở Thủ đô hãy còn chờ cơ hội.

Nhưng thật ra, tôi nghĩ rằng với một chuyến đi mang tính *cưỡi ngựa xem hoa* như thế, dù có thỏa mãn đến đâu đi nữa thì tất cả cũng chỉ là cái cảm giác lạ trước một vùng đất lạ mà thôi.

Hôm đưa anh chị đi, tôi có một dự định nhưng lại không làm được dù rất đơn giản, có nghĩa là tổ chức ở trong rừng một đêm để đốt lửa, để nhậu và để nghe mấy ông già Năm Căn kể chuyện ngày xưa

ngày xưa. Sẽ có biết bao câu chuyện kỳ thú về rừng đước Cà Mau từ thời khẩn hoang lập ấp cho đến hai cuộc chiến tranh.

Chị còn nhớ buổi sáng từ trong xóm Mũi đi ra biển, chiếc võ lãi bị mắc cạn ở bãi bồi, chị đốt lửa nấu cơm, tôi với anh Thân ngồi uống trà, anh Thân cứ xuýt xoa với khu rừng mắm bạt ngàn trải dài ra biển như mái nhà từ thấp đến cao. Tôi chỉ giải thích với anh Thân về hệ sinh thái của rừng ngập mặn, có nghĩa là cây mắm đi tiên phong để giữ lấy đất phù sa cho Mũi Cà Mau mỗi năm bồi thêm vài trăm mét, song, rừng mắm còn có cái *phần đời* mà tôi sẽ kể cùng chị trong câu chuyện sau đây.

Có lẽ chị còn nhớ con sông Cửa Lớn mà chúng ta đã đi qua. Đó là một trong một trăm con sông lớn của thế giới, sở dĩ tôi biết được điều đó là vì năm 1991, đoàn tàu Calipso trong chương trình đi nghiên cứu một trăm dòng sông lớn nhất trên thế giới, họ đã dừng lại ở cảng Năm Căn để nghiên cứu con sông Cửa Lớn. Tất nhiên tôi không thể hiểu họ nghiên cứu những gì về con sông này. Riêng trong sự hiểu biết của tôi mà tôi muốn kể với chị rằng, đây là một dòng sông rất lạ, nó bắt đầu từ biển rồi lại về với biển, nghĩa là từ cửa Bồ Đề ở biển Đông đổ về cửa Ông Trang ở biển Tây. Dòng sông này cắt khu rừng ngập mặn Năm Căn ra làm hai mảng, một mảng giáp với đất liền, một mảng giáp với biển Đông và biển Tây như một hòn đảo gồm ba xã Đất Mũi, Viên An và Rạch Gốc.

Trong chiến tranh, ***hòn đảo*** ấy lại là vùng căn cứ, là cái bến cuối cùng của đường Hồ Chí Minh trên biển, để từ cái bến ấy vũ khí được chuyển đi khắp các chiến trường. Biết được điều ấy, quân đội Mỹ mở một chiến dịch gọi là ***Hạm đội nhỏ trên sông***, cứ năm phút có một chiếc tiểu pháo hạm chạy qua dòng sông Cửa Lớn để phong tỏa khu rừng cho quân và dân ta chết dần trong đói khát. Dĩ nhiên là không bao lâu, ***hòn đảo*** đã hết nước ngọt và lương thực dự trữ. Bao nhiêu chuyến tiếp lương vượt sông Cửa Lớn đều bị tàu giặc bắn chìm. Người Mỹ đã không ngờ rằng, trong vòng phong tỏa của họ, người ta đã luộc trái mắm ăn thay cơm và dùng phương pháp nấu rượu để cất nước mặn thành nước ngọt mà uống. Kết quả của chiến dịch ***Hạm đội nhỏ trên sông*** là hàng trăm xác tàu Mỹ chìm dưới đáy sông Cửa Lớn.

Bạn tôi – anh Lâm Việt Bắc – một dũng sĩ săn tàu cấp ưu tú đã từng đánh chìm hằng chục chiếc. Trận cuối cùng ngày 17 tháng 3 năm 1971, anh đã bắn chìm bốn chiếc cùng với 37 lính Mỹ tại vàm Bà Thanh, năm ấy Lâm Việt Bắc mới 17 tuổi. Do bị nhiều vết thương nặng và do bắn vượt cơ sở của loại

súng B40 nên anh bất tỉnh, khi đồng đội chuẩn bị làm lễ truy điệu cho anh thì mới phát hiện anh còn sống.

Chẳng biết ai là người nghĩ ra việc ăn trái mắm thay cơm, chỉ biết rằng trong lúc khắc nghiệt ấy, không có trái mắm thì con người ở đây sẽ chết dần trong đói khát. Trái mắm có vị đắng, chát. Muốn ăn được phải luộc đi luộc lại năm bảy lần rồi sau đó đem nấu với đường như một loại chè đậu , phải ăn như một thứ cực hình cho nên trong đời sống bình thường chẳng bao giờ người ta xem trái mắm là một thứ nguyên liệu để chế biến thức ăn.

Chiến tranh kết thúc, cuộc sống sang trang với với bao nhiêu thứ bộn bề của cơm, áo, gạo, tiền và chính trị.

Là một thương binh 2/4, bị mất tròng mắt phải, một vết thương chạm bên trái cột sống và hàng chục vết thương khác trên người, mỗi khi trái gió trở trời, những vết thương ấy kéo về nhắc lại cuộc chiến tranh. Nhưng chính lúc ấy, Lâm Việt Bắc lại thấy mình mắc nợ với rừng, với những đồng đội đã nằm lại rừng vĩnh viễn. Lẽ ra anh bằng lòng với công việc của một trưởng phòng tài vụ ở sở Thương binh, bằng lòng với vợ đẹp con ngoan trong một gia đình hạnh phúc. Thế nhưng anh thường hay vô cớ bỏ nhà đi, lang thang về rừng ngập mặn, tìm thăm mộ đồng đội trong rừng, thăm lại những bà mẹ Năm Căn đã từng nuôi anh bằng trái mắm thay cơm.

Có lần, anh trở lại sông Cửa Lớn đúng mùa phóng lao cá dứa. Mùa này diễn ra hằng năm vào tháng tám đến tháng mười âm lịch, khi trái mắm rụng đầy sông. Từ các sông rạch nhỏ trong rừng, trái mắm đổ về sông Cửa Lớn, con sông Cửa Lớn có nhiệm vụ đưa chúng ra bãi bồi để chúng làm người lính tiên phong đi mở đất. Chính vì lẽ ấy mà vào mùa này, cá dứa từ biển Đông kéo vào cửa Bồ Đề rồi hội tụ trên sông Cửa Lớn để tha hồ ăn trái mắm. Trong trái mắm có chất Alcaloid nên khi ăn no , cá dứa ngủ mê nằm phơi bụng lơ dờ trên mặt nước. Người thợ săn tay cầm lao, tay lách nhẹ máy chèo xuôi êm theo dòng nước, mỗi khi thấy bụng cá dứa là ngọn lao vút đi, người thợ săn chỉ giữ lại sợi dây, cán lao bằng tre lắc lư trên mặt nước. Thế là một con cá dứa to chừng năm bảy ký được vớt lên.

Chuyện ăn trái mắm thay cơm thời đánh Mỹ, chuyện săn cá dứa vào mùa trái mắm trên sông Cửa Lớn đã nảy sinh ý tưởng trong Lâm Việt Bắc một công trình nghiên cứu khoa học về cây mắm. Nhưng tiếc thay, anh lại thiếu tất cả, thiếu bằng cấp, thiếu kiến thức khoa học, thiếu tiền, thiếu sức khỏe. Anh chẳng có gì ngoài cái giấy chứng nhận thương binh, có nghĩa là chứng nhận một tấm thân không còn nguyên vẹn, một kế toán tài vụ trình độ học vẫn chưa hết lớp 11 ban đêm.

Vậy mà, chị Ngân ạ ! Con người ấy rất lạ lùng và kỳ diệu, kỳ diệu đến không thể nào hiểu nổi. Có lần anh ngồi trò chuyện với Tiến sĩ Trần Đy, tổng cục phó Tổng cục Địa chất về tiềm năng khoáng sản ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, bất giác, ông Trần Đy hỏi : “ *Anh Bắc tốt nghiệp ngành mỏ năm nào nhĩ ?*” Anh Bắc lắc đầu trả lời rằng “ *tôi không có học*”. Ông Trần Đy không tin, ông cho rằng qua cách nói chuyện, cách dùng từ khoa học chứng tỏ Lâm Việt Bắc là một nhà địa chất có nhiều kinh nghiệm.

Nhưng ở đời, cái bằng cấp trước hết lại là thước đo giá trị của kiến thức. Nếu không có nó nằm trong bộ hồ sơ xin việc thì đương nhiên anh bị xếp vào loại lao động phổ thông.

Năm 1980, Lâm Việt Bắc lập ***dự án nghiên cứu việc sử dụng bột lá mắm làm chất dinh dưỡng bổ sung cho thành phần thức ăn trong chăn nuôi công nghiệp***. Anh mang đến Ủy ban Khoa học Kỹ thuật tỉnh để đăng ký đề tài. Tất nhiên là anh bị từ chối vì thủ tục không hợp lệ, có nghĩa là anh không có bằng cấp chuyên môn. Ngoài cái lẽ ấy, người ta tình nghi Lâm Việt Bắc bị mắc bệnh tâm thần, kiểu tâm thần của những thương binh loại nặng, hay mơ mộng đến những điều có liên quan đến chiến tranh. Người ta chế giễu anh vì cây mắm có còn lạ gì ở cái xứ này, nó chỉ là một loài cây vô dụng, chỉ để làm chất đốt.

Ai cũng biết, rừng ngập mặn Năm Căn được xếp vào loại lớn nhất Đông Nam Á và đứng hàng thứ hai trên thế giới sau rừng Amazon Nam Mỹ. Vì vậy mà ngay sau hoà bình nó lập tức trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà khoa học lâm sinh. Tất nhiên là khoảng kinh phí nhà nước đầu tư cho các công trình nghiên cứu khoa học về khu rừng này không nhỏ.

Năm 1983, tôi có dịp tham dự một Hội nghị khoa học cấp Quốc gia về rừng ngập mặn Năm Căn tổ chức tại sở Lâm nghiệp Minh Hải. Tại Hội nghị này, ***Dự án điều chế rừng ngập mặn Năm Căn*** được xem là nội dung chủ yếu, đây là một công trình đầy tốn kém của nhiều nhà khoa học có tầm cỡ trong nước được tiến hành trong nhiều năm. Cơ sở khoa học của dự án này được khẳng định là : ***Trong quy luật diễn thế của rừng ngập mặn, sự xuất hiện đầu tiên là cây mắm. Mắm có vai trò lấn biển để ổn định đất và khi đất được ổn định thì rừng được hình thành. Nhưng từ thế hệ rừng mắm sang thế hệ rừng được phải mất ba mươi năm mà sự tồn tại của rừng mắm trong ba mươi năm ấy không mang lại hiệu quả kinh tế. Vì vậy, cần phải có sự tác động của con người để rút ngắn diễn thế tự nhiên.*** Như vậy, điều chế rừng ngập mặn, nói cho dễ hiểu là phá rừng mắm để trồng được.

Trong thời gian này, Lâm Việt Bắc đã bán gần hết tài sản của gia đình và đồ trang sức của vợ để đi tìm các thông số kỹ thuật có liên quan đến giá trị của cây mắm. Kết quả phân tích của Viện nghiên cứu Hạt nhân Đà Lạt đã làm cho anh bất ngờ sung sướng đến ngất đi : Bột lá mắm có chứa 23 thành phần dinh dưỡng và hoàn toàn không có độc tố, đặc biệt trong đó có Caroten và Protein chiếm hàm lượng rất cao. Giải thích hiện tượng này, Lâm Việt Bắc khẳng định : ***Trong quy luật diễn thế của rừng ngập mặn, sự xuất hiện đầu tiên là cây mắm. Với vai trò ổn định đất, mắm mọc theo triền sông và ven biển. Chính ở môi trường này, cây mắm có điều kiện để hấp thụ các khoáng chất trong nước biển và phù sa trổ.***

Để hoàn tất công trình nghiên cứu, Lâm Việt Bắc về Năm Căn dựng lên dãy nhà ven rừng mắm bên bờ sông Rạch Rốc để làm cơ sở sản xuất thử nghiệm. Nhưng mọi thứ đều cần phải có tiền, anh sang căn cứ Hải quân nguy đào bới sắt vụn, vỏ đạn, túi nilon chở lên thành phố Hồ Chí Minh đổi lấy thiết bị máy móc. Chính trong những chuyến đi này anh đã mò mắm đến Viện Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam, gặp Giáo sư Tiến sĩ Trần Thế Thông, viện trưởng và Kỹ sư Đinh Huỳnh, chủ nhiệm bộ môn thức ăn và dinh dưỡng gia súc để nhờ họ đỡ đầu cho công trình nghiên cứu.

Tháng 12 năm 1986, Giáo sư Tiến sĩ Trần Thế Thông dẫn một đoàn cán bộ chuyên môn về Cà Mau để khảo sát rừng mắm và tổ chức một Hội nghị khoa học về cây mắm. Ông nói : Từ kết quả phân tích các thành phần hoá học của bột lá mắm đến kết quả của quá trình thử nghiệm trên chăn nuôi đã cho phép chúng ta đi đến kết luận rằng, bột lá mắm đã rút ngắn được thời gian chăn nuôi gia súc gia cầm, tăng chất lượng thịt mỡ và đặc biệt là giảm tối đa các dịch bệnh. Theo tôi, công trình nghiên cứu của

Lâm Việt Bắc có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế của đất nước ta, đồng thời đây là một công trình khoa học có tầm cỡ Đông Nam Á, nếu tôi không nói rằng có tầm cỡ quốc tế. Vì sao vậy ? Xin thưa rằng, bột lá mầm có hàm lượng dinh dưỡng cao hơn bột cỏ Medicaro và Sativa ở Châu Âu, cao hơn cây Bình linh ở Malaysia và Philippin, đặc biệt là nó không có độc tố, lại mọc thành rừng tự nhiên, trong khi đó hầu hết các loại bột cỏ trên thế giới đều phải đầu tư đất đai và chi phí trồng trọt nhưng chúng lại chứa một hàm lượng độc tố nhất định. Vì vậy mà bột cỏ trong chăn nuôi công nghiệp trên thế giới hiện nay vẫn còn là một vấn đề nan giải. Đối với công trình này, tôi biết trong thời gian qua Lâm Việt Bắc gặp không ít khó khăn ... nhưng thôi, cái gì đã qua hãy để cho nó trôi qua, chúng ta hãy hướng tới những gì cao đẹp của một nền khoa học chân chính. Mà một nền khoa học chân chính thì không phân biệt đối xử.

Nhưng ở đời, cái gì đã bị từ chối thì đừng mong bắt người ta dễ dàng thừa nhận, có chăng là sự miễn cưỡng. Xí nghiệp sản xuất bột lá mầm cuối cùng cũng ra đời bên bờ sông Cái Lớn do Lâm Việt Bắc làm giám đốc. Cái ngày khánh thành thật buồn tẻ làm sao. Anh mời không sót ai, nhưng đến dự chỉ có mấy nhà báo và mấy anh em văn nghệ sĩ. Sau buổi lễ khánh thành, nhà máy lại nằm chờ ... dầu để sản xuất. Chờ mãi cho đến khi nó hóa thành đồng sắt vụn bên bờ sông. Mỗi lần có ai nhắc đến, người ta đổ thừa cho ... cơ chế bao cấp. Vậy là huê.

Lâm Việt Bắc bỏ rừng về nhà nằm đọc sách, thỉnh thoảng anh lại vô cớ bỏ nhà đi.

Một hôm, anh gọi tôi ra quán cà phê và hỏi nhỏ : “ Mấy ngày nay mày có nghe tin về cơn sốt đào vàng ở Cạnh Đèn không ?” Tôi nói : “ Tưởng chuyện gì chứ chuyện đó rùm beng hôm rày ai mà chẳng nghe”. Lâm Việt Bắc nói : “Tao mới đi bên ấy về. Người ta nói rằng vàng ấy là của vua Gia Long, hoàn toàn không đúng. Tao phát hiện ở độ sâu chừng một mét đến một mét rưỡi có những kho chứa đá quặng khổng lồ, bên cạnh đó là dụng cụ luyện vàng của Vương Quốc Phù Nam. Căn cứ vào khả năng vận chuyển thời đó thì đá quặng này họ chỉ khai thác ở những vùng lân cận mà thôi”. Tôi hỏi: “Tại sao anh biết đó là đá quặng?” Anh khẳng định: “Nhìn bằng mắt thường cũng đủ biết, nhưng tao đã mang ra Viện nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt phân tích rồi, hàm lượng bốn phần ngàn”. Cuối cùng anh đề nghị : “ Tao muốn tui bây giúp tao một chuyện. Mày, thằng Tín, thằng Dự tổ chức cho tao đi khảo sát vùng Bảy núi An Giang và một số hòn đảo ở Kiên Giang, tui mình lấy danh là đoàn cán bộ sáng tác đi thực tế để nhờ các Hội Văn nghệ bên đó dẫn đi. Như vậy vừa đạt được mục đích, vừa giữ được bí mật. Sau khi khảo sát xong, tao sẽ lập dự án khai thác và trình lên ông Kiệt, trận này phải làm cho thay đổi nền kinh tế đất nước mới được”.

Chúng tôi gom hết tiền nhà, ứng thêm tiền lương, mượn thêm của bạn bè, mỗi thằng mua một cây búa đầu, một cây xà beng giấu trong hành lý rồi phóng lên xe đò làm một chuyến đi với niềm hy vọng làm đổi thay nền kinh tế đất nước.

Qua An Giang, chúng tôi rủ nhà điêu khắc Trần Thanh Phong cùng đi. Vì anh Phong là bạn bè chí cốt nên chúng tôi nói rõ mục đích của chuyến đi và dặn anh rằng, nếu có ai hỏi vì sao chúng tôi lượm nhiều đá thì anh Phong sẽ giải thích rằng anh chọn mẫu đá để làm tượng.

Chúng tôi đi gần một tháng trời, từ những dãy núi trong đất liền đến các hòn đảo ngoài khơi. Anh Bắc đi trước, chúng tôi mỗi thằng một cái giỏ đựng theo sau. Anh bảo đục đâu thì chúng tôi đục đó, anh đưa cái gì thì chúng tôi lấy cái nấy cho vào giỏ đựng, chẳng biết đó là loại đá gì, nặng cỡ nào cũng phải vác. Có lần, tôi thấy anh Bắc đang đứng trầm ngâm như chiêm nghiệm một điều gì dưới chân Hòn Đất ở Kiên Giang, bất giác anh bảo tôi: “Mấy tảng đá cỡ tranh trước mặt và đục hòn đá chỗ đó lên xem”. Tôi ngạc nhiên hỏi lại; “Làm sao anh biết dưới tảng đá cỡ tranh này có hòn đá?” Anh bảo: “Thì cứ làm đi rồi biết”. Tôi đến tảng đá cỡ tranh, quả nhiên là ở dưới có một hòn đá to nằm hơi nhô lên mặt đất. Tôi liền lấy xà beng đục vào một cái, hòn đá vỡ ra, trong đá rục lên những tia kim loại màu vàng lấp lánh.

Một lần khác, đang lội ngoài Bãi Chén ở Hòn Tre, bỗng dưng Lâm Việt Bắc bảo tôi hót mớ cát đen cho vào bọc, tôi làm theo trong khi anh Nguyễn Trọng Tín và Võ Đắc Dự cười bảo: “Loại này ở xứ mình thiếu cha gì, lấy làm chi cho nặng”. Anh Bắc nói: “Tao bảo lấy thì lấy đi, tụi bây biết con khi khô gì mà cãi”. Mãi đến sau này khi ra Hà Nội tôi mới hiểu bọc cát ấy là gì ...

Về Cà Mau được mười hôm thì Lâm Việt Bắc gọi tôi đến bảo: “Mầy dẫn tao đi Hà Nội gặp ông Võ Văn Kiệt...”

Tôi không nói câu nào cả vì biết rằng đó là mệnh lệnh.

Lên tới Sài Gòn, để anh Bắc ở khách sạn, tôi đến toà soạn báo Tuổi Trẻ tìm anh Nguyễn Đông Thức để hỏi thăm địa chỉ nhà ông Trần Bạch Đằng, anh Thức vừa chỉ vừa căn dặn : “ Nhà ông ấy ở 14 Phan Kế Bính, nhưng mà ông đừng khai rằng tôi cho địa chỉ nhen, cha nội đó khó dữ lắm, lỡ ông quấy rầy ông ông chửi nát ông nát cha tôi hết”

Bảy giờ tối, tôi đứng thập thò ngoài cổng 14 Phan Kế Bính, sờ tay vào công tắc chuông mấy lần nhưng không dám bấm. Cuối cùng, tôi phải ra quán ngồi uống hai chai bia mới có thêm can đảm.

Bây giờ thì tôi không hiểu rằng do hai chai bia hay do ông Trần Bạch Đằng dễ tính, ông ngồi say mê nghe tôi kể về Lâm Việt Bắc. Cuối cùng ông kết luận: “ Chuyện cũng không có gì ghê gớm, bởi trên thế giới này có tới sáu mươi phần trăm mỏ vàng do các nhà địa chất nghiệp dư tìm ra, hai mươi phần trăm do chó tìm, các nhà khoa học chỉ tìm được có hai mươi phần trăm thôi. Vấn đề là chúng ta xử lý vụ này như thế nào. Ngày mai mầy dẫn Lâm Việt Bắc lại đây cho tao biết mặt một cái rồi tụi bây đi ngay ra Hà Nội gặp anh Tám Kiệt vì chuyện này chỉ có anh Tám mới giải quyết được, tao sẽ gọi điện ra báo cho ảnh hay trước”

Hôm sau, sau khi mua vé tàu hỏa xong, tôi đưa Lâm Việt Bắc đến trình diện ông Trần Bạch Đằng, ông già nhìn Lâm Việt Bắc rất lâu rồi lặng người đi vì xúc động, ông vỗ vai anh và hỏi: “ Sức khoẻ thế nào ?”

Về khách sạn chuẩn bị hành lý lên tàu tôi mới hay rằng không còn đủ tiền để ăn uống dọc đường. Giữa đất Sài Gòn biết vay mượn của ai ? Đang xúc mớ hôi hột lại gặp quẻ non : nghệ sĩ Lâm Quang Tèo xuất hiện, lúc này hắn đang là sinh viên khoa đạo diễn sân khấu, hắn đi học bằng xe du lịch nhưng trong túi thì không bao giờ có tiền. Khi tôi ra lệnh cho hắn phải kiếm thêm tiền cho chúng tôi đi Hà Nội, hắn cười như điên và chửi thề một tiếng: “ Đ.m. Đi lo chuyện làm giàu cho đất nước mà không có đủ lộ phí là sao? Thôi được rồi, đợi tao mười lăm phút, tao mang tiền tới rồi đưa tụi bây ra ga luôn”.

Đúng mười lăm phút sau hắn quay lại, ném một cốc tiền lên giường: “Nè mấy cha ! Con bò mới tặng cái quần gin chưa mặc giờ phải đem bán. Ra Hà Nội nhớ báo cáo chuyện này với ông Kiệt để mai mốt đào được mỏ vàng rồi tính toán lại với tao”

Đến lúc tàu chạy, hắn đứng vẫy tay mà miệng vẫn còn la vang câu ấy.

Ba ngày sau, chúng tôi có mặt tại nhà chú Sáu Dân vào buổi sáng. Ông già ra bắt tay chúng tôi trong nụ cười sảng khoái. “ Nghe nói tụi bây đi bằng xe lửa phải không ?” “ Dạ phải”. “ Rồi tụi bây định về bằng cái gì?” “ Dạ chắc cũng bằng xe lửa”. “ Ví dụ như có máy bay thì tụi bây có chịu đi không?” Rồi ông già lại cười vang lên.

Suốt ngày hôm ấy, chú Sáu ngồi nghe Lâm Việt Bắc kể về giá trị kinh tế của rừng mắm, về nguồn lợi khoáng sản của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Cuối cùng chú quay sang nói với anh Tuấn thư ký riêng: “ Cậu làm ngay công văn gửi cho tỉnh An Giang và Kiên Giang bảo họ tạm đình chỉ việc khai thác đá xây dựng chờ ý kiến của Tổng Cục Địa chất. Sáng mai cậu đưa hai bạn này sang làm việc với Tổng Cục Địa chất, sau đó quay về đây gặp tôi”.

Trong bữa cơm chiều, chú Sáu nói với Lâm Việt Bắc: “ Đất nước đang kẹt tiền, gấp mảy hên quá. Tao sẽ chỉ đạo cho khai thác gấp vài mỏ để xoay sở” .

Sáng hôm sau, anh Tuấn đưa chúng tôi sang Tổng Cục Địa chất gặp Tiến sĩ Trần Đy, tổng cục phó. Sau khi nghe Lâm Việt Bắc trình bày những phát hiện về khoáng sản ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, ông Trần Đy yêu cầu được xem mẫu. Đầu tiên, Lâm Việt Bắc đưa ra bọc cát đen mà anh bảo tôi lấy ở Bãi Chén, Hòn Tre. Ông Trần Đy mở ra xem rồi nói: “ Cái này là Titan, xuất khẩu được đấy anh ạ, nhưng họ mua rẻ lắm, một tấn chỉ có hai chục đôla, không đủ chi phí khai thác”. Lâm Việt Bắc nói : “Anh xem kỹ lại đi, trong đó Titan chỉ ít thôi, chủ yếu là Radium”. Nghe nói thế, ông Trần Đy bỗng giật mình đưa mắt ra hiệu cho người trợ lý, hai người mang bọc cát đến gần cửa sổ mở ra xem. Xong họ quay lại với nét mặt rạng rỡ khác thường : “ Đúng rồi ! Radium ! Tuyệt vời anh ạ !” . Lâm Việt Bắc lấy tiếp

mẫu thứ hai, mẫu đá có những tia kim loại màu vàng lấp lánh. Ông Trần Đy bỗng hô to : “ Ôi giời ơi ! Vàng ! Thế này là giàu to rồi anh ạ !” Rồi anh hỏi Lâm Việt Bắc: “Thế anh đã cho phân tích chưa ?” “ Dạ rồi anh ạ”. “ Bao nhiêu?” “ Dạ bốn phần ngàn”. “Không, thế này thì không thể bốn phần ngàn được, hơn nhiều !”

Trao đổi một lúc, ông Trần Đy hỏi : “ Anh Bắc học ngành mỏ năm nào nhỉ ?”. Lâm Việt Bắc ngập ngừng nói : “ Dạ tôi không có học anh ạ”. Anh Tuấn tiếp lời: “ Anh ấy là thương binh, chỉ học hết cấp ba ban đêm thôi anh ạ, chính vì vậy mà chú Sáu rất quý”. Ông Trần Đy trở mắt nhìn Lâm Việt Bắc: “ Vậy mà nãy giờ tôi cứ tưởng anh là một nhà địa chất giàu kinh nghiệm, đặc biệt là anh dùng từ khoa học rất chính xác”. Ngẫm nghĩ một lúc, ông Trần Đy nói tiếp: “ Vậy là trong người anh có dòng từ trường sinh học”.

Chúng tôi về đến nhà thì chú Sáu đã ra đón ngoài cửa, ông nôn nóng hỏi: “ Làm việc bên ấy thế nào?” Anh Tuấn nói : “ Rất tuyệt vời chú ạ, họ đánh giá rất cao những phát hiện của anh Bắc, họ cho rằng anh thuộc loại trường sinh học”. Ông già hỏi : “ Cách xử lý của họ ra sao?”. “Dạ, họ sẽ chỉ đạo cho Liên Đoàn Địa chất 6 ở Sài Gòn làm việc với anh Bắc”. Ông già tỏ vẻ không vừa ý : “ Tại sao họ không làm việc trực tiếp mà lại giao cho Liên Đoàn 6, đi lòng vòng coi chừng hư bột hư đường hết”.

Chúng tôi về Sài Gòn gặp Liên Đoàn trưởng Liên Đoàn Địa chất 6 Nguyễn Xuân Bao. Ông tiếp chúng tôi rất lạnh nhạt. Sau khi xem công văn của phó Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng và của Tổng cục Địa chất, ông nói : “ Việc này lẽ ra ngay từ ban đầu các anh đến báo với chúng tôi, các anh không đến, lại đi dúi vào cơ quan quyền lực, sẽ chẳng có lợi gì cho các anh cả”. Chúng tôi bị thất vọng chẳng biết phải nói gì, đành ngồi im lặng. Ông Bao lạnh lùng nói tiếp : “ Thôi được, các anh về đi, vài hôm nữa tôi cho người xuống”.

Chị Dạ Ngân !

Tôi sẽ không kể tiếp những chuyện xảy ra sau này giữa chúng tôi với hai kỹ sư của Liên Đoàn Địa

chất 6. Bởi một vài cá nhân không thể huyền bí hoá một nền khoa học của nước nhà. Chỉ tội cho Lâm Việt Bắc, sau cú xóc ấy anh không còn chỗ nào để gởi gắm lòng tin.

Đến năm 1990, khi đất nước mở cửa, anh lên Sài Gòn làm ăn với hy vọng tìm đối tác để đầu tư cho chương trình chiết xuất protein từ lá mầm. Nhưng rồi lực bất tòng tâm, làm ăn bị phá sản, bị vào tù vì thiếu nợ. Vợ anh cũng đã bán nhà lên Sài Gòn, giờ không biết trôi giạt nơi đâu.

Có người nói gặp anh cất chòi ở Hòn Phú Quốc, có người lại nói anh lên Tây Nguyên sống với đồng bào dân tộc.

Nhưng dù ở đâu đi nữa, tôi hy vọng rằng, nếu tình cờ đọc được những dòng này, anh hãy liên lạc với tôi.

Cà Mau, tháng 5 năm 2.000

Nồi cháo trắng

Đầu tháng bảy âm lịch năm nay, tôi trở về nhà chú Chín tôi ở Rạch Lùm để dự ngày giỗ nội.

Bà nội tôi vốn là người tu tại gia, ăn chay trường, nên đám giỗ chỉ cúng toàn đồ chay. Cuộc sống ngày càng khó khăn nên việc cúng quải ông bà cũng càng đơn giản. Chú tôi cũng không mời ai cả, chỉ có bà con trong thân tộc tự giác đến, mỗi người mang đến một ít rau cải, trái cây, hạp lại nấu thành vài món đồ chay như: đậu đũa hầm dứa, đu đủ kho, canh khoai nấu dứa, dầu dứa xào bắp cải... rồi dọn ra bốn mâm, con cháu ra đứng sắp hàng mỗi người thắp một nén nhang tưởng niệm. Sau đó, hai mâm được dọn ra hai bộ ván nhà trên, một bên dành cho cánh đàn ông thuộc hàng chú bác, một bên dành cho cánh thanh niên trong cánh anh em con chú con bác chúng tôi. Còn lại hai mâm dọn ra nhà sau cho cánh đàn bà, con nít.

Đang lúc uống rượu cườm cườm, bỗng có tiếng dựng Ba tôi từ mâm bên kia gọi sang:

- Ê, thằng Sanh, năm nay, thằng Tư Ngạn nó về rồi đó nghe mậy.

Hai Sanh buông đũa quay sang nói:

- Nó về thì kệ nó chứ, ăn thua gì với tôi. Tưởng ai chứ thằng Tư Ngạn, tôi chấp nó câu trước tôi nửa ngày.

- Ai mà chẳng biết nó câu dở hơn mậy, tao muốn nói đây là để tụi mình cảnh giác cái tật câu trộm địa của nó.

- Thằng nào câu trộm địa thì bị khất nhượng ráng chịu chứ dựng lo gì.

Ở xứ này có hai người câu cá rô nổi tiếng là Tư Ngạn và Hai Sanh. Hai Sanh là con bác Năm tôi, còn Tư Ngạn là dân miệt trên về đây lập nghiệp. Nói là lập nghiệp chứ thật ra sự nghiệp của Tư Ngạn chẳng có gì ngoài chiếc cần câu cá rô để nuôi vợ và tám đứa con. Cách đây năm năm, vào tháng chạp, Tư Ngạn câu trộm địa ông Tám Trăn bị bắt quả tang. Hôm ấy nếu không có mấy người thợ gặt xung quanh đến can kịp thì chắc Tư Ngạn đã bị hai đứa con trai ông Tám Trăn nhận nước dưới địa.

Từ đó, hễ mỗi lần Tư Ngạn vác cần câu ra khỏi nhà thì bị người ta hỏi:

- "Ê, bữa nay định câu địa ai đó mậy?".

Tư Ngạn cúi đầu xấu hổ. Cái tài câu cá rô đã từng là niềm kiêu hãnh của anh bây giờ đã trở thành xấu hổ. Sau cái tết năm ấy, vào một buổi sáng, người ta phát giác cái chòi của Tư Ngạn trống hoang, nằm há mồm bên bờ lung chuối.

Còn lại một mình Hai Sanh độc quyền nổi tiếng ở xứ Rạch Lùm.

Sau sự kiện Tư Ngạn là một niềm vinh quang đối với Hai Sanh sau cuộc thách đố với dưỡng Ba tôi.

Sáng hôm ấy, dưỡng Ba tôi qua nhà Hai Sanh mua cá về nấu cơm cho công gặt, ông nói:

- Thằng Tư Ngạn mắc cỡ quá nên nó bỏ xứ rồi, còn mày, muốn ở xứ này thì đừng có câu trộm địa người ta nghe mày.

Dưỡng Ba tôi nói chơi nhưng làm Hai Sanh bị tự ái, anh nói như trách:

- Xin lỗi dưỡng, tôi dành câu địa là một ngày mười ký lấy lên chứ không phải vài ba ký quên như thằng Tư Ngạn đâu.

- Nói trời hoài mày.

- Tôi nói thật, dưỡng dám thách cho tôi câu địa dưỡng hôn. Tôi câu xong rồi dưỡng cho tát, nếu còn được một ký cá rô, tôi để xứ này cho dưỡng ở.

Dưỡng Ba tôi vốn mê đá gà nên cũng ham thách đố.

Chiều hôm ấy tại nhà chú Chín tôi, cuộc thách đố được giao kèo có nhiều người chứng kiến: Nghĩa là sáng ngày mai, Hai Sanh sẽ ra câu địa dưỡng Ba tôi, hai ngày sau, gặt hái xong dưỡng Ba tôi thuê máy tát địa, nếu trong địa còn hơn một ký cá rô thì Hai Sanh sẽ trả lại toàn bộ số cá câu được, còn nếu đúng như Hai Sanh nói, nghĩa là còn dưới một ký cá rô thì chẳng những anh hưởng trọn phần cá câu được mà dưỡng Ba tôi còn phải chịu thêm cho anh con cá lóc lớn nhất dưới địa.

Sáng hôm sau, Hai Sanh bắt đầu câu cá trong sự hồi hộp của mọi người. Đến hai giờ chiều, anh xách hai thùng cá vô nhà, chị tôi lấy cân ra cân được mười ba ký rưỡi. Hai Sanh rọng đó chờ, đến hai ngày sau, dưỡng Ba tôi tát địa lên chỉ toàn cá lóc, cá trê và cá bổi. Cả nhà dưỡng Ba tôi cố gắng quần bắt đến nhão nhừ, chỉ được bảy con cá rô.

Sáng hôm sau, chị Hai chở hai thùng cá rô sang trả lại cho dưỡng Ba tôi nhưng ông không nhận nên chị chở luôn ra chợ huyện bán lấy tiền sắm đồ Tết cho con. Chiều hôm ấy, dưỡng Ba tôi lựa hai con cá lóc lớn nhất mang qua nhà Hai Sanh, ông nói:

- Con này tao thua tao trả, còn con này tao thưởng cho mày. Đồ cái thằng sát cá! - Vợ thằng Hai đâu, bày lên cò nhỏ hai con cá này rồi luộc hèm cho tui tao nhậu một bữa coi.

Năm năm trôi qua, sự kiện ấy vẫn còn để lại trong lòng Hai Sanh niềm tự hào man mác, mặc dầu cái tài câu cá của anh không làm cho cuộc sống của anh khá hơn năm năm trước. Phải, làm sao khá hơn được khi lượng cá đồng mỗi năm một giảm mà gia đình anh mỗi năm thêm một miệng ăn.

Hôm nay, dưỡng Ba tôi báo tin Tư Ngạn trở về, niềm tự hào trong Hai Sanh bỗng bốc lên. Anh uống cạn ly rượu rồi nhồm người lên nói:

- Nè dưỡng Ba, dưỡng có gặp thằng Tư Ngạn, dưỡng nói với nó là câu địa thì phải câu như tôi vậy mới oai, chứ câu kiêu nó thì đừng có về xứ này nữa.

- Sanh à - Dượng Ba tôi nói - Ở đây bà con không hà, mà nói thiệt coi mà có câu mỗi thuốc hôn?

- Không, tui thề danh dự với dượng là tui chỉ câu bằng trứng kiến vàng hoặc ong vò vẽ non, nếu tui có câu mỗi thuốc cho ôn bình đại an vật tui cũng được.

Anh Tư Đức, con cô Tư tôi, khều Hai Sanh nói:

- Mà nói ong vò vẽ non tao mới nhớ, sau vườn chú Chín có cái đồn bự quá trời.

- Thiệt hôn? Ở chỗ nào?

- Trên nhánh xoài ở đầu ao Cây lựu.

- Đồn mấy lỗ châu mai?

- Ba lỗ.

- Vậy là ngon rồi, tối nay mình đánh đồn nấu cháo ong non đãi thằng Năm một trận. Thằng Năm, mà biết ăn thứ đó chưa?

Tôi trả lời:

- Dạ chưa biết.

- Chưa biết thì tối nay ăn cho biết. Ong vò vẽ non mà nấu cháo dừa thì tao nói thiệt với mà, thấy mà hồng ăn thì chết còn sướng hơn.

Bỗng có tiếng thằng Út la vang ngoài vườn:

- Ba ơi , xe tăng, xe tăng.

Rồi nó ôm vô con rùa vàng chừng hơn một ký lô, làm cho cả nhà xôn xao. Bác Năm tôi nói:

- Tháng này mà lên bờ làm ổ đẻ!

Hai Sanh cãi:

- Đâu phải ba, tại bà nội thấy mình nhậu đồ chay tội nghiệp nên bà khiến nó lên nạp mạng đó chứ - Rồi anh quay vào trong gọi chị Hai - Má thằng Lành đem con rùa đi làm nồi da xáo thịt, nhanh lên?

Mấy phút sau, chị Hai mang ra cái lò nhỏ hừng hực than, cái mu con rùa lật ngửa lên, đặt trên lò làm cái nồi nấu thịt. Hai Sanh mời mấy ông già sang chơi, nhưng bác Năm tôi nói:

- Mình chơi kiểu này xin rồi làm sao tối nay đánh đồn được tụi bây?

- Tối nay không được thì tối mai chứ gì - Anh Tám Bành con Bác Hai tôi - nói.

Hai Sanh hỏi tôi:

- Chùng nào thằng Năm mày về?

- Dạ sáng mai em về.

- Vậy thì không được. Để tao tính coi, bây giờ mà nghỉ chơi chờ đến tối thì phí quá, còn chơi nữa thì tối xin mất mẹ rồi. Lâu lâu thằng Năm về mà không đãi nó nồi cháo ong thì uống lắm. Bây giờ, mình mở chiến dịch đánh đồn giữa ban ngày.

Chị Hai đứng ở cửa buồng nói ra:

- Tài khôn nữa à, bữa hôm bị mấy chục vít chưa tổn hả?

- Bữa hôm tại tui chưa có kinh nghiệm, bữa nay tui biết cách rồi. Bà yên chí.

- Tui đã nói không được nhen, cái thứ xin xin vô rồi hăng máu có ngày bỏ mạng.

Hai Sanh vừa nhảy xuống đất vừa nạt vợ:

- Đàn bà mà biết cái quái gì - Anh quay sang chúng tôi - Tụi bây, thằng nào ra tháo cây sào quần áo làm móc - Hai Sanh lấy chiếc chiếu cột túm một đầu. Xong, anh bảo chị Hai:

- Bà đi bắt nồi cháo lên đi, biểu đứa nào lột trái dừa.

Chị Hai đành phải làm theo.

Hai Sanh ôm chiếc chiếu và vác cây sào ra vườn. Đến ngôi gần ổ ong, anh trèo chiếc chiếu lên đầu và lội xuống ao. Lúc ấy không còn nhìn thấy Hai Sanh mà chỉ thấy giữa ao một đầu chiếu túm lại nhô lên mặt nước.

Mấy đứa con nít kéo ra đứng ở đầu ao hồi hộp chờ xem. Tư Đức nắm tay tôi nói:

- Tao với mày lại xích đẳng kia coi mới đã.

Chúng tôi núp dưới đám sậy cách tổ ong chừng ba chục mét. Tư Đức co hai bàn tay đưa lên mắt và nói:

- Mình làm phóng viên quay phim nhen.

Cái ổ ong bằng hai cái thúng táo vàng quánh và quần quện như da cộp trên nhánh cây, chừng vài chục con ong bò ra bò vào ở mấy lỗ cửa.

Hai Sanh nhón người lên đặt cây móc cẩn thận, chắc chắn ở kèo ong rồi anh thu người nhỏ lại trong chiếc chiếu. Xong, anh giật mạnh cây móc, nhánh xoài oằn xuống, đàn ong tủa ra đen nghịt một vùng trời. Cái kèo ong cứ đùng đưa, đùng đưa không chịu gãy. Đàn ong tủa xuống vây quanh Hai Sanh. Thoáng chốc, chúng bu nghệt trên đầu chiếu. Hai Sanh như không hay biết gì cả, anh cứ giật mạnh cần

móc và cái ổ ong cứ dùng đưa.

Bất giác, tôi nghe cái bóp trên mí mắt phải, rồi một cái nữa trên lưng. Tôi hốt hoảng và biết ngay chuyện gì xảy ra, tôi co giò chạy. Tư Đức cũng tức tốc chạy theo, anh vừa chạy vừa la:

- Chết mẹ, nó đánh, nó đánh.

Mấy đứa con nít ở đầu ao bên kia vỗ tay hô đồng thanh:

- Vô! Vô! Vô!

Anh Tư Đức quát:

- Đứa nào đi bút cọng môn nước cho tao! Vô cái gì mà vô, người ta đau chết mẹ mà tụi bây vui lắm hả?

Chúng tôi thoa môn nước lên chỗ ong đánh và chạy lại đầu ao nhìn Hai Sanh, bỗng thấy anh đang cựa quậy trong chiếc chiếu, cái ổ ong vẫn còn nguyên đó và cây móc thì treo lủng lẳng trên nhánh xoài. Đàn ong đớp nghệt trên đầu chiếu.

Chiếc chiếu bỗng hụp lên hụp xuống rồi trườn một đường dài dưới ao, dạt bèo qua hai bên mé. Trườn được một đoạn, Hai Sanh bỏ chiếu, lặn một hơi dài rồi nhảy qua bờ ao, luồn qua đám lau sậy, đàn ong vẫn đuổi theo.

Chừng năm phút sau, Hai Sanh chạy về, hai mí mắt sưng húp, anh vừa thở vừa nói:

- Đù mẹ, cái nhánh xoài dai quá mà mình lại giựt theo bèo xuôi nên giựt hoài không gãy. Hồi nãy tao cột đầu chiếu không kỹ nên mấy con ong nó chui vô làm tao hết năm sáu vít.

Chị Hai chạy ra bút môn nước thoa cho anh, ánh mắt chị nhìn chồng có vẻ vừa thương vừa giận:

- Tui đã nói mà không chịu nghe. Một hồi nữa ông vô ăn hết cái nồi cháo trắng cho tui.

Ba anh em tôi nhìn nhau, mặt đứa nào cũng sưng vù, nặng trĩu và nhức nhối. Hai Sanh nhìn lại cái ổ ong, đàn ong đã bay về vây quanh như mừng cho sự an toàn sau trận đánh. Hai Sanh lên án:

- Chưa yên đâu con, tao hẹn với mày cho chuyến câu cá rô sắp tới.

Chúng tôi trở vô nhậu tiếp nửa con rùa còn lại, Hai Sanh nói:

- Tại mình nóng ruột mới nông nổi này, chớ đánh nó ban đêm chỉ cần nửa lít dầu lửa là tui diệt gọn.

Sáng hôm sau, tôi từ giã Rạch Lùm, mang về cái mặt không giống ai, cái mặt sưng vù, nặng nề và nhức nhối. Chỉ vài ngày nữa, nó trở lại bình thường, nhưng kỷ niệm thì chắc không thể nào quên được.

TỪ CÂU CHUYỆN CỦA NGƯỜI BẠN ĐỒNG NGHIỆP ...

Hồi tháng chín năm ngoái, trong một cuộc họp báo tại văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, tôi được nghe một thông tin khá đặc biệt : nhà báo Đặng Huỳnh Lộc đã viết một bài phóng sự điều tra với tựa đề *Những nhà nông không đất*, không tờ báo nào dám đăng, anh gởi cho Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Bài phóng sự dài mười một trang in vi tính, Lộc kể về thân phận của những người nông dân không đất đai canh tác, họ bồng bế, dắt dìu nhau xuống rừng U Minh thuê đất để làm ruộng. Từ đó tác giả dẫn người đọc qua những cú xóc bởi mấy vấn đề cốt lõi.

Thứ nhất : Lâm trường U Minh I cấp cho ủy ban nhân dân huyện U Minh 80 hecta đất rừng để sản xuất nông nghiệp. Huyện khoán lại cho một tư nhân tên là Lê Thanh Liêm với giá 90 triệu đồng mỗi năm. Ông Liêm lại khoán cho 19 hộ nông dân khác theo giá thỏa thuận để họ trồng lúa. Phần ông sử dụng mặt nước để nuôi cá. Đã thế, ông Liêm được huyện trang bị vũ khí để canh giữ cá đồng và để ... đi đòi nợ những người thuê đất.

Thứ hai : ông chủ tịch huyện Tân Văn Thời được lâm trường cấp cho 7 ha đất, ông khoán lại cho vợ chồng chị Dung, thương binh nghèo với giá mỗi năm 150 gia lúa. Năm đầu chị Dung làm được 200 gia, nộp khoán xong còn lại 50 gia. Năm sau lâm trường đắp đập giữ nước để phòng chống cháy rừng, cả vùng lúa bị chết úng, chị Dung chỉ thu được 56 gia, không đủ nộp, ông chủ tịch huyện đòi đất lại. Chị Dung không chịu trả vì chị đã đầu tư lên nương phen và trồng chuối trên bờ bao. Thế là hai bên tranh chấp, ông chủ tịch hăm dọa sẽ ra lệnh cho lâm trường dỡ nhà chị Dung ...

Thứ ba : Một tư nhân khác nữa tên là Trần Minh Quang được lâm trường Trần Văn Thời khoán cho 1.200 hecta đất rừng để nuôi cá. Quang cũng được trang bị ba khẩu súng để canh giữ tài sản. Trong lúc nhà nước ra lệnh cho toàn bộ các lâm trường phải đắp đập giữ nước để phòng chống cháy rừng thì giữa mùa khô năm 1997, Quang lại được lâm trường cho phép xả đập và dùng máy bơm tát cạn 1.200 hecta rừng để bắt cá, làm cháy 1,5 hecta rừng nhưng Quang chỉ bị phạt 1,2 triệu đồng. Trong khi một em bé bắt của Quang hai con cá lóc khoảng nửa ký lô thì bị lâm trường phạt bốn trăm ngàn đồng ...

Thủ tướng Võ Văn Kiệt gởi công điện cho Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau : *Tôi đã nhận được phóng sự “Những nhà nông không đất” của nhà báo Đặng Huỳnh Lộc viết về tình hình đất đai, rừng tràm U Minh(gởi kèm theo).Nếu sự thật như phóng sự này phản ánh thì có thể nói tình hình rất nghiêm trọng.Tôi đề nghị đồng chí Chủ tịch tỉnh lập ngay một đoàn thanh tra gồm thanh tra nhà nước tỉnh, sở địa chính, sở nông nghiệp và phát triển nông thôn và nếu tỉnh ủy đồng ý thì mời ủy ban kiểm tra Đảng của tỉnh tham gia, về tại chỗ kiểm tra, đối chiếu tình hình.Phải xử lý kỷ luật hành chánh thật nghiêm mọi tổ chức cá nhân nào vi phạm.Nếu có dấu hiệu hình sự thì phải cho tiến hành điều tra, khởi tố theo pháp luật.*

Đề nghị đồng chí Chủ tịch tỉnh trực tiếp giao nhiệm vụ chỉ đạo đoàn thanh tra và báo cáo kết quả lên Thủ tướng chính phủ.

Trong cuộc họp báo hôm ấy, các vị lãnh đạo tỉnh đã quở trách Tổng biên tập báo Cà Mau đã không

quản lý nổi phóng viên của mình để cho bài báo đến tay Thủ tướng chính phủ làm mất uy tín lãnh đạo tỉnh. Sau lời quở trách ấy, nhiều người đâm ra lo ngại cho số phận của Đặng Huỳnh Lộc rồi sẽ giống như số phận của những nhà báo trước đây.

Mấy ngày sau tình cờ gặp Lộc ngồi trầm tư một mình trong quán cà phê, tôi hỏi:

- Chuyện ấy ra sao rồi ?

- Chẳng sao cả, chỉ có điều là họ cấm không cho mình ra khỏi thị xã. Và mấy bài viết sau này đều bị ách lại không đăng, dù nó chẳng có gì liên quan đến U Minh.

Những ngày tháng ấy dường như Lộc sống trong sự cô đơn. Lãnh đạo cơ quan thì xem anh ta như người có tội, ngay cả một số bạn bè đồng nghiệp khi tiếp xúc với Lộc cũng tỏ ra dè dặt vì sợ liên lụy đến tấm thân. Hàng ngày chạy xe đi làm, thỉnh thoảng tôi lại thấy Lộc ngồi trong quán cà phê với vài anh nông dân áo quần lem luốc, có khi là chị phụ nữ ngồi co ro, chiếc nón lá bung vành úp lên đầu gối. Tôi hiểu ngay đó là *những nhà nông không đất* từ U Minh vượt hàng chục cây số ra đây, mang nặng tâm tư của *cái kiếp tá điền thời đại* để cần sự chở che của một nhà báo, mà một nhà báo thì có thể giúp cho họ được gì ? Bản thân anh ta còn chưa chắc được yên.

Nhưng cũng may mắn cho Lộc. Hơn một tháng sau, ủy ban nhân dân tỉnh ra *thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch tỉnh về việc thanh tra đất rừng U Minh theo phóng sự điều tra của Đặng Huỳnh Lộc*.

Văn bản này thừa nhận những vấn đề mà Lộc đã nêu, đồng thời cũng đặt ra cách giải quyết là sẽ thu hồi đất đai, vũ khí của những tên đầu nậu đất và sẽ kiểm điểm những tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước ở các huyện và các lâm trường.

Chỉ có điều, thông báo này không mang *tính nhân bản*, là vì *những nhà nông không đất* lẽ ra sẽ trở thành chủ nhân trên mảnh đất mà mấy năm qua họ đã gắn bó với thân phận của kiếp tá điền dưới ba tầng áp bức bóc lột. Vậy mà giờ đây họ lại bị đuổi ra khỏi lâm trường với lý do là cư trú bất hợp pháp.

Tôi chợt ngậm ngùi tự hỏi : rồi họ sẽ trôi dạt về đâu, hỏi những công dân!!!

... ĐẾN CHUYỆN CỦA MỘT ĐOÀN LÀM PHIM.

Bất chợt một ngày của tháng 3 năm 1998, anh [Nguyễn Hồ](#), giám đốc hãng phim truyền hình thành phố Hồ Chí Minh gọi điện thoại hỏi tôi:

- Nghe nói rừng U Minh đang cháy lớn lắm phải không ?

- Dạ đúng, hiện giờ cũng đang cháy.

- Theo mày thì do đâu mà cháy ?

- Dạ do lửa.

- Đồ quỷ ! Nói thật nghe coi !

- Theo tôi thì có hai nguyên nhân.
- Thứ nhất ?
- Do sức ép của dân số.
- Thứ hai ?
- Do chúng ta.
- Chúng ta là ai ?
- Là cơ chế.
- Đúng !
- Vậy anh hỏi để làm gì ?
- Để xem máy có nhìn ra vấn đề hay không.
- Mà nhìn ra để làm gì ?
- Để nói, đồ ngu !
- Nhưng nói bằng cách nào ?
- Bằng một bộ phim tài liệu. Tao giao cho máy biên kịch và đạo diễn.

Cuối tháng năm, hãng phim truyền hình ra quyết định thành lập đoàn làm phim tài liệu “ *Cánh rừng và ngọn lửa*”. Gọi là đoàn làm phim cho nó oai, thật ra chỉ có ba người : tôi đạo diễn, Tuấn quay chính và Phương phụ quay. Chúng tôi mời thêm cô Ngọc Mai, phóng viên nhí của báo ảnh Đất Mũi cùng đi với hy vọng cô sẽ viết một cái gì đó về U Minh, ví dụ như phóng sự “ theo chân đoàn làm phim” chẳng hạn. Mai cho biết, toà soạn cũng đã phân công cô viết về những nhà triệu phú trên đất U Minh cho số báo sắp tới. Cô nói cảm thấy lo vì xếp thì phân công như vậy nhưng liệu đến U Minh có tìm được nhà triệu phú nào không ?

Tuấn tỏ ra thắc mắc :

- Chúng tôi đi U Minh làm phim về chuyện cháy rừng, chuyện nghèo đói, còn cô thì đi viết về những nhà triệu phú. Vậy thì ai đúng ?
- Ai cũng đúng cả. Các anh làm đúng với sự thật, còn em làm đúng ý lãnh đạo của em.
- Vậy thì chính kiến của cô ở đâu ?
- Vấn đề là không được xài cái mình có mà phải xài cái người ta cần. Người làm báo đôi khi phải

biết tồn tại như một con kết. Chính kiến là thứ của quý nên phải biết cách xài cho đúng nơi, đúng lúc ...

Chiếc tàu khởi hành, tiếng máy nổ làm cắt ngang cuộc tranh luận giữa Ngọc Mai và Tuấn. Chúng tôi đành phải lấy báo ra đọc để giết thời gian.

*

Tiếp chúng tôi trong trạng thái miễn cưỡng, anh Nguyễn Văn Đắc, giám đốc lâm ngư trường Sông Trẹm nói :

- Đón tiếp các anh trong lúc này thú thật chúng tôi rất ái náy. Thứ nhất là về chỗ ăn chỗ ở, hiện nay cả một tiểu đoàn U Minh II đang túc trực phòng chống cháy rừng ở đây. Rồi các anh cảnh sát điều tra công an tỉnh, công an huyện đang sử dụng trụ sở của lâm trường để thụ lý hồ sơ can phạm trong các vụ án cháy rừng. Vì vậy mà các anh thông cảm giảng mừng ngủ dưới đất, còn ăn uống thì cố gắng chịu cực với chúng tôi, năm nay nắng hạn kéo dài, kinh xáng bị xì phèn nên cá chết hết, nguồn nước sinh hoạt cũng không có, kinh phí hoạt động của lâm ngư trường cũng đang cạn kiệt ...

- Anh yên tâm – tôi nói chen vào – mọi chuyện ăn ở, đi lại chúng tôi sẽ tự lực. Chỉ nhờ các anh giúp cho một hướng dẫn viên để chúng tôi đi sâu vào đời sống của lâm trường.

Sau khi nghe tôi trình bài ý đồ của bộ phim, anh Đắc lật sổ tay ra rồi nói:

- Mùa khô năm nay, toàn bộ khu vực U Minh hạ xảy ra 87 vụ cháy rừng thì tại Sông Trẹm này đã xảy ra 42 vụ cháy. Có lẽ đây là năm bi đát nhất của chúng tôi, một đơn vị nhờ giữ rừng tốt mà được nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động.

- Theo anh thì nguyên nhân cháy do đâu ?

- Nguyên nhân trực tiếp thì không xác định được. Nhưng chung quy là do sự nghèo đói mà ra cả. Sông Trẹm có 1.142 hộ dân nhận khoán đất rừng thì đã có gần tám trăm hộ nghèo đói, trong đó có sáu trăm hộ đói nghiêm trọng, đói đến mức không có gì để ăn. Như các anh biết, cái đói xưa nay thường là vào mùa giáp hạt, tức vào khoảng tháng mười âm lịch. Vậy mà năm nay, nạn đói ở đây bắt đầu từ tháng giêng. Như vậy ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra từ đây đến mùa lúa chín. Mà hy vọng mùa lúa tới cũng rất mỏng manh, bởi vì từ năm 1995, tức là từ lúc đóng cửa rừng đến nay, cây lúa đã không thể sống với cây tràm.

- Vì sao ?

- Bởi vì vào khoảng tháng chín âm lịch, lâm trường được lệnh phải đắp đập để giữ nước phòng chống cháy rừng. Thế là cây lúa bị chết úng.

- Đắp đập giữ nước mà sao rừng vẫn cháy ?

- Thật ra việc đắp đập cũng chưa phải là giải pháp vì rừng không thể giữ nước qua hết mùa khô.

- Theo anh thì làm thế nào để giữ được rừng ?

- Nếu tiếp tục đóng cửa rừng như thế này thì đành chịu ! Ngay như Sông Trẹm bây giờ, bình quân ngủ một đêm thức dậy mất ba ngàn cây trầm, trị giá hai mươi triệu đồng, một tháng mất nửa tỷ bạc. Đó là mùa khô, việc vận chuyển trầm từ trong rừng ra kinh khó khăn mà còn như vậy. Đến mùa mưa, mỗi tên trộm có thể bẻ năm mươi cây trầm cùng một lúc. Rừng vẫn mất mà dân thì vẫn đói ! Hơn hai mươi năm qua, cây trầm đã đi trong quần quanh của bao nhiêu cơ chế, cuối cùng là lệnh đóng cửa rừng nhưng vẫn không thoát khỏi ngọn lửa và bàn tay kẻ trộm. .

*

Anh Dũng ngồi trên chiếc xuồng ba lá đã mục nát úp trước hàng ba của căn nhà cũng đã không còn nguyên vẹn. Tay vịn thuốc rê, mắt nhắm chiêu nhìn ra cánh rừng trước mặt, cánh rừng sau trận mưa đầu mùa trông buồn thảm làm sao !

- Anh vào đây từ năm nào ? – Tôi hỏi.

- Ngày 25 tháng 2 năm 1983, tính đến nay đã mười lăm năm ba tháng.

- Sao anh nhớ kỹ vậy ?

- Làm sao quên được anh ! Đó là cái ngày mà vợ chồng tôi cùng bốn đứa con trên chiếc xuồng ba lá trôi dạt về đây với hy vọng đổi đời. Tôi được lâm trường cho khai hoang bảy công đất rừng để làm ruộng và 130m bờ đê để trồng chuối. Nhưng mười mấy năm qua ruộng liên tục bị mất mùa vì đất phèn trũng, mỗi năm chỉ thu hoạch được ba bốn chục gia lúa, đủ ăn được sáu tháng.

- Thế những tháng còn lại ?

- Tôi bán chuối, mỗi tháng được năm chục ngàn đồng. Ngoài ra có ai mượn gì thì làm thêm, còn không thì ăn cháo.

- Sao anh không nuôi cá ?

- Muốn nuôi cá phải có vài chục triệu để lên bờ bao, nhưng dân ở đây nghèo nên đành chịu.

Chúng tôi từ giả anh Dũng. Tuấn ngồi trước mũi xuồng, ống kính hướng lên những căn chòi lụp xụp dọc theo bờ kinh xáng cắt ngang xẻ dọc trong rừng. Và, như một phản ứng tự nhiên, Tuấn khoát tay ra hiệu cho người lái vỏ dừng lại, ống kính cũng dừng lại ở người đàn ông đang chắt từng bó rau rừng lên chiếc xuồng ba lá. Từ trong căn chòi nhỏ, người đàn bà trạc tuổi bốn mươi cùng ba đứa bé gái ôm những thúng rau đặt xuống bờ kinh, nào rau muống, đọt nhãn lồng, đọt choại ...

Anh Biên, trưởng phòng tổ chức của lâm trường Sông Trẹm nói với chúng tôi :

- Đây là gia đình anh Hai Thống, đang lúc *đói ăn rau* ... như ông bà ta từng nói.

Phóng viên Ngọc Mai quay sang hỏi chị chủ nhà :

- Một xuồng rau như vậy chị bán được bao nhiêu tiền ?

- Dạ nếu bán hết thì được khoảng năm chục ngàn .

- Chị đi bán tới đâu ?

- Dạ xa lắm, tuốt trên Đầu Sáu, cách đây gần năm chục cây số, đi về mất hai ngày.

Tôi bàng hoàng nhảm tính : hái một ngày, đi bán hai ngày, chèo đi chèo về gần trăm cây số, dãi nắng dầm mưa, và ... 50.000 đồng !

Chị Thống vẫn cười vui vẻ nói :

- Tính ra làm mướn thì khá hơn, nhưng ngặt bây giờ ai cũng nghèo, không ai mướn ai cả. Hôm rày thấy mấy người xung quanh hái rau đi bán được, tôi với ông bắt chước làm theo.

- Chừng nào chị mới bắt đầu đi ? – Ngọc Mai hỏi.

- Dạ mười giờ khuya.

- Vậy là chị phải thức suốt đêm ?

- Chớ sao cô ! Chiếc xuồng nhỏ xíu, rau chất đầy hết, chỗ đâu mà ngủ. Vả lại tôi phải bơi tiếp ông cho mau tới.

Trời đang vùn vù mây đen báo hiệu một cơn mưa đầu mùa sắp đến. Mấy anh cán bộ lâm trường tỏ vẻ mừng vui vì khỏi phải lo phòng chống cháy rừng, còn tôi chột nghĩ : đêm nay vợ chồng anh Thống phải chèo chống trong mưa.

Chúng tôi dừng lại ở một căn chòi kế tiếp, một đứa bé chừng sáu tuổi, gầy ốm, quần áo tả tơi, tóc vàng hoe, đôi bàn tay lấm lem rửa từng trái chuối luộc dưới dòng kinh. Hỏi ra mới biết, cả nhà đi làm cỏ mướn, trong nhà hết gạo, đứa bé – có tên là Ut Mót – ăn chuối luộc từ sáng đến giờ. Do chuối non, luộc xong để lâu nó bị nhuộm đen màu mủ, Ut Mót thấy vậy mang đi rửa cho sạch mủ và bớt đắng để ăn tiếp buổi chiều.

Anh Biên cho chúng tôi biết, căn chòi này của ông Lưu Văn Hạnh, thương binh $\frac{3}{4}$, có chín đứa con, đứa lớn mới lấy chồng, ra riêng vừa dựng lên căn chòi bên cạnh, đứa con trai thứ hai khoảng mười bảy tuổi, mắc bệnh tâm thần, suốt ngày lộn lang thang.

Chúng tôi tìm đến chỗ gia đình anh Hạnh đang làm mướn. Tất cả tám người, hai vợ chồng, sáu đứa con đang ì ạch phác sậy trên bờ đê. Anh dùng tay và vui vẻ nói :

- Phác một ngàn mét chiều dài, mười mét chiều ngang được trả công hai trăm năm chục ngàn đồng. Tám người làm xuyên suốt thì bốn ngày mới xong, phải ăn cơm nhà. Tính ra rẻ mạt nhưng tìm được việc làm thế này có phải dễ đâu.

Anh Hạnh đốt điều thuốc gò, hít, phà mấy hơi dài rồi nói tiếp :

- Sống hết nỗi rồi mấy chú ơi ! Ngày mai về Cà Mau họp chi bộ, tôi sẽ ở lại vài ngày để tìm mối sang nhượng lại quyền sử dụng đất rồi đi nơi khác sống. Kệ, kiếm chỗ nào làm mướn làm thuê cũng được.

Tuấn ngạc nhiên hỏi :

- Ủa, anh nói về Cà Mau họp chi bộ nghĩa là sao ?

- Tôi còn sinh hoạt Đảng ở xã Lý Văn Lâm. Tuy vào đây đã sáu năm nhưng vẫn họp định kỳ, không vắng mặt lần nào cả. Kệ, mình đói thì đói chờ đâu có bỏ Đảng được.

Trời ơi ! Anh nói tĩnh bơ mà sao tôi nghe như cổ mình nghẹn lại.

Tuấn quay sang hỏi Ngọc Mai :

- Nhà báo có còn giữ ý định viết về những nhà triệu phú nữa không?

Ngọc Mai chỉ cười chua chát.

Anh Biên bảo người lái vỏ ghé nhà chị Ba Phước. Chúng tôi chưa kịp lên bờ thì chị Ba từ trong nhà bước ra, giọng sang sảng :

- Chú Biên ! Chú về báo lại với ban giám đốc, nếu không xử được bọn trộm thì tôi trả đất lại cho lâm trường. Tôi giữ rừng bao nhiêu năm nay rồi chú biết đó, đói cũng bầm bụng mà chịu. Giờ cây đến tuổi khai thác, nhà nước ra lệnh đóng cửa rừng tôi cũng chấp hành. Nợ hai chỉ vàng từ đầu năm đến nay, mỗi tháng đóng lời một trăm ngàn tôi cũng ráng chịu, không dám rớt đến một cây trăm. Vậy mà tụi nó ăn cắp hết đêm này qua đêm khác. Tôi báo mấy lần mà lâm trường có giải quyết được gì đâu. Giờ tụi nó đâm ra thù oán tôi. Thuốc heo, thuốc chó, bừa xuống, cắt lưới, viết thư hăm dọa sẽ cho vợ chồng tôi bài học nếu tôi tiếp tục đi tố cáo chúng ...

Biên than thở :

- Tụi tôi biết làm thế nào được hả chị Ba ! Chỉ có quyền bắt mà không có quyền xử. Giao cho mấy cha kiểm lâm chẳng khác nào bắt cóc bỏ vô đĩa, mấy cha chỉ phạt một trăm ngàn rồi thả về.

Chúng tôi lội vào khu rừng rộng mười hecta của chị Ba Phước, thì ra, bên trong cái hàng rào xanh mướt ấy là cảnh ngọn ngổn ngang, là hàng vạn gốc trăm bị cưa sát đất. Có lẽ con số ba ngàn cây trăm bị bọn lâm tặc cướp đi mỗi đêm mà anh Đắc đã nói với chúng tôi hãy còn khiêm tốn.

Tôi cảm thấy xót xa cho vợ chồng chị Ba Phước, chịu khó chịu đói bao nhiêu năm để gìn giữ mảnh rừng để rồi cái lệnh đóng cửa rừng giáng xuống đúng thời kỳ khai thác. Cai cú xóc ấy chưa nguôi thì rừng đã về tay bọn trộm.

Tối hôm ấy ngồi uống trà với phó giám đốc Lê Thanh Ngoan, tôi hỏi :

- Theo anh thì giải pháp nào để cứu Sông Trẹm ?

Anh lắc đầu rồi buông một tiếng thở dài :

- Cơ chế bây giờ chưa có lối ra !

Sáng hôm sau, trước khi chuẩn bị rời Sông Trẹm, Tuấn hỏi tôi :

- Anh xem còn quay gì nữa không, nếu không thì tụi em chuyển máy xuống xuống ?

Tôi suy nghĩ rồi chợt nhớ :

- Cho anh một cú zom in tấm danh hiệu *Anh hùng lao động*, zom thật chậm.

Tuấn cười, mắt liếc nhìn tôi :

- Có phải ông đạo diễn muốn nói Sông Trẹm đã trở thành anh hùng liệt sĩ ?

ĐOÀN LÀM PHIM BỊ CẤM ?

Theo lịch quay, chúng tôi sẽ còn đi hai địa bàn nữa, đó là lâm trường U Minh I, nơi bị cháy rừng lớn nhất trong mùa khô năm nay và lâm trường 30/4, nơi chưa xảy ra vụ cháy nào. Trước khi khởi hành, tôi gọi điện thoại cho anh Năm Phong, chủ tịch huyện U Minh để hẹn trước và nhờ anh giúp đỡ. Anh Năm Phong cho biết rằng suốt ngày nay anh bận hội nghị, song, anh sẽ giao lại cho văn phòng đón tiếp đoàn phim.

Mười giờ trưa chúng tôi đến thị trấn U Minh, sau khi trình giấy tờ cho anh Phước, chánh văn phòng ủy ban huyện, tôi gọi điện thoại cho anh Năm Cẩn, giám đốc lâm trường U Minh I báo cho anh biết rằng sau khi ăn cơm trưa, chúng tôi sẽ vào khu rừng cháy để quay phim. Vốn là người quen cũ nên anh Cẩn rất mừng rỡ và hẹn rằng đêm nay sẽ làm thịt chim đĩ chúng tôi. Mọi chuyện tưởng bình thường, ai ngờ đang ăn cơm bỗng nghe cô chủ quán gọi :

- Ở đây anh nào tên Danh trong đoàn làm phim ?

Tôi giật mình :

- Dạ tôi đây.

- Có điện thoại.

Từ đầu dây bên kia:

- Dạ tôi là Phước ở văn phòng ủy ban đây anh Danh ơi !

- Có chuyện gì vậy anh Phước ?

- Trục trặc rồi ! Anh Công Nghiệp, phó chủ tịch tỉnh ra lệnh cho anh Mắm Phong là không được tổ chức cho các anh vô rừng. Còn giám đốc lâm trường nào tự ý cho các anh vô thì phải chịu trách nhiệm trước ủy ban tỉnh.

- Nhưng tại sao ông ấy biết chúng tôi ở đây mà cấm ? Ai báo về ngoài ấy ?

- Đâu phải, ông ấy đang ở tại huyện, anh về gặp ông xem sao.

Tôi bảo mấy anh em trong đoàn cứ yên tâm ngồi ăn cơm chờ tôi.

Trên đường sang ủy ban huyện, tôi cứ thắc mắc tại sao lại xảy ra chuyện này ? Tôi với anh Công Nghiệp thì có lạ gì nhau ? Cuối cùng tôi chợt nhớ ra, cách nay hơn một tháng, tôi có viết bài báo *cánh rừng và ngọn lửa*, trong đó tôi có nói đại khái rằng sự nghèo đói chính là ngọn lửa đốt cháy rừng trong mùa khô năm nay. Một hôm sang làm việc để phỏng vấn anh về *dự án đa mục tiêu U Minh hạ*, tôi có đưa bản thảo cho anh xem và nói :

- Anh là người lăn lộn nhiều với rừng, tôi cho anh xem cái này để tham khảo, hôm nào anh rảnh tôi sẽ sang nhà anh, hai anh em mình uống rượu lai rai để tranh luận chơi vì tôi biết anh sẽ không hài lòng với cách nhìn của tôi về U Minh.

Anh Nghiệp đọc lướt qua mấy trang rồi nói :

- Mấy nên nhớ một điều, tỉnh mình hiện nay còn hơn mười ngàn hộ nông dân chưa có đất. Trong khi năm ngàn hộ này được giao khoán đất rừng là sướng cha người ta rồi còn đòi vốn liếng gì nữa. Mấy ông nông dân mình theo Đảng thật ra chỉ với mục đích là để giành đất, khi có đất rồi lại đòi đầu tư vốn. Cha ông mình ngày xưa đi khẩn hoang có đồng xu vốn liếng nào đâu, chỉ có cây phăng thôi mà cũng làm nên sự nghiệp ...

Nghe anh nói tôi bị choáng người đến mức ngồi lặng thinh.

Từ hôm ấy đến nay anh bận đi chỉ đạo phòng chống cháy rừng liên tục nên tôi không có dịp sang nhà anh để tranh cãi như lời hẹn ban đầu.

Và, có phải chính cái bản thảo ấy là nguyên nhân của sự trục trặc hôm nay?

Chúng tôi gặp nhau trong phòng chủ tịch huyện, anh Nghiệp ôn tồn nói:

- Thật ra thì không phải chúng ta bùng bít sự thật. Vấn đề là sự thật ấy nên nói lúc nào cho phù hợp. Đó là anh nói cái chung vậy thôi, chứ cụ thể thì anh cũng chưa hiểu cái phim của tụi em định nói những gì. Nhưng nói gì thì nói cũng phải thấy rằng năm nay tỉnh mình giữ được rừng U Minh là cả một kỳ công.

Tôi ngồi im lặng, anh Nghiệp nói tiếp :

- Bây giờ thế này, tụi em nên làm lại thủ tục, tức là trở về gặp sở văn hoá cho họ xem kịch bản, nếu được thì họ cấp giấy phép cho trở vô quay tiếp, còn nếu có gì khó khăn thì họ sẽ xin ý kiến ủy ban, ủy ban sẽ giải quyết.

Như vậy là *cạn tàu ráo máng*, không thể nào đem luật ra mà tranh cãi ở đây, chúng tôi đành im lặng vác máy ra về. Trễ tàu lại không có đồ nhỏ, chúng tôi đành phải thuê chiếc tàu lớn về Cà Mau với giá hai trăm năm chục ngàn đồng.

Dọc đường đi, tôi chỉ hồi hận một điều là cái chân tình của mình lại hoá ngây thơ khi cho anh Nghiệp xem bản thảo *cánh rừng và ngọn lửa*.

Đến Cà Mau, tôi gọi điện thoại cho anh Huỳnh Khánh, giám đốc sở văn hoá thông tin, anh Khánh cười vang bên kia đầu dây :

- Đoàn phim *cánh rừng và ngọn lửa* bị đuổi về rồi đó phải không ? Thôi, qua đây làm việc đi.

Tôi và Tuấn chạy sang, anh Khánh nói :

- Phải chi ngay từ ban đầu mấy ông đến đây để tôi giới thiệu cho đi là yên chuyện rồi.

- Nhưng cái thẻ nhà báo của chúng tôi để làm gì ? – Tôi nói.

- Biết rồi ! Nhưng ở đời đâu phải lúc nào cũng đem luật ra nói với nhau.

- Nhưng phải chi thằng cha du kích áp làm khó thì tôi còn chấp nhận được !

- Đừng nóng chú em ạ ! Đây là một vấn đề tế nhị. Bây giờ thế này, *bên ấy* bảo tôi phải xem kịch bản, nhưng tôi đâu có quyền làm chuyện ấy. Mà trong tình thế này cũng rất khó cho tôi. Vì vậy, để giải quyết vấn đề tế nhị này, mấy ông cảm phiền viết cho tôi mấy chữ : Thứ nhất, nội dung phim nói gì ? Thứ hai, tác giả và đạo diễn là ai ? Thứ ba, đơn vị nào sản xuất ? Thứ tư, địa bàn quay ở đâu ? Thứ năm, thời gian quay mấy ngày ? Tôi sẽ căn cứ vào đó để làm báo cáo qua *bên ấy* và làm thủ tục cho mấy ông đi.

Sáng hôm sau, theo lời hẹn, tôi sang văn phòng ủy ban để biết kết quả. Nhưng kết quả lại là một công văn từ chối với mấy dòng chữ lạnh lùng:

Trước hết, ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ghi nhận sự quan tâm của đoàn làm phim đối với rừng tràm U Minh.

Hiện nay khu vực rừng tràm mới bắt đầu vào mùa mưa, việc quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng còn nghiêm ngặt vẫn trong tình trạng báo động khẩn cấp nên mọi tác động vào rừng tràm đều bị cấm. Do đó việc vào rừng tràm quay phim ở thời điểm này là chưa phù hợp.

Mong các đồng chí trong đoàn làm phim thông cảm chuyển sang địa bàn khác.

Năm phút sau khi fax công văn ấy về hãng phim, tôi nhận được điện thoại của anh Nguyễn Hồ :

- Tụi bây cứ yên tâm nằm ở đó mà chờ. Tao sẽ gọi điện thoại thương lượng với đồng chí chủ tịch tỉnh. Nếu thương lượng không được thì tao sẽ xin phép Chính phủ cho tụi bây đi quay.

Sáng hôm sau, chúng tôi được mời sang văn phòng ủy ban để làm thủ tục cho đoàn phim đi quay tiếp. Trên góc công văn của sở văn hoá thông tin được phê mấy dòng vắn tắt : *Đồng ý cho đoàn phim đi quay, nhưng giao cho giám đốc sở văn hoá thông tin kiểm tra nội dung và hướng dẫn thực hiện.*

Anh Nghiệp niềm nở đến bắt tay tiễn tôi trong phòng khách, anh nói :

- Chúc tụi em đi thành công. Tất nhiên là cái phim tụi em đang làm anh cũng chưa hình dung được, nhưng nhớ khăng định dùm anh một điều : Mùa khô năm nay cả nước mình xảy ra mười hai ngàn vụ cháy rừng mà U Minh hạ chỉ có tám mươi bảy vụ. Cho nên, phải thấy rằng mình giữ được U Minh là cả một kỳ công.

- Anh yên tâm – tôi nói – cái phim tụi em đang làm cũng chỉ vì muốn đóng góp một tình cảm cho U Minh mà thôi.

- Nếu có thể được thì trước khi đi làm hậu kỳ, em cho anh xem lời bình để anh góp ý...

Câu này thì tôi không dám hứa, vì với anh, tôi đã trót đại một lần.

NHỮNG CẢNH QUAY CUỐI CÙNG.

* Cảnh 1:

Ông Ba Tận ngồi trên chòi canh, tay cầm tổ hợp máy PRC25, mắt đăm chiêu nhìn về phía khu rừng.

Gần bốn tháng qua, ngày nào ông cũng ngồi trên đó.

* Cảnh 2 :

Nội cảnh nhà ông Ba Tận.

Căn nhà đổ nát, nhìn lên lốm đốm ánh mặt trời.

Năm đứa con ông gầy còm, hốc hác, tóc cháy vàng hoe.

Bé Trúc Ly vo nắm gạo cuối cùng để nấu nồi cháo trắng.

Trên bếp, một mẻ cá lòng tong ướp xả từ sáng đến giờ nhưng không có muối để kho.

* *Cảnh 3* :

Ngọc Mai mở máy ghi âm phỏng vấn ông Ba Tận :

- Thím Ba đâu hả chú ?

- Bả về quê chữa bệnh hơn một tháng nay mà tôi chưa có tiền đi thăm.

- Quê chú ở đâu ?

- Ở Đầm Dơi.

- Chú về đây bao lâu rồi ?

- Tám năm.

- Chú nhận khoán bao nhiêu đất rừng ?

- Năm chục công.

- Bao nhiêu năm nữa mới khai thác ?

- Tám năm nữa, hiện nay rừng mới ba tuổi.

- Chú làm được bao nhiêu ruộng ?

- Mười bốn công.

- Mỗi năm chú được bao nhiêu lúa ?

- Bốn mươi gạ.

- Đủ ăn được mấy tháng ?

- Có ăn được tháng nào đâu.

- Sao vậy ?

- Tôi nợ bảy mươi gạ lúa vay, mỗi năm đóng lời ba mươi lăm gạ, bốn năm qua, tôi đã đóng một trăm bốn mươi gạ rồi mà nợ gốc vẫn chưa trả nổi.

- Vậy chú sống bằng cách nào ?

- Đặt trúm, giăng câu, làm mướn ...

- Máy đưa nhỏ có được đi học không ?

- Không.

- Tại sao ?

- Nhà chỉ có một chiếc xuồng, để chúng lấy đi học thì nhin đói.

* *Cảnh 4 :*

Sáu cha con ông Ba Tận ngồi quanh nồi cháo trắng. Tuấn chưa thực hiện đầy đủ những khung hình theo ý muốn thì nồi cháo đã hết.

* *Cảnh 5 :*

Khu rừng cháy ở lâm trường U Minh I, máy doly theo bờ kinh, nhìn mút tầm mắt chỉ thấy những thân tràm đen nằm chồng chất lên nhau.

Từ trên chòi canh, đường lia 180 độ cũng vẫn là rừng cháy.

* *Cảnh 6 :*

Tuấn đặt máy qua vai tôi, ống kính vào cận cảnh giám đốc Trần Minh Cẩn để thu hình cuộc phỏng vấn :

- Anh có thể cho biết tình hình giao khoán đất rừng và thực trạng đời sống nhân dân ?

- Lâm trường chúng tôi có diện tích chung là 8721 ha, giao khoán cho 816 hộ với diện tích là 5585 ha. Đời sống của bà con hiện nay có gần 100 hộ đủ ăn, còn lại trên 700 hộ nghèo và đói.

- Theo anh thì năm nay vì sao lâm trường anh bị cháy lớn ?

- Do nghèo và đói.

- Nguyên nhân trực tiếp ?

- Vì đói mà họ bất chấp lệnh cấm, lén vào rừng lấy tổ ong. Tôi xin nêu một trường hợp cụ thể : Ông Mười Yểm, nhà hết gạo, vợ bệnh nặng nằm liệt giường, trong khi cái tổ ong trong khu rừng cạnh nhà ông khá lớn cứ thôi thúc ông. Nếu lấy được mười lít mật cũng được hai trăm ngàn đồng. Biết rằng cái lệnh cấm treo trên vách, ông cứ đắn đo trăn trở, đến khi bà vợ lên huyết áp, cần tiền đưa đi bệnh viện thì ông đành phải đánh liều lén vào rừng. Nhưng mới vừa đốt đuốc thì rừng bốc cháy, cháy cả chục hecta. Khi bắt ông giải về huyện, người công an còn vét túi cho ông hai chục ngàn và một cái quạt gas. Anh ta nói : *Ông đã phạm pháp thì luật pháp xử ông, cái ống quạt của ông là tang vật, tôi giữ lại, còn cái này là của tôi, tôi cho ông để ông có mà xài. Tôi biết, nếu ông không đói thì sẽ không phạm pháp.*

Ông Mười rưng rưng nước mắt, lầm lũi bước xuống nhà giam.

MANG THEO NỖI NIỀM U MINH HẠ

Tôi về Cà Mau gần một tháng nay, trời đã trút những trận mưa dầm, có nhiều đêm mưa lớn. Cứ những chiều, những đêm mưa như thế, tôi mừng cho các anh giám đốc lâm trường vì lửa rừng không còn đe dọa các anh. Nhưng bên cạnh sự bình yên trong giấc ngủ của các anh thì tôi như chợt thấy vợ chồng anh Thống đang gồng lưng chèo trong gió ngược mưa đêm với chiếc xuồng đầy ắp rau rừng, có cả những tia chớp và những tiếng sét kinh hoàng trong đêm tối. Khi tôi chớp mắt lại thì hình ảnh sáu cha con ông Ba Tận bỗng hiện ra, họ nép vào nhau ở một góc nào đó để trú mưa trong căn nhà đổ nát. Và nhiều đêm tôi tự hỏi, trong chuyến về Cà Mau họp chỉ bộ hôm rồi, anh Hạnh có tìm được người nào để chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất hay không ? – “ *Kệ, mình đói thì đói chớ đâu có bỏ Đảng được*”. Anh nói tỉnh bơ mà sao tôi nghe như cổ mình nghẹn lại.

Có những chiều, tôi định sang nhà anh Công Nghiệp – mà tôi quen gọi bằng anh Ba như người anh thân thiện trong nhà – để tâm sự cùng anh, tất nhiên không phải để tranh cãi về cái bản thảo *Cánh rừng và ngọn lửa* mà là tâm sự về những chuyện gió, mưa, đói, lạnh của hàng chục ngàn thân phận con người trong những căn chòi xiêu vẹo giữa U Minh. Tâm sự, để mong tìm sự đồng cảm của anh với cái phần tâm linh của ông kính máy quay phim của chúng tôi mà hôm ấy anh đã dùng quyền lực để che nó lại bằng cái công văn khô khốc, lạnh lùng.

Nghĩ thế nhưng đôi chân cứ ngập ngừng khi chợt nhớ những lời anh nói với tôi hôm trước : *Tỉnh mình hiện nay còn mười ngàn hộ nông dân chưa có đất, trong khi năm ngàn hộ ở đây được giao khoán đất rừng, họ sợ ông cha người ta rồi còn đòi vốn liếng gì nữa ? Máy ông nông dân của mình theo Đảng chỉ với mục đích là để giành đất, giờ có đất rồi lại đòi đầu tư vốn. Cha ông mình ngày xưa đi khẩn hoang có đồng xu vốn liếng nào đâu, chỉ có cây phăng thôi mà cũng làm nên sự nghiệp ...*

Nhiều lúc tôi đâm ra thắc mắc, giữa các anh với bọn cầm bút chúng tôi, chúng ta cũng từ nông dân mà ra, cùng chào một lá quốc kỳ, cùng hát một bài quốc ca mà sao trong cõi tâm linh lại quá nhiều khoảng cách ?

Tôi nhớ cách đây hơn mười năm, nhà thơ Lê Chí làm một bài thơ có tựa đề *Nếu sự thật là điều không nghe nổi*, tôi còn nhớ một đoạn mà tôi nghĩ rằng chép ra đây rất phù hợp với hoàn cảnh này :

*Ôi, điều phải biết thì lại là bất biết
Mồ hôi nào rõ xuống đồng sâu
Đôi mắt nào thức suốt đêm thao
Bàn tay nào nhọc nhằn chạy cứng
Giữa đau đớn ai là nhân chứng
Giữa nhân dân ai biết nhận ra mình
Giữa cuộc đời ai thấp sáng niềm tin
Giữa hư thực ai nói điều chân lý
Có một điều vô cùng giản dị*

*Tưởng ai ai cũng có thể làm
Là đến thật với mọi điều cùng đất nước nhân dân
Dẫu điều ấy vô cùng cay đắng
Vậy mà
Sau mười năm toàn thắng
Ta mãi quen nghe khúc nhạc chào mừng
Ta thích ngắm những bông hoa màu hường
Ta thích dạo những con đường thẳng tắp
Đã lạ lắm với mùa khoai mùa bắp
Lạ lắm với tháng năm mưa nắng thất thường
Cuộc sống nhân dân thử thách chiến trường
Thử thách lòng mình dữ dội
Nếu sự thật là điều không nghe nổi
Thì còn gì ta đến với nhân dân
Sẽ còn gì để biết xa hay gần
Mỗi bước đường lên hạnh phúc
Phải đến với sự thật nhân dân không cách nào khác được
Bởi đất nước này là đất nước của nhân dân ...*

Tháng 8 năm 1998

Dưới chân đài tưởng niệm

Đoàn phim chúng tôi thuê nhà trọ ngay cửa biển Khánh Hội, huyện U Minh, một trong những cửa biển giàu có nhất của tỉnh Cà Mau. Ngồi trước nhà nhìn ra chỉ thấy biển mù khơi, tàu cá vào ra tấp nập. Phía sau nhà là Đài Tưởng niệm đồng bào bị tử nạn trong cơn bão Linda. Hơn ba năm trước, tôi đến đây vào những ngày sau bão, cửa biển này đã trùm lên một màu tang tóc. Toàn bộ phố xá hai bên bờ sông sập thành bình địa. Ngoài cửa biển, hàng ngàn người chen nhau đứng ngóng trông, tìm kiếm người thân trong niềm tuyệt vọng. Những ngày ấy, tiếng sóng biển được thay bằng tiếng khóc than, gào thét, rên rỉ đến mỗi mồn của những người vợ mất chồng, của những người mẹ mất con...

Bây giờ, tất cả đã đổi thay, sự giàu có của Khánh Hội tưởng như đã xóa đi dấu vết tàn khốc của Linda nếu không có những con số thiệt hại về của, về người được khắc ghi trên Đài Tưởng niệm.

Nhưng không...

Đoàn làm phim chúng tôi về đây cũng vì cái lẽ nhưng không ấy.

Công việc đầu tiên của chúng tôi là nhờ chính quyền địa phương mời khoảng vài chục bà góa phụ của cơn bão Linda đến thấp nhang dưới chân Đài Tưởng niệm để chúng tôi thực hiện những cảnh quay.

Nhưng sáng hôm sau, vào giờ hẹn đã có hàng trăm bà kéo đến. Tôi chưa kịp làm công tác đạo diễn thì tiếng khóc gọi chồng, gọi con đã dậy lên thê lương cả một vùng cửa biển và khói hương bay lên nghi ngút cả vùng trời. Đoàn phim của chúng tôi cũng không ai cầm được nước mắt.

Tôi đứng lặng người bên hàng rào chờ cho đi đi cơn sốc, và chợt nhận ra, trong số họ có những người mà tôi đã gặp cách đây hơn ba năm, cũng tại cửa biển này vào những ngày tang tóc ấy, trong số tay của tôi vẫn còn nguyên vẹn những trang tóc ký về sự mất mát của mỗi người: Bà Trương Thị Lại, mất bốn người con ruột, một đứa cháu nội cùng với ba chiếc ghe; bà Quách Thị Huệ, mất ba người con ruột, hai người con rể, hai đứa cháu ngoại và sáu chiếc ghe; bà Huỳnh Thị Kiểm, mất một ghe, ba người con ruột, hai người con rể và hai mươi ngư phủ;... và, trong hàng ngàn ánh mắt tuyệt vọng ngoài bãi biển hôm ấy, tôi gặp một gương mặt thiếu phụ còn rất trẻ - cô Trần Thị Thu Vân, 21 tuổi - bụng đang mang thai, tay bồng đứa bé mới lên hai tuổi, cô lê từng bước trên bãi bùn với tiếng khóc nghêu ngao. Giờ đây, cô đang đứng dưới chân Đài Tưởng niệm, một tay dắt đứa bé gái năm tuổi, tay bồng đứa bé trai ba tuổi, trông cô già đi gấp mấy lần so với ba năm trước.

Tác giả kịch bản của đoàn phim chúng tôi - nhà báo Đỗ Văn Nghiệp - cho biết, cô Vân đặt tên cho đứa con trai của cô là Dương Hận Bão. Chồng chết, nhà sập, con nhỏ, bụng mang thai. Trong cảnh lá rách ít đùm lá rách nhiều của một vùng tâm bão, bà con lồi xóm dựng lại cho mẹ con cô căn chòi không quá mười mét vuông trong khóm bạch đàn. Căn chòi như cái tổ chim vì cây đòn dông cột dính vào hai cây bạch đàn đang sống, ngọn cao ngút trời xanh. Cho nên mỗi lần gió thổi thì căn chòi cứ sàng qua lắc lại theo cây bạch đàn. Vậy mà ba mẹ con cô đã sống ở đó đến ba năm! Căn chòi chỉ đủ lót mấy tấm ván và để một cái lò nấu cơm, còn bàn thờ chồng cô phải gởi nhà người khác.

Sau khi chồng chết hai tháng, cháu Bão chào đời trong một trường hợp rất thảm thương: Nửa đêm, khi biết mình trở dạ, cô ôm manh chiếu lết ra sân và thảng thốt gọi người hàng xóm, khi người đàn bà hàng xóm nghe được thì trên manh chiếu rách ấy, cô đã tự sinh con.

Sau khi thực hiện xong những cảnh quay tại nhà cô, chúng tôi gởi lại cho cô một trăm ngàn đồng và năm mươi ký gạo. Một người hàng xóm nói thay cô lời cảm ơn, còn cô thì ngồi lặng im với hai dòng nước mắt. Bà con cho biết: Một ngày nay cô đi hót cỏ mướn, mỗi công cỏ được trả 23.000 đồng, nhưng phải mất bốn ngày lao động. Trong khi đó cô phải thuê giữ con hết 4.000 đồng, như vậy bốn ngày lao động dầm mưa dãi nắng của cô chỉ còn 19.000 đồng mà phải tự lo cơm! Song, mỗi ngày kiếm được 4.750 đồng vẫn hơn những ngày không có ai mướn gì để làm, cô phải đi mượn gạo để nấu cháo mà ăn!

Chị Lê Hồng Việt, chồng chết để lại chín đứa con. Hai đứa con trai lớn chưa đến tuổi lao động nhưng phải theo ghe biển làm thuê rồi ở luôn ngoài đảo không về. Cũng như cô Vân, chị Việt phải làm mướn bất cứ việc gì để nuôi bảy đứa con nhỏ. Nhưng đâu phải ngày nào cũng có việc làm, thế là tám mẹ con chị thường xuyên ăn cháo.

Chị Đào Kim Ngân, chồng mất tích, mất luôn cả chiếc ghe biển, chị phải bươn chải nuôi hai đứa con với nghề chèo đò ngang bằng chiếc xuồng ba lá. Nhưng chiếc xuồng cứ mục, cứ bể dần, cứ đe dọa nguồn thu nhập hiếm hoi của chị. Khi tâm sự trước ống kính của chúng tôi, chị nói: *Tôi chỉ hy vọng vay được quỹ xóa đói giảm nghèo chừng hai triệu đồng đủ đóng lại chiếc xuồng mới để chèo đò*

nuôi con!

Song, được vay hai triệu đồng lại là ước mơ xa vời với các chị, như chị Trần Thị Bạch cho biết, để có vốn mua cá làm chả đi bán, các chị phải vay bạc ngày, bạc góp, tính ra lãi suất từ 50% đến 60%/tháng. Ở đây có hai phương thức cho vay: Nếu vay bạc ngày thì cứ 100.000 đồng mỗi ngày trả lãi 2.000 đồng, còn vay bạc góp thì cứ 100.000 đồng mỗi ngày góp 10.000 đồng trong thời hạn 12 ngày.

Các chị đùm bọc nhau bằng cách đi học nghề vá lưới rồi truyền lại cho nhau để kéo nhau đi làm mướn cho các tàu đánh cá. Nhưng số lượng ghe lưới ở đây cũng không đủ công việc cho cả một tập thể góa chồng. Nhiều chị còn trẻ, có chút ít nhan sắc đành phải bán mình để nuôi con.

Phía sau chợ Khánh Hội có một xóm nhà lá liền vách nhau tạo thành hình vuông bao quanh dưới chân Đài Tưởng niệm là khu vực hoạt động mại dâm một cách bán công khai. Trong đó có nhiều địa chỉ có tên gọi là Linda hoặc Bảo số 5 là nơi tập trung những chị em có chồng chết trong cơn bão. Số chị em ấy tuy không nhiều nhưng nó làm nhức nhối tâm can những ai đã từng chứng kiến cơn bão Linda trên mảnh đất này.

Trước cơn bão Linda, cửa biển Khánh Hội đang vào thời kỳ hưng thịnh của nghề câu mực, mà đặc điểm của nghề câu mực là lao động càng đông thì năng suất càng cao. Thế là lực lượng lao động nhàn rỗi khắp nơi trong tỉnh Cà Mau và các tỉnh miền Tây kéo về Khánh Hội để theo ghe biển. Bất ngờ bão đến. Tất cả đã không về. Không thể thống kê được số liệu thiệt mạng của những người tứ xứ bởi khi ra đi họ trốn tránh sự kiểm soát của Bộ đội Biên phòng. Chỉ biết rằng bằng phương pháp điều tra hộ khẩu, riêng huyện U Minh đã chết 700 người.

Song, chưa có phương pháp điều tra nào để xác định rằng từ đó cuộc mưu sinh đã trút lên đôi vai của bao nhiêu trẻ con và phụ nữ?

Thật đáng tiếc, Nhà nước đã đầu tư hàng ngàn tỷ đồng cho những dự án khắc phục hậu quả cơn bão Linda, nhưng vì lý do gì nguồn vốn ấy không đến được với những người vợ mất chồng trong cơn bão?

Một trong những người được thừa hưởng nguồn vốn ấy, anh Bùi Minh Trí đã nói trước ống kính của chúng tôi:

- Trong cơn bão số 5, tôi bị mất một chiếc tàu trị giá 100 triệu đồng cùng với tám ngư phủ. Nay tôi được Nhà nước đầu tư 570 triệu đồng để đóng lại tàu mới. Tôi vô cùng mang ơn Nhà nước nhưng tôi cũng luôn luôn xót xa và ray rứt vì mình mất của mà được đền bù còn những người mất mạng, để lại cho vợ con họ những hậu quả nặng nề mà Nhà nước không quan tâm giúp họ khắc phục. Tôi luôn tâm nguyện rằng, mai một tôi làm ăn khá giả, tôi sẽ giúp đỡ gia đình họ.

Lạy trời cho anh Trí làm được điều ấy và nhiều chủ tàu có cùng tâm nguyện như anh.

Dau thương trên đất Cà Mau

ĐÔI DÒNG NHẬT KÝ:

Chiều thứ bảy, ngày 1 tháng 11:

Tòa soạn nhận được một phong thư, bên ngoài có hàng chữ đỏ: Mời họp hỏa tốc. Bên trong là hai công văn của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau, mang số 905 và 906.

Công văn 905 mời các cơ quan báo chí có mặt tại Văn phòng Ủy ban Nhân dân vào 13 giờ 30 ngày thứ hai, 3-11, để được Chủ tịch tỉnh hướng dẫn nội dung tuyên truyền về Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XI sẽ khai mạc vào ngày 6-11.

Công văn 906 mời đại diện các ban ngành tỉnh, phó chủ tịch và trưởng phòng giáo dục các huyện thị, phóng viên báo chí địa phương và trung ương thường trú tại Cà Mau... có mặt tại Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh vào 6 giờ sáng thứ ba 4-11 để dự cuộc họp tổng kết đợt xây dựng 500 phòng học phục vụ cho khai giảng năm học mới 1997-1998.

Tối thứ bảy, ngày 1 tháng 11:

Thông báo số 1 của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão tỉnh Cà Mau: "Hồi 7 giờ sáng hôm nay, ngày 1-11-97, áp thấp nhiệt đới có vị trí trung tâm ở vào khoảng 7,5- 8,5 độ vĩ bắc, 113,0- 114,0 độ kinh đông. Sức gió mạnh nhất ở gần trung tâm lên cấp 7 tức là từ 60-65 km/h, cách quần đảo Trường Sa khoảng 180 km về hướng Đông Đông Nam.

Dự báo trong 24 giờ tới áp thấp nhiệt đới di chuyển về phía Tây với tốc độ khoảng 20 km/h, và có khả năng mạnh lên thành bão.

Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão tỉnh Cà Mau yêu cầu các phương tiện tàu thuyền đang khai thác biển hãy tìm nơi trú ẩn. Tàu còn ở trong sông không ra biển. Các địa phương có ý thức bảo vệ tài sản khi có mưa to gió lớn.

Đề nghị theo dõi diễn biến tin về áp thấp nhiệt đới. Các cấp chính quyền, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão các cấp có kế hoạch sẵn sàng ứng phó khi có bão gần".

Trưa chủ nhật, ngày 2 tháng 11:

Trời bắt đầu mưa to gió lớn, hàng dừa trước cửa ngả nghiêng, cây bàng lật gốc, một vài căn nhà bị tốc mái, điện cúp, không biết có phải đây là bão hay không? 40 tuổi đời, tôi chưa bao giờ thấy bão. Hỏi người lớn tuổi xung quanh, cũng không ai biết.

Chiều chủ nhật, ngày 2 tháng 11:

"Mời các bạn nghe tin báo khẩn cấp cơn bão số 5. Hồi 13 giờ chiều nay mùng 2 tháng 11, vị trí tâm bão số 5 ở vào khoảng 8,5 độ vĩ bắc, 108,3 độ kinh đông, cách bờ biển Bạc Liêu- Cà Mau khoảng 100 km về phía Đông Đông Nam, sức gió mạnh cấp 9, cấp 10, giật trên cấp 10 tức là từ 75 đến 102 km/h.

Dự báo trong 24 giờ tới, bão số 5 di chuyển theo hướng giữa Tây và Tây Tây Bắc một giờ đi được khoảng 20 km. Như vậy , chiều và đêm nay bão số 5 sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Bà Rịa-Vũng Tàu. Do ảnh hưởng của cơn bão, ở vùng biển ngoài khơi từ Bà Rịa-Vũng Tàu đến Cà Mau có gió bão mạnh cấp 8, vùng gần tâm bão cấp 9, cấp 10, giạt trên cấp 10, biển động rất mạnh, các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Bà Rịa - Vũng Tàu, chiều tối và đêm nay, gió bão mạnh dần lên cấp 7, cấp 8, vùng gần tâm bão cấp 9, cấp 10. Ở vùng biển từ Cà Mau đến Kiên Giang và Vịnh Thái Lan, đêm nay và ngày mai có gió bão mạnh cấp 7, cấp 8. Vùng gần tâm bão cấp 9, cấp 10, giạt trên cấp 10, biển động rất mạnh, ở các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ có mưa to đến rất to. Ở vùng ven biển các tỉnh từ Bà Rịa - Vũng Tàu đến Cà Mau cần đề phòng nước dâng cao 3 mét rưỡi đến 4 mét rưỡi".

Tối chủ nhật, ngày 2 tháng 11:

Điện cúp. Trời tối đen, gió mạnh và giạt dữ dội. Vào lúc 21 giờ tôi ghi âm lại bản tin "bão khẩn cấp" của Đài Tiếng nói Việt Nam rồi mở lại cho đồng chí Tổng Biên tập nghe qua điện thoại và cùng theo dõi việc chuẩn bị cử phóng viên đi theo các đoàn chống bão lụt.

21 giờ 30 tôi gọi điện thoại xuống các huyện và các xã vùng ven biển, hầu hết đường dây đã mất liên lạc. Lúc này, tôi bắt đầu đã ý thức được sự nguy hại của cơn bão số 5 đang hoành hành tại Cà Mau.

Sáng thứ hai, ngày 3 tháng 11:

Mưa lớn, một số đường trong thị xã bị ách tắc giao thông vì cây ngã, cột điện gãy. Tại trụ sở UBND tỉnh, hàng bạch đàn trước sân nằm sập lớp, nhà xe bị sập. Tôi bước vào trong, đã hơn 8 giờ sáng mà văn phòng vẫn còn vắng lặng, bất ngờ gặp chị Năm Niêm, Giám đốc Sở Thương mại và Du lịch, với nét mặt buồn lạnh, chị lắc đầu nói:

- Không có ai trong đó đâu, đừng vô mắc công. Mấy anh lãnh đạo đi xuống các huyện từ sáng sớm rồi.

- Chị có nghe thông tin gì không? - Tôi hỏi.

- Chưa nghe nguồn tin nào chính xác vì điện thoại ở các huyện bị mất liên lạc, chỉ biết sơ bộ là 12.000 căn nhà bị sập, 600 tàu biển chưa vào đất liền.

Trưa thứ hai, ngày 3 tháng 11:

Tôi bước lên phòng họp A của Văn phòng UBND tỉnh theo Công văn 905. Cũng đúng giờ giấc và vị trí ấy nhưng thành phần tham dự và nội dung cuộc họp thì khác.

Anh Ba Cầu, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo:

- Toàn bộ hệ thống trường học ở huyện Cái Nước bị thiệt hại nặng trong đó có 450 phòng học bị bão xóa sạch. Nhà dân bị thiệt khoảng 90%. Riêng các cửa biển từ Cái Đồi Vàm đến Rạch Chèo, hầu như không còn sót căn nào.

Chiều thứ hai, ngày 3 tháng 11:

Tòa soạn nhận được thông báo của Thường trực Tỉnh ủy Cà Mau, một văn bản hành chính mà sao giống như một bản tin buồn.

Ngày 25/10/97 Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Cà Mau có thông báo số 17-TB/TU triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XI vào các ngày 6, 7 và 8/11/97.

Nay trước tình hình thiệt hại rất nặng nề về người và tài sản do cơn bão số 5 gây ra, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Cà Mau quyết định hoãn thời gian Đại hội nói trên và sẽ tiến hành Đại hội vào thời điểm thích hợp để có thời gian toàn Đảng, toàn quân trong tỉnh dồn sức quyết tâm khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân trong tỉnh".

NHỮNG BUỔI CHIỀU TANG TÓC

Chiều thứ ba, ngày 4 tháng 11, con số thống kê tạm thời:

- Chết 28 người, bị thương 367 người, mất tích 622 người, 42.156 căn nhà bị sập, 75.085 căn nhà bị hư hỏng, 1.650 phòng học bị sập, 1.900 phòng học kiên cố bị hư hỏng, 144 tàu đánh cá bị chìm và 604 chiếc mất tích, 68.000 ha đất nuôi tôm bị thiệt hại, 600 miệng đày hàng khơi bị bão cuốn mất v.v... tổng giá trị thiệt hại ước tính 1.783 tỷ đồng.

Chiều thứ tư, ngày 5 tháng 11:

- Chết 64 người, bị thương 373 người, mất tích 202 người, 49.086 căn nhà bị sập, 75.085 căn nhà bị hư hỏng, 2.989 phòng học bị thiệt hại, 278 tàu cá bị chìm và 195 tàu bị mất tích, 30.000 ha rừng bị thiệt hại nặng, 50.000 ha lúa bị thiệt hại từ 50% trở lên v.v...

Chiều thứ năm, ngày 6 tháng 11:

- Chết 93 người, bị thương 373 người, mất tích 734 người, 56.291 căn nhà bị sập, 79.054 căn nhà bị hư hỏng, 3.190 phòng học bị thiệt hại, 328 tàu đánh cá bị chìm, 353 tàu bị mất tích, 91.000 ha đất nuôi tôm bị thiệt hại v.v...

Chiều thứ sáu, ngày 7 tháng 11:

- Chết 132 người, bị thương 412 người, mất tích 260 người, 1.974 phòng học bị sập và 2.203 phòng bị tốc mái hư hỏng, 366 tàu chìm và 259 tàu mất tích, 695 hàng đày bị bão cuốn trôi.

Chiều thứ bảy, ngày 8 tháng 11:

- Chết 141 người, bị thương 464 người, mất tích 273 người, 429 tàu cá bị chìm và 206 tàu bị mất tích, 3.895 miệng đày bị nước cuốn trôi. 40.570 ha rừng bị thiệt hại, 45 cống thủy lợi bị phá vỡ, 82 km đê biển và 131 km đê sông bị hư hỏng nặng vùn vùn và vùn vùn.

Ước tính thiệt hại vật chất là 2.500 tỷ đồng.

Cứ thế những con số thiệt hại cứ kéo dài theo những buổi chiều u ám. Tại Văn phòng UBND tỉnh -

nơi làm việc của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão, không khí nặng nề khó thở, gương mặt đồng chí chủ tịch UBND tỉnh lúc nào cũng ủ dột, mắt đỏ hoe như người chủ tang gia. Khách trong nước, khách nước ngoài cứ liên tục đến, những cái bắt tay kèm theo những ánh mắt chia buồn và những đồng tiền cứu trợ đầy nặng nghĩa tình được gửi đến.

Trước cửa phòng vi tính, vào cuối mỗi ngày, các phóng viên báo chí chen nhau chờ đợi những đáp số dừng lại trên màn hình dù biết rằng đó là những con số đau thương. Nhưng con số cứ tăng dần, tăng dần không cách nào cưỡng lại. Mà làm sao cưỡng lại được vì đó là sự thật. Làm sao cưỡng lại được vì đó là BÃO TÁP. Đã là bão táp thì thiệt hại đâu thể tính bằng vi tính.

QUÊ HƯƠNG BÂY GIỜ NHƯ THẾ NÀY SAO ?

Đi trên sông rạch Cà Mau, nhìn sự đổ nát của nhà cửa, cây cối hai bên bờ sông mà lòng quặn đau như dao cắt. Quê hương bây giờ như thế này sao? Chúng tôi đi hàng trăm cây số trên các tuyến sông từ Cái Tàu qua sông Ông Đốc, Phú Tân, Rạch Chèo, Tam Giang, Đầm Dơi, Đất Mũi... để rồi chỉ hỏi lòng mình một câu như thế!

Trời thì mưa dầm dề mà cỏ cây thì úa màu tang tóc. Lau sậy thì bầm dập. Dừa nước thì tưa tãi, rừng chồi thì trụi lá, cây to thì gãy cành, lật gốc.

Chúng tôi đến Lâm ngư trường Tam Giang III, nơi đây còn lại 500 ha rừng được nguyên thủy, một khu rừng duy nhất của tỉnh Cà Mau được gọi là rừng giống, được giữ gìn nghiêm ngặt vì nó cung cấp trái được cho kế hoạch khôi phục hàng chục ngàn hecta rừng ngập mặn của tỉnh nhà.

Vậy mà bây giờ cảnh tượng của khu rừng giống như một trận bom vừa đi qua. Từng thân cây gãy đổ gục ngã, nằm chồng chéo lên nhau. Có những thân cây to đến một người dang tay ôm không hết. Vậy mà bão giạt chúng gãy ngang như sét đánh.

Nhìn khu rừng bị xóa sổ, tôi hỏi thiệt hại bao nhiêu, anh Hai On, Giám đốc lâm ngư trường, nói gọn:

- Khoảng 40 tỷ.

- Để tái tạo khu rừng như thế này, phải mất bao nhiêu năm?

- Khoảng 40 năm.

- Rừng giống mất rồi, từ nay lấy đâu ra trái được để khôi phục rừng ngập mặn? - Anh không trả lời tôi mà chỉ thở dài.

Như vậy con số 40 tỷ đâu có thể đo được mức độ thiệt hại của 500 ha rừng nguyên thủy, trong khi diện tích rừng bị thiệt hại trong toàn tỉnh đã lên đến 40.000 ha.

Vẫn chưa hết, rừng trụi lá, lá thối làm chết cá tôm. Nước thối từ trong rừng đổ ra, đen quánh các dòng kinh, bốc lên nồng nặc.

Anh Quang Minh Nhật, phóng viên báo Thanh Niên, nói như tổng kết:

- Lên rừng thì ngửi mùi thối của lá cây, xuống biển thì ngửi mùi thối của xác người. Thử hỏi trên trái đất này có trận bão nào khủng khiếp thế không?

ƯỚC GÌ "BỎ CỦA LÁY NGƯỜI"

Dọc theo hai bên bờ sông Tam Giang và Kinh 17 có hàng ngàn hộ dân nghèo sống trong căn chòi lá với chiếc xuồng câu. Con bão đi qua, tất cả chỉ còn lại hai bàn tay trắng.

Chúng tôi gặp bà Quách Ngọc Anh trong tình cảnh ấy, bà bị mất hồn đến nỗi không nhớ mình có mấy đứa con, không nhớ mình bao nhiêu tuổi.

Người ta cho biết bà khoảng ngoài 40 tuổi có 11 đứa con, hai vợ chồng sống nghề câu cá dựa trên sông Tam Giang. Bão đã cuốn sạch của bà tất cả những gì gọi là "tài sản" kể cả phương tiện sống duy nhất là chiếc cần câu.

Trời ơi! Rồi đây hàng ngàn gia đình ấy sẽ về đâu khi hiện tại đã trắng tay trong cảnh màn trời chiếu đất.

Xóm Rạch Chèo, một cửa biển sung túc vừa được hình thành cách mấy năm nay, có thể gọi đây là một trong những cụm kinh tế của huyện Cái Nước. Vậy mà trong một đêm bỗng hóa ra bình địa. Chị Ngọc Nữ, một chủ doanh nghiệp kinh doanh hàng thủy sản giàu có nhất nơi này, thoáng chốc đã trở thành tay trắng, thậm chí lâm vào cảnh nợ nần. Chị nói: "Tôi bị thiệt hại gần 500 triệu đồng. Mấy ngày đầu chỉ biết khóc. Nhưng mấy ngày nay thấy cảnh bà con chết chóc tang thương, nghĩ lại dù sao mình cũng chỉ mất của, còn người...".

Ôi! Giá như tất cả chỉ mất của còn người sau cơn bão...

Nhưng làm sao mà "giá như" được khi trước mắt chúng tôi người thiếu phụ 39 tuổi - chị Phan Thị Lệ, ấp Rạch Tàu, xã Đất Mũi, đang ngồi gào thét dưới sàn nhà, chị đã bị mất cả của cải lẫn người thân. Bão đã cướp của chị 1 chiếc ghe biển, 20 miếng đất trị giá 300 triệu đồng cùng với người chồng và 2 đứa con trai. Nhưng đâu chỉ có thế, trên chiếc ghe ấy còn có cả 6 người bạn chòi cùng mất tích.

Chị lập một bàn hương án trước cửa nhà ngày đêm khẩn nguyện "nếu chồng con trở về, tôi sẽ xuống tóc".

Một ông lão ngồi cạnh chị nói với chúng tôi:

- Tội nghiệp nó, chín năm trước, thằng Hiền, chồng trước của nó, cũng chết ngoài biển. Giờ đến thằng chồng sau.

Chị Nguyễn Thị Tụi, 41 tuổi, một trong những chủ tàu giàu có ở cửa biển Sông Đốc. Nhà chị có đến 3 chiếc ghe lưới đèn trị giá gần 2 tỷ đồng. Vậy mà, tất cả đều ra đi cùng với 23 thuyền viên, trong đó có chồng chị - anh Trương Tấn Hòa - và người con rể - Trần Minh Hiếu. Vợ của Hiếu - cô Trương Việt Tân - 22 tuổi, vừa mới sinh con, giờ trở thành quả phụ, đồng cảnh ngộ với mẹ mình. Có lẽ từ nay, biển sẽ trở thành tiếng ru buồn đối với hai mẹ con người quả phụ ấy đến suốt cuộc đời.

Ở cửa sông Ông Đốc, mỗi ngày có hàng trăm người, đứng chen chân nhìn ra biển để ngóng trông tin tức của người thân đang mất tích.

Trên bờ sông, mỗi ngày có vài chục xác người được chở về từ biển. Nhưng những xác chết đã trở nên vô thừa nhận bởi đã sinh trương, biến dạng, không còn lại dấu vết gì để người thân nhận dạng người thân.

Tôi gặp má Nguyễn Thị Mười ở Mỹ Tho xuống đây tìm kiếm con mình. Má nói, con má tên Trần Đức Lợi, bên tai trái có đeo một chiếc bông tai. Hai ngày qua, má cứ lật tìm chiếc bông tai trên gần 30 thi thể. Đến ngày thứ ba, người ta thấy má gào lên:

- Con ơi là con! Trời ơi tôi chỉ có một thằng con trai duy nhất.

Má chỉ nói được bao nhiêu đó rồi ngất xỉu. Những người đồng cảnh ngộ xúm lại dìu má đến gò đất khô và cạo gió cho má. Tất cả đều khóc, không biết rằng họ khóc cho ai. Một thiếu phụ ngồi kế bên, úp mặt xuống đầu gối nức nở: "Anh ơi! Dù anh có chết đi cũng phải về đây cho em chôn cất đàng hoàng...".

Tôi rời cửa Sông Đốc trước cảnh tượng ấy trong một cơn mưa tầm tã, mưa trắng xóa cả một vùng biển, vùng trời. Cứ tưởng như những ngày sau cơn bão, nước mưa hòa trong nước mắt của hàng vạn con người, mà đâu chỉ riêng gì trên đất Cà Mau.

Hỡi các thế hệ mai sau! Xin nhớ cho rằng từ nay, những giọt nước tinh khôi lấy lên từ lòng đất, trong đó có lẫn nước mắt của một lớp người.

Nơi ấy bây giờ

I - TRÍCH MỘT BÀI VIẾT CŨ

Cho đến bây giờ vẫn chưa ai biết được hai chữ Long Điền xuất xứ từ đâu. Kể cả những cụ già cao tuổi nhất trong làng cũng bảo rằng khi các cụ lớn lên thì đã nghe mảnh đất này mang tên ấy. Nhiều người hiểu về Long Điền bằng một khái niệm giản đơn theo từ Hán, tức là mảnh “đất rồng” .

Người ta kể rằng hồi đó Long Điền chiếm toàn bộ phần đất phía Đông huyện Giá Rai có bờ biển chạy dài từ cửa sông Gành Hào lên Vĩnh Mỹ. Dân cư thưa thớt bởi hơn hai phần ba đất đai thuộc rừng rậm, nhiều thú dữ. Vùng đồng bằng tuy nhỏ nhưng rất phì nhiêu do hai tên Huyện Kê và Phủ Mầu làm chủ. Khoảng đầu thế kỷ XX, có một người Hoa tên Sồn chuyên làm nghề lái đường từ Gia Định về Bạc Liêu , không hiểu duyên cớ vì sao , có lẽ vì tên chủ hãng đường ở Gia Định sơ ý để lộn hũ bạc xuống ghe đường của tên Sồn mà sau chuyến đi ấy, tên Sồn từ giã nghề lái đường. Hắn mua được chức quan huyện và phần đất của Phủ Mầu. Từ đó, những người nông dân thuộc tá điền của Phủ Mầu bỗng dưng “đổi chủ” , trở thành tá điền của huyện Sồn. Mấy năm sau, huyện Sồn qua đời, con rể của hắn là tú tài Cộc lên thừa kế cơ ngơi. Tên chúa đất trẻ tuổi này lại càng ra sức bóc lột nặng nề hơn cả cha vợ .

Dưới hai tầng áp bức của chế độ thực dân, phong kiến, thật khó mà nói hết cái cảnh cơ bần đói khổ của kiếp sống tá điền :

*“Bát cơm chan đầy nước mắt
Bây còn giằng khỏi miệng ta
Thằng giặc Tây- thằng chúa đất
Đưa đê cổ – đưa lột da”*

Thế nhưng:

*“Xiềng xích chúng bây không khóa được
Trời đầy chim và đất đầy hoa
Súng đạn chúng bây không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà”*

Tôi có cảm tưởng như những lời thơ ấy của Nguyễn Đình Thi viết dành riêng cho cái làng ven biển nhỏ nhoi này. Là bởi trong ký ức của mỗi người dân Long Điền vẫn còn đọng lại cái khí thế sôi sục của những ngày dùng giáo, dùng gươm, dùng tầm vông vạt nhọn đi đòi lại quyền làm người. Từ mùa thu năm ấy, mảnh đất đã gắn bó với cuộc đời người nông dân bằng tình yêu, có cả nước mắt, mồ hôi và xương máu .

... Anh Năm Phú dẫn tôi băng qua cánh đồng sang nhà bác Sáu Long. Dù mùa gặt đã xong hơn bốn tháng nay nhưng cả một đồng rạ khô vẫn còn đủ sức chứng minh cho một năm trúng mùa cao sản . Năm Phú say sưa giới thiệu với tôi từng mảnh đất cấy giống lúa gì, mật độ gieo cấy bao nhiêu , năng suất mấy tấn một héc ta , của hộ nào nhận khoán và vượt khoán bao nhiêu... Tôi không ngạc nhiên vì sao đồng chí phó bí thư huyện ủy lại rành rẻ về mảnh đất này như thế . Bởi một lẽ giản đơn anh là bí thư xã Long Điền Đông A trước khi về làm phó bí thư huyện ủy. Nhưng đằng sau cái lẽ giản đơn ấy là cả một bước ngoặt lịch sử của một vùng đất, cũng chính là bước ngoặt của cuộc đời anh .

Tôi nhớ rất rõ vào tháng 3 năm 1982 có một bài báo viết về công tác xây dựng Đảng ở Long Điền Đông A đăng trên báo Minh Hải. Qua bài báo ấy, trường chính trị Châu Văn Đăng lập tức gọi công văn mời đồng chí bí thư xã Long Điền Đông A – tức Năm Phú- lên báo cáo kinh nghiệm về công tác xây dựng đảng bộ cơ sở vững mạnh cho các lớp chính trị của trường .

Người ta nói Năm Phú có công xây dựng Long Điền Đông A thành một tiền đồn kinh tế vững chắc của huyện trọng điểm Giá Rai. Mà điều chính yếu để dư luận quan tâm là Long Điền Đông A đi lên từ một chi bộ bị xếp vào loại yếu .

Đó là năm 1978, Long Điền Đông A tiến quân rầm rộ vào cuộc cách mạng quan hệ sản xuất. Tưởng sẽ nắm phần thắng trong tay. Ai ngờ đâu , đưa toàn bộ lao động vào hợp tác hóa nhưng không nắm vững cung cách làm ăn, cuối cùng tan rã. Đưa toàn bộ diện tích đất nông nghiệp vào sản xuất hè thu nhưng biện pháp kỹ thuật thì quá kém cỏi. Hai yếu tố ấy cộng lại thành sự đổ vỡ. Đổ vỡ của mùa màng, đời sống, đổ vỡ lòng tin và ý chí từ trong chi bộ đến quần chúng nhân dân. Sau đó người ta thấy những mảnh ruộng bỏ hoang vì một số nông dân bỏ đi làm ăn nơi khác .

Năm Phú sau khi tốt nghiệp trường Nguyễn Ái Quốc trở về thì huyện ủy Giá Rai lại giao cho anh “ thực hành” những bài học được bằng hiện trạng Long Điền Đông A . Về mặt tình cảm mà nói. Năm Phú gắn bó với cái làng ven biển này bằng tiếng khóc chào đời của anh, bằng cả máu của người cha và một người anh đã hy sinh . Rồi đến lượt anh, bốn vết thương trên người cũng mang từ mảnh đất này trong những năm đánh Mỹ. Anh hiểu bà con, bạn bè, đồng chí đã từng che chở, sống chết cho nhau để cùng giữ đất. Nhưng bây giờ vì sao họ bỏ đất ra đi ? Năm Phú lần dò tìm ra đầu dây của một chùm tơ rối. Cái mảnh đất có lúa , có muối, có biển, có rừng, có hoa màu, cây trái thật trù phú làm sao. Thế mà cái đói cái nghèo quanh năm còn đeo đẳng. Phải chăng vì bao thế hệ đi qua, không ai nghĩ đến chuyện làm giàu mà chỉ làm cho có ăn để lo đánh giặc ? Anh nhìn qua mười bảy đảng viên trong chi bộ, hầu hết họ đều bỏ ngõ vì bao năm quen với chiến trường vừa bước sang làm kinh tế. Năm Phú nói với các đồng chí của anh bằng những lời tâm huyết: “ Thừa các đồng chí , bằng mọi giá, chúng ta phải xóa sạch nghèo nàn và lạc hậu! Nhưng xóa bằng cách nào đây ? Chúng ta có ruộng lúa, phải biết làm ra lúa, có ruộng muối phải biết làm ra muối; có bờ biển, phải khai thác cá tôm; có vườn, phải biết trồng hoa màu cây trái, phải biết nuôi cá, nuôi tôm, nuôi gia súc , gia cầm. Nhiệm vụ của mỗi đảng viên chúng ta bây giờ là phải tổ chức cho bà con làm những công việc đó. Tôi đề nghị mỗi đảng viên chúng ta phải là một điển hình cho quần chúng noi theo. Xem đây là một phương châm hành động. Điển hình ở đây là gì? Nghĩa là phải gương mẫu, từ tư cách đạo đức, tác phong sinh hoạt đến cung cách làm ăn, nhất là phải điển hình trên mặt trận lao động sản xuất. Chi ủy quyết định sẽ lấy hiệu quả lao động làm thước đo phẩm chất của mỗi đảng viên ...”

Khí thế sản xuất của làng ven biển được bật lên từ đó. Năm Phú đích thân đến Viện nghiên cứu cây lúa trường Đại học Cần Thơ, gặp giáo sư Tiến sĩ Võ Tòng Xuân để tìm giống mới và học hỏi các biện pháp thâm canh . Năm ấy cũng là thời điểm phát thẻ đảng viên đợt đầu tiên. Năm Phú đổi giống mới và phát động cho mỗi đảng viên phải đi đầu phong trào thâm canh cây lúa. Anh lấy năng suất lúa làm một trong những tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đảng viên để phát thẻ đảng. Kết quả của vụ mùa ấy, 16 đảng viên trong 18 đảng viên của chi bộ đã đạt năng suất từ 5 đến 7 tấn một héc ta . Sự kiện ấy đã diễn ra ngoài sức tưởng tượng của mọi người, vì bao đời qua năng suất lúa ở đây chưa bao giờ mỗi héc ta đạt trên 3 tấn. Sự kiện ấy cũng chính là sức thuyết phục mạnh liệt nhất để bà con Long Điền Đông A bước vào con đường hợp tác hóa bằng tất cả lòng tin và đưa toàn bộ diện tích đất canh tác thành cánh đồng cao sản .

Tháng mười năm 1982 , tức là hơn nửa năm sau khi Năm Phú được trường Đảng mời lên báo cáo kinh nghiệm xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện qua một bài báo,, giáo sư tiến sĩ Võ Tòng Xuân dẫn đoàn phóng viên của Đài truyền hình Cần Thơ xuống phỏng vấn cung cách làm ăn của Năm Phú . Lúc chuẩn bị ra đồng, thấy đoàn khách bỏ dép . Năm Phú liền xua tay nói : “Các đồng chí cứ mang dép tự nhiên. Chúng tôi còn chạy xe đạp đi thăm lúa kia mà !”

Tưởng anh nói đùa, nhưng đến lúc ra đồng, chúng tôi mới hiểu đó là điều có thật. Đi qua hàng trăm héc ta, đều có những bờ mẫu bằng phẳng, sạch khô, có thể đi bằng xe đạp.Và với hàng trăm héc ta ấy, Năm Phú vẫn thuộc lòng khi nói đến giống lúa, mật độ gieo cấy, lượng bón phân,thậm chí đến tính nét của người nhận khoán ...

Giáo sư Tiến sĩ Võ Tòng Xuân vừa cười tươi, rí tai anh kỹ sư đang khoan đất .

- Khác với những lần chúng ta đi lấy mẫu đất, hôm nay chúng ta lấy được một mẫu người .

Cánh đồng chìm trong ánh nắng chiều rực lên một màu vàng của lúa. Nhìn bốn phía, vườn cây xây thành một màu xanh bao quanh vựa lúa mênh mông .

Chúng tôi trở ra con đường làng từ ấp Bửu Điền II đi ngược lên Bửu Điền I. Hai ấp nằm dọc theo bờ kinh thẳng tắp chạy dài . Một bên là vườn dừa chắn ngang cánh đồng cao sản. Bên kia là ruộng muối nhưng vào mùa mưa thì đồng muối thuộc về thời vụ của cá tôm. Rải rác chỉ còn những tu muối trên bờ đê còn sót lại.

Đồng chí Châu Đông Á, chủ tịch ủy ban xã bây giờ như làm công việc thuyết trình thay cho Năm Phú.

- Nếu các anh đến đây vào những ngày sau tết sẽ thấy vui hơn bởi khí thế làm muối của các tập đoàn. Mấy năm gần đây, năm nào sản lượng muối của xã này cũng chiếm gần năm mươi phần trăm tổng sản lượng muối toàn tỉnh . Cũng bao nhiêu diện tích ấy thôi, nhưng các anh biết không, hồi trước mỗi héc ta chỉ có 5 tấn. Nhưng sau này chúng tôi chỉ đạo cho các tập đoàn đào thêm kinh dẫn nước , mở thêm sân và tăng cường các biện pháp kỹ thuật, bây giờ năng suất lên đến 25 tấn một héc ta. Và cũng chính vì đào thêm kinh dẫn nước mà đồng muối đã thêm một vụ tôm. Bình quân mỗi héc ta thu hoạch gần 500 kg tôm nguyên liệu cộng với 25 tấn muối . Các anh thử tính xem có phải tác đất tác vàng không ?

(Trích bút ký “*Chuyện kể ở một làng ven biển*” , Tạp chí Văn nghệ Minh Hải, số đặc biệt 30-4-1985) .

II - NƠI ẤY BÂY GIỜ

Chúng tôi trở lại Long Điền Đông A sau gần ba năm đăng bài viết này. Bây giờ tất cả đã khác đi, tất cả đã đắm chìm trong một bầu không khí căng thẳng, nặng nề trùm lên làng xóm và xóa sạch dấu vết của ba năm về trước. Một cuộc biểu tình rầm rộ hồi cuối năm 1986 đã xảy ra và tới giờ vẫn còn âm ỷ làm đau đầu các nhà lãnh đạo đang thay nhau xuống giải quyết nhưng vẫn chưa có dấu hiệu tốt lành .

Rồi nạn đói tràn xuống trong năm nay, Long Điền Đông A như rơi vào vực thẳm. Mới qua Tết mà gần một ngàn gia đình không còn hạt lúa, nhiều hộ đã bán đất, bán trâu, đợ con hoặc bỏ xứ đi làm thuê ở mướn .

Muối Long Điền một thời nổi tiếng năm nay cũng đành chịu chết. Hàng chục ngàn tấn muối phơi trắng đồng nhưng những người làm muối đành ôm bụng đói vì giá cả rẻ mạt, bán một trăm ký muối chỉ mua được một ký gạo, mà có bán cũng chẳng ai mua. Trong khi đó, cách vài chục cây số ra chợ, muối bán lẻ tám mươi đồng một ký! Cuộc đời của dân làm muối là như vậy. Dường như trời đã dành cho họ một số phận hẩm hiu, qua cái thời bị Nhà nước ép giá, giờ đến lượt bọn tư thương !

Anh Phó chủ tịch xã lật quyển sổ tay, giọng ngập ngừng khi báo cho chúng tôi biết rằng Long Điền

Đông A năm nay xuất hiện gần ba trăm hộ thuộc tầng lớp phú nông, họ cho vay rất nặng lãi, một trăm gia lúa thì đến mùa phải trả một trăm tám mươi gia. Ngoài việc cho vay, họ ứng trước lúa, gạo và tiền công lao động làm mùa rẻ mạt cho những người nghèo. Việc ứng trước tiền công cho người lao động không loại trừ một số cán bộ có chức , có quyền và có tiền ở xã. Đó mới là chuyện đáng xấu hổ. Đường như họ chẳng còn nhớ và chẳng cần nhớ hồi chống Mỹ ai đã nuôi nấng đùm bọc họ ?

Cùng xuất hiện với phú nông là những tên cường hào mới mang thẻ đảng, chuyện bắt bớ đánh đập và ức hiếp quần chúng .

Dẫu tôi không cố tình so sánh , nhưng Long Điền Đông A như cố ý gợi nhớ trong tôi cái thời còn ngồi ở ghế nhà trường với một đề bài thi phân tích những dòng thơ Tố Hữu :

*Ôi nhớ những năm nào thuở trước
Xóm làng ta xơ xác héo hon
Nửa đêm thuế thúc trống dồn
Sân đình máu chảy, đường thôn lính đầy.*

Ở đây không có tiếng “ trống dồn” nhưng có cảnh đêm đêm loa phóng thanh lạnh lót trong xóm để kêu gọi, bêu xấu, hăm dọa và truy tố những người nông dân thiếu thuế và thiếu nợ vật tư nông nghiệp của Nhà nước .

Lần theo tiếng loa thông báo khai trừ ông Bảy Thân ra khỏi Đảng với những tội danh: ông đã đồng tình với cuộc biểu tình, cho rằng biểu tình là đúng, quan hệ với một số phần tử xấu chống lại chủ trương Nhà nước, và những tội khác như : thuốc chết hai con heo của công an, không đóng thuế công thương nghiệp, bỏ hợp Đảng ủy để đi đánh bài... Chúng tôi tìm đến nhà ông Bảy Thân vào một buổi tối, bà Bảy đang đau nặng nằm rên rỉ trên giường, Còn ông Bảy Thân thì ngồi thở hỏn hển , có lẽ vì đang bức tức chiếc loa trên đầu xóm cứ dội vào tai ông .

- Cho tụi bây cứ phát thanh đi- ông nói , miệng chửi thẻ lập bập - Nhưng đồ cha thằng nào dám vào đây thu hồi thẻ đảng của tao, tao chém lã đầu !

Bà bảy vừa ôm bụng rên , vừa năn nỉ :

- Thôi đi ông ! Nóng nảy làm gì .

- Không nóng sau được, bảy mươi tuổi đầu rồi, hồi tôi đi làm cách mạng tụi nó chưa đẻ, giờ nó muốn làm ông làm cha.

Nói đoạn, ông Bảy quay sang rót nước mời chúng tôi, giọng có phần dịu hơn : “ sống ở cái đảng bộ này , a đua theo tụi nó thì không được , còn đấu tranh cũng không được ,riết mình mang bệnh tức cũng chết! Mấy chú thử nghĩ, có cái nguyên tắc nào mà khai trừ một đảng viên ra khỏi đảng lại đem phát loa thông báo trong toàn xã như vậy không ? Tôi biết, tụi nó làm vậy là để gây hoang mang cho quần chúng, để họ thấy rằng tôi ủng hộ cuộc biểu tình của họ thì số phận tôi ra thế đó ! Thật là mĩa mai, thật là đầy mâu thuẫn! Nếu biểu tình là sai thì tại sao họ cách chức Chủ tịch huyện, chủ tịch xã và tổ chức mít tinh nhận lỗi với dân” ?

Ông Bảy dừng một lúc rồi tiếp:

- Tôi khẳng định cuộc biểu tình ấy đúng. Đúng là vì cuộc biểu tình ấy xảy ra không phải chỉ vì chuyện bắt bớ vợ chồng Bảy Liên Xô mà là chuyện tức nước vỡ bờ của bao nhiêu vụ việc. Một sự bùng nổ của bao nhiêu nỗi uất ức bị dồn nén, hơn nữa, dân ở đây có truyền thống biểu tình từ thời kỳ đấu tranh trực diện chống Mỹ Ngụy. Ai dạy họ biểu tình? Vậy thì bây giờ họ biểu tình để chống đàn áp bất công thì tại sao cho họ tầm bậy? Tôi về hưu, sống ngay trước cái ủy ban xã này, làm nhân chứng cho bao nhiêu chuyện gai mắt chướng tai. Mấy chú thử nghĩ xem, bà Tám Ngân mẹ của hai liệt sĩ, nhà nghèo như ổ chuột, ông chồng đi làm mướn quanh năm, vậy mà chính quyền có lo được gì cho bà. Ngược lại, năm nào bà cũng làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước. Năm kia bà bị thất mùa, làm mười sáu công ruộng chỉ được một trăm ba mươi gia lúa. Thu hoạch xong có vô bồ được hột nào đâu, vì đóng thuế và trả nợ phân cho Nhà nước hết một trăm mười gia, còn hai mươi gia để giống, coi như trắng tay, lỗ công cày, công cấy, công gặt, công làm ra lúa hột, công phơi nắng dầm mưa ...Bà chờ một trăm mười gia ra nhập kho, thẳng thủ kho chê lúa chưa khô, không chịu nhập. Bà năn nỉ: “Chú thông cảm cho nhập đi rồi tôi biểu chú chút đỉnh tiền cà phê “. Nó đồng ý cho nhập, nhưng với điều kiện mỗi một trăm ký phải trừ hai ký. Trừ qua cân lại cuối cùng mất của bà chín gia. Vậy mà có yên đâu, bà về ngày trước thì chiều ngày sau xã ký giấy cho công an qua mời bà. Bà năn nỉ: “Mấy chú về đi, tối nay tôi đi vay tiền, tám giờ sáng mai tôi lên trả đủ cho chớ gì. Một trăm gia tôi còn trả được, có chín gia không lẽ tôi giựt của Nhà nước sao? Một hai nó bảo bà phải đi, bà không đi, nó bắn ba phát súng báo động, lập tức hai thằng khác nhào vô xóc nách bà lôi đi, rách nát hai tay áo và chảy máu hai đầu gối. Đến lúc làng xóm kéo đến phản đối, can ra, chúng mới chịu thôi. sáng hôm sau bà mang hai tấm bằng Tổ quốc ghi công lên trả cho ủy ban xã, bà khóc ròng nói: “các ông đã đối xử với tôi như vậy, thì từ đây về sau đừng kể tôi là mẹ liệt sĩ nữa, tôi tủi thân lắm!”.

Hớp một miếng nước, ông Bảy kể lại:

- Còn ông Ba Xén, cũng trạc tuổi với tôi, cũng gia đình liệt sĩ, là xã viên hợp tác xã Quyết Thắng. Ông mang vô hợp tác xã nông nghiệp mười tám công ruộng, làm ba năm không khá nổi, phần bất bình vì những kiểu làm ăn bất chính, ông xin ra, Ban chủ nhiệm đồng ý cho ông ra nhưng chỉ cho ông mang ra nửa số đất. Ông không chịu, làm đơn đi kiện lên cấp trên. Một hôm, ủy ban xã mời ông lên giải quyết, họ lập biên bản buộc ông ký bàn giao cho hợp tác xã phân nửa số đất. Ông không ký và bỏ ra về, lập tức trưởng công an xã ra lệnh “Lực lượng đâu, trói lại!”. Chúng nhào vô trói thúc ké ông lại và lôi ngược qua cầu khỉ, giam mấy ngày.

Khi thấy chúng lôi ngược ông Ba Xén qua cầu khỉ, tôi la: “Tụi bây là chính quyền cách mạng hay đế quốc? Cái cầu khỉ như vậy tao bắt tụi bây đi ngược thử coi tụi bây có đi được không?” Sáu Thành, chủ tịch xã quát vào mặt tôi: “Ông câm đi, ông biết gì mà chen vào?”

Lại mấy ngày sau một sự việc diễn ra ngay trước cửa nhà tôi. Thằng Sáu Thành, chủ tịch xã nhậu say, gặp con Xuân con gái ông Chín Tỵ đi qua đường, hấn nhào đến ôm người ta, con nhỏ hốt hoảng bỏ chạy. Hấn ra lệnh cho du kích: “Tụi bây rượt bắt con nhỏ tình báo ấy nhốt lại!”! Mấy thằng du kích không dám cãi lệnh, mà bắt cũng không dám bắt, nên giả vờ rượt. Con nhỏ chạy mất. Hấn nổi khùng nhào vô xã đội đánh bà già đang bị giam vì có con trốn nghĩa vụ. Hấn đánh mấy bạt tai, cũng may là

có người can kíp ...

Câu chuyện của ông Bảy Thân vẫn chưa kết thúc nhưng giọng ông bị lún chìm trong tiếng loa phóng thanh thông báo khai trừ ông ra khỏi Đảng mỗi lúc một gần. Chúng tôi rời khỏi nhà ông, men theo con đường ra đê biển. Đêm xuống, làng xóm vắng tanh, chỉ có tiếng loa phóng thanh kêu gọi, kêu xấu và hăm dọa những người thiếu thuế.

III - TIN CỦA MỘT ĐÀI NƯỚC NGOÀI

Cuối năm 1986, một đài phát thanh nước ngoài đưa tin: ngày 21 tháng 12 năm 1986, tại xã Long Điền Đông A, tỉnh Minh Hải, hàng trăm nông dân đã kéo biểu tình đến tỉnh lỵ để phản đối sự đối xử bất công của chính quyền địa phương .

Bản tin của đài phát thanh nước ngoài này làm cho các nhà lãnh đạo ở đây nhận định rằng cuộc biểu tình ở Long Điền Đông A là do bàn tay kẻ địch, vì chỉ có kẻ địch nhúng tay vào nên tin tức mới đi quá nhanh như vậy . Và cũng chính vì nhận định ấy mà kẻ địch nào đó bị đổ lỗi thay cho những người trực tiếp gây ra .

Từ ấy đến nay, Long Điền Đông A trở thành đối tượng nghiên cứu của an ninh chính trị, và dần dần nó trở thành một cái tên gọi khá hấp dẫn ; “ Sự kiện Bảy Liên Xô “ .

IV - SỰ KIỆN BẢY LIÊN XÔ LÀ GÌ ?

Người ta kể về ông Bảy Liên Xô như một tên phiến loạn đang cầm đầu nhóm nông dân chống lại chủ trương Nhà nước và có âm mưu lật đổ chính quyền, rằng ở Long Điền Đông A hiện nay ai muốn trả nợ cho Nhà nước đều phải hỏi ý kiến ông Bảy Liên Xô, rằng tổ chức của Bảy Liên Xô hiện nay đang ráo riết trang bị vũ khí và tiền để lập quỹ .

Đồng chí Tư Chuẩn, phó bí thư huyện ủy Giá Rai cũng kể với chúng tôi như vậy. Và anh nhận định thêm:

- Sau lưng Bảy Liên Xô là bàn tay kẻ địch, bên cạnh hắn là một số tên lưu manh và tề nguỵ cũ, trong đó có tên Sũn là tình báo. Nhưng cái nguy hiểm nhất của tên Bảy Liên Xô là hắn tập hợp rất đông đảo gia đình liệt sĩ và nông dân nghèo để chống lại ta .

Anh Sáu Hải, trưởng công an huyện thì tỏ ra thận trọng hơn :

- Đây là một dạng hoạt động rất kỳ lạ. Chúng tôi nghiên cứu mãi mà chưa tìm ra cái tên của tổ chức này là gì !

Nghe qua, chúng tôi vừa thấy hấp dẫn, vừa thấy kỳ cục, muốn bay nhanh đến cái “ căn cứ” ấy để xem vị thủ lĩnh của những người nông dân này ra sao .

Khi chúng tôi chuẩn bị lên đường , anh Châu Đông Á, nguyên là chủ tịch xã Long Điền Đông A ,

hiện là phó phòng nông nghiệp huyện có vẻ dò xét hỏi :

- Mà y định vô xã làm gì ?

Tôi thành thật trả lời :

- Tôi muốn gặp ông Bảy Liên Xô!

- Mà y gặp ông làm gì? Anh có vẻ hơi sững sốt .

- Thì cũng cần phải gặp chứ anh, nghề nghiệp mà !

Xe của huyện ủy đưa chúng tôi lên xóm Lung, từ đó chúng tôi quá giang xuống máy vào xã chừng hơn mười cây số. Lúc ấy, trời đã tối. Chúng tôi phải lần mò từ đầu kinh qua mấy chiếc cầu khỉ mới đến nhà ông Bảy Liên Xô .

Những ấn tượng ban đầu qua báo cáo của anh Tư Chuẩn và Sáu Hải làm cho chúng tôi dè dặt và tự nhiên có một linh cảm không lành trước đêm đen đang bủa vây trên xóm nhà thưa thớt, leo lét những ngọn đèn dầu và tất cả chìm trong im lặng. Tôi bắt đầu nghe sợ, cái sợ hãi khác thường không giống bất kỳ sự sợ hãi nào mà tôi đã trải qua .

Đứng trước cửa nhà ông Bảy Liên Xô, tôi hồi hộp gõ nhẹ cánh cửa:

- Chú Bảy ơi ! Chú Bảy !

Bỗng đứng trong nhà vụt tắt đèn và im lặng . Mặc cho tôi gọi rất lâu, cũng chẳng ai lên tiếng .

Tôi bỗng nghe xương sống mình ớn lạnh và cặp giò hơi run. Tôi chợt nhớ cái vẻ sững sốt của anh Đông Á hồi chiều. Hay là anh ta sợ mình đi vào vùng nguy hiểm chăng ?

Tôi khều nhẹ ba người bạn đồng nghiệp, đi vòng lại nhà bên cách đó chừng ba trăm mét, gặp chị chủ nhà ngồi trước cửa . Tôi tự giới thiệu :

- Chúng tôi là phóng viên báo chí , muốn gặp chú Bảy Liên Xô , nhưng gọi cửa hoài không ai lên tiếng. Nhờ chị giúp chúng tôi ...

Chị chủ nhà nhìn tôi dò xét và ngập ngừng :

- Tôi ... không biết, các anh chờ chồng tôi về . Rồi chị quay sang bảo con . - Con chạy ra quán gọi ba về có khách !

Thật là kỳ lạ. Tôi có cảm giác như hồi chiến tranh, hễ giặc đi càn vào vùng giải phóng, khi chúng tôi hỏi bất cứ điều gì quan trọng thì đàn bà và trẻ con đều trả lời rằng : “ Tôi không biết !” .

Chúng tôi xin miếng nước uống và ngồi đợi. Khoảng mười phút sau, anh chủ nhà về đến, nét mặt có vẻ bức bối và cau có :

- Các anh tìm được năm tôi có chuyện gì ? Ông không có nhà .

Trước thái độ của anh chủ nhà, tôi bị hẫng hụt nên đâm ra ấp úng :

- Dạ, chúng tôi là phóng viên báo chí , muốn gặp chú Bảy Liên Xô để hỏi thăm chuyện lúa, phân và chuyện biểu tình năm ngoái .

- Các anh có tìm hiểu cũng không giải quyết được gì đâu, mất công lắm. Hết đoàn này tới đoàn khác, cứ tìm hiểu, tìm hiểu mà không giải quyết được cái con khỉ gì hết. Ông Sáu Kiên vô đây tìm hiểu mấy tháng rồi có giải quyết được gì đâu , giờ các anh tìm hiểu làm gì ?

Và anh bắt đầu chửi bới , lôi ra bao nhiêu chuyện phiền toái, bắt công đã trút xuống làng xóm, gia đình, họ hàng thân tộc anh hơn một năm qua.

Chúng tôi chỉ ngồi im lặng, và sự im lặng ấy dường như làm anh chủ nhà ân hận về thái độ của mình. Anh bắt đầu dịu giọng :

- Các anh là nhà báo. Tức là chung cánh với ông Sáu Kiên chứ gì ?

- Không - người bạn tôi trả lời - Sáu Kiên là giám đốc Sở văn hóa, khác với chúng tôi!

- Vậy mà tôi tưởng... xin lỗi , nãy giờ tôi hơi hần học không đúng chỗ.

- Nhưng nếu chúng tôi là cánh Sáu Kiên thì có gì làm anh hần học dữ vậy?

- Có chứ, Sáu Kiên vô đây chỉ đạo phát loa nói xấu gia đình thân tộc tôi, xúc phạm đến ông nội tôi, làm chia rẽ bà con họ hàng tôi .

- Xin lỗi, chúng tôi chưa được biết tên anh ?

- Tôi thứ hai, tên Hiệp. Tôi kêu vợ ông Bảy Liên Xô bằng cô, kêu Năm Phú bằng cậu. Nói thật các anh thương, trong vụ tranh chấp lúa phân này, tôi khổ lắm.Bên nào cũng ruột thịt cả. Thân tộc tôi, bên nội bên ngoại, tất cả có 48 liệt sĩ, giờ chia rẽ thù ghét nhau, cũng vì chuyện phân, lúa.

Hai Hiệp kể:

Hồi cuối năm 1985, cậu Năm Phú,cậu ruột của tôi,thường trực huyện ủy Giá rai về thăm nhà, đã phổ biến với gia đình và một số bà con trong xóm rằng năm nay huyện giải quyết số phân tồn kho, bán bằng tiền cho vài xã có thành tích huy động lương thực, giá mỗi ký năm đồng .

Cậu động viên bà con nên đi mua sớm,để qua tết hết số phân tồn kho,phân mới nhập về sẽ bán bằng lúa. Năm Phú còn bày thêm rằng: bà con chuẩn bị mỗi nhà nuôi một con heo, đến cuối mùa bán heo trả tiền cho Nhà nước, còn lúa để lại ăn ...

Mặc dù lúc bấy giờ giá năm đồng một ký phân, tính ra cao hơn ba ký lúa, và nhận phân trước Tết , để tới mùa sẽ bị hao hụt, song người nông dân sau khi tính lời tính lỗ họ nghĩ rằng trả bằng tiền thì có

hiều cách để trả, hoặc lúc ấy lúa trên thị trường lên giá, họ bán lúa trả vẫn lời hơn. Đối với họ, một ký phân đổi ba ký lúa, một cái giá cắt cổ mà họ đã cam chịu gần chục năm qua. Những năm thất mùa họ đã phải tay sau khi trả nợ phân và đóng thuế cho Nhà nước. Nhiều người không đủ lúa trả phải đi vay .

Thế là các tập đoàn trưởng ùn ùn đi làm thủ tục ra huyện nhận phân. Đến huyện , họ gặp ông Sáu Danh, phó phòng nông nghiệp và ông Chín Việt, phó Giám đốc Cty vật tư nông nghiệp cũng đồng viên và giải thích: Phân bán bằng tiền sao các anh không mua về rải cho đã tay một năm. Cứ nhận đi, khi nào được thông báo thì các anh làm thủ tục ra ngân hàng vay tiền trả cho công ty. Một ký năm đồng, lãi hai lai, tức năm đồng hai .”

Trong bảng hợp đồng ứng trước vật tư năm ấy cũng chỉ ghi rõ lượng phân còn cột “số lúa phải trả” thì bỏ trống, kèm theo bảng hợp đồng là hóa đơn kiêm phiếu xuất kho ghi giá mỗi ký năm đồng và tổng số tiền phải trả.

Thế là họ yên chí, các tập đoàn trưởng khi chia phân cho từng hộ tập đoàn viên cũng chỉ phổ biến một câu ngắn gọn: giá mỗi ký năm đồng, tới mùa lãi hai lai, tức năm đồng hai. Có thể nói, bao nhiêu năm qua, với giá một ký phân đổi ba ký lúa, người nông dân chưa bao giờ dám bón cho một công ruộng quá hai mươi ký phân. Vậy mà năm ấy, có người bón một công từ ba mươi đến năm mươi ký. Được Nhà nước “ chơi đẹp” một năm , đại gì không bón cho đã tay !

Nhưng rồi cuối năm 1986, khi vụ mùa thu hoạch xong, lúa vô bờ, bà con thở phào nhẹ nhõm nghĩ mình sẽ ăn gọn được một vụ mùa và họ rủ nhau đi bán heo để trả nợ phân thì dùng một cái, họ nhận được giấy báo nợ đòi một ký phân bằng ba ký lúa .

- Thế này là thế nào ? mấy ông thấy lúa lên giá rồi bẻ chĩa phải không?

Người ta la ầm lên như vậy. Cuộc huy động lương thực diễn ra gặp phải sự phản ứng quyết liệt. Xã báo cáo về huyện, huyện phân công đồng chí Nguyễn Tấn Lực, chủ tịch ủy ban huyện dẫn theo một lực lượng công an hùng hậu xuống Long Điền Đông A . Họ đi đến đâu, còng số 8 treo trên đầu súng AK khua lắc cắc. Hễ ai chống đối, đòi trả một ký phân năm đồng sẽ bị còng ngay lập tức.

Chủ tịch huyện họp dân và tuyên bố:

- Trong 23 xã và 3 thị trấn của huyện này, chưa ai ăn ngược nói ngạo bằng dân Long Điền Đông A. Ai bán cho các anh một ký phân năm đồng ? Tại sao Đảng nói các anh không nghe mà các anh lại nghe tin xuông ghe ?

Một số tập đoàn trưởng cãi lại :

- Chính Năm Phú, Sáu Danh, Sáu Việt và Đông Á nói như vậy !

- Văn bản đâu? Chủ tịch huyện hỏi.

Các tập đoàn trưởng mang hợp đồng kinh tế ra :

- Đây, chứng từ ghi rõ một ký năm đồng !

Cuộc cãi vã cứ diễn ra. Chủ tịch xã Châu Đông Á thảo một công văn gửi xuống các tập đoàn sản xuất để đính chính lại rằng: Đầu năm 1986 huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện có bàn bạc chuyện bán phân bằng tiền nhưng chưa nhất trí. Khuyết điểm này là do Công Ty vật tư nông nghiệp huyện không thông báo kịp thời từ đầu vụ để các tập đoàn đi làm lại hợp đồng. Công ty vật tư nông nghiệp đã nhận thiếu sót với ủy ban xã. Nay thông báo chính thức, yêu cầu bà con chấp hành chủ trương chung, trả một ký phân bằng ba ký lúa” ...

Sau công văn ấy, ủy ban huyện rút Châu Đông Á về huyện làm phó phòng nông nghiệp. Sáu Danh và Chín Việt lần lượt cũng được chuyển đi khỏi phòng nông nghiệp và Công Ty vật tư .

Những ngày trung tuần tháng 12-1986, chiến dịch huy động lương thực ở Long Điền Đông A diễn ra như một trận càn phối hợp giữa ba lực lượng công an huyện, công an xã và du kích xã dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chủ tịch huyện Nguyễn Tấn Lực. Họ đi đến đâu thì cảnh bắt bớ diễn ra đến đó. Trong vòng sáu ngày đã có tám người bị bắt giam trên xã. Mỗi cuộc bắt bớ đều có xô xát xảy ra. Có chị mới sanh chưa đầy tháng cũng bị lôi kéo rách quần rách áo. Người ta để nguyên hình hài rách rưới như vậy kéo lên xã. Từ các ấp Vĩnh Điền, Bửu Đông, những đoàn người rầm rập kéo lên. Từ xã , lực lượng công an chạy xuống. Họ căng hàng ngang chĩa súng vào đoàn người. Họ cắt sẵn những bó dây chuối để thành đồng dưới chân. Nhưng có lẽ họ cảm thấy không thể trói cùng một lúc bảy tám chục người nên bèn thương lượng và trả tự do cho những người bị bắt.

Trước sự xung đột càng gay gắt diễn ra, ngày 18 tháng 12 ông Bảy Liên Xô cùng vài người trong xóm rủ nhau lên ủy ban nhân dân tỉnh để phản ánh và khiếu nại vì sao huyện bán phân cho họ bằng tiền, nhưng cuối mùa lại đói lúa. Đến ủy ban tỉnh không được ai tiếp, họ kéo sang Hội đồng trọng tài kinh tế. Sau khi xem xong các văn bản hợp đồng mua bán vật tư, ông trọng tài kinh tế trả lời :

- Chuyện này có lẽ do lúa bị trượt giá nên mấy ông huyện tính lại cho hợp lý. Các anh về đi, ngày 23 tới, tôi sẽ cho người xuống xác minh rồi giải quyết sau!

Ngày 19 họ trở về và thông báo với bà con rằng ngày 23 trọng tài kinh tế xuống giải quyết .

Khoảng 8 giờ sáng ngày 21, bất ngờ ông Bảy Liên Xô thấy một lực lượng công an và bộ đội từ ba bên bốn phía kéo đến bao vây nhà ông. Họ đọc lệnh bắt ông về tội vận động quần chúng chống lại chủ trương Nhà nước. Bà Bảy Liên Xô bước ra ngăn cản. Cuộc bắt bớ trở thành xô xát , ẩu đả lẫn nhau. Súng nổ. Hàng trăm đồng bào kéo đến giành giựt với công an. Bên này lôi đi , bên kia kéo lại . Bà Hai Giáp, chị vợ ông Bảy Liên Xô bị đánh, bị xô chết giắc. Bà Bảy Vịnh, mẹ vợ ông Bảy Liên Xô gần tám mươi tuổi bị công an ném lên bụi bông giấy, rách áo , xước da , chảy máu. Bà Bảy Liên Xô bị lôi tuột hết quần áo và bị trói bứt một vòng da trên hai cánh tay .

Cuối cùng , công an cũng bắt được ông Bảy Liên Xô về huyện, bà con tổ chức ngay cuộc biểu tình trên tám mươi người. Họ dùng ghe chở bà Hai Giáp và bà Bảy Liên Xô lên Bạc Liêu. Đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh , họ vừa đi vừa hô khẩu hiệu : “ Đả đảo chính quyền áp bức bắt công! Ủng hộ Đảng cộng sản Việt Nam! Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm !”

Cũng lúc ấy ở Long Điền Đông A ,trạm truyền thanh thông báo rằng :” Vợ chồng tên Bảy Liên Xô can tội phản quốc, cấu kết với tình báo CIA chống lại chính quyền cách mạng” . Họ đến trường phổ thông cơ sở thông báo với học sinh và đề nghị các em phải về thông báo lại cho gia đình, vận động gia đình phải trả lại nợ phân cho nhà nước theo chủ trương chung một ký phân bằng ba ký lúa , đừng có nghe theo yêu sách của Bảy Liên Xô .

Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, bảy ngày sau ông Bảy Liên Xô được trả tự do với lệnh tha của công an huyện ghi tội danh: “ Tàng trữ vũ khí trái phép”. Đồng chí Nguyễn Văn Đẻ , Trưởng ban dân vận mặt trận của Tỉnh ủy cùng với Ban thường vụ huyện ủy Giá Rai xuống Long Điền Đông A tổ chức mít tinh cho cán bộ tự phê trước dân. Cách chức sáu Thành chủ tịch xã, Nguyễn Tấn Lực chủ tịch huyện và bồi thường hai mươi ngàn đồng tiền chữa bệnh cho bà Hai giáp và bà Bảy Liên Xô , còn việc trả nợ phân bằng lúa hay bằng tiền, tạm thời gác lại chờ chủ trương của Tỉnh ủy .

Sau sự kiện ấy, chính quyền địa phương cho rằng họ bị xử ép. Đành rằng họ bắt ông Bảy Liên Xô như vậy là hơi vội vàng, bắt chưa đúng lúc. Nhưng đồng chí Trưởng ban dân vận mặt trận tỉnh bắt họ phải tự phê và kiểm thảo họ trước dân là điều sỉ nhục đối với chính quyền. Từ đó , họ mang trong thâm tâm một niềm cay cú và ngấm ngấm chờ cơ hội để trả đũa cho thỏa lòng tự ái .

Người dân, suốt cuộc đời theo đảng, trung thành sống chết với Đảng, nay quá đau xót vì thấy rằng tình cảm thiêng liêng ấy dần gì cũng bị tổn thương. Họ bàn bạc nhau: Cái Tết năm ấy sẽ mang rượu thịt, bánh mứt lên xã cùng với cán bộ tổ chức vui Xuân để xóa đi chuyện cũ, cho nghĩa đảng tình dân được khăng khít, cùng nhau xây dựng xóm làng. Họ giao công việc ấy cho anh Hồ Duyên Hải, thương binh tập đoàn trưởng tập đoàn tám đi quan hệ. Anh Hải nhờ anh Bí thư chi bộ ấp mang ý kiến lên bàn bạc với ủy ban xã, ủy ban xã nhất trí .

Nhưng đến ngày mùng tám tết, khi bà con kéo lên thì xã ủy không tiếp. Bà con vừa ngượng, vừa lờ bộ vì đã gom góp tiền bạc mua rượu thịt bánh mứt, giờ biết mang đi đâu. Bàn đi tính lại, họ kéo qua nhà ông Bảy Thân. Ông Bảy Thân cũng không còn cách nào từ chối, đành phải tiếp. Họ uống hết bốn mươi lít rượu, rồi say sưa, lời qua tiếng lại, múa ca nhảy nhót, náo loạn một khúc xóm. Một bà mẹ liệt sĩ quá say, vừa leo qua cầu khỉ, vừa hát: “ ta thắng như chẻ tre, ta tiến như nước tràn, cùng múa như lời ca” .

Sự việc ấy được xã báo cáo lên huyện rằng cánh ông Bảy Liên Xô có ý đồ chiếm ủy ban xã để ăn mừng chiến thắng, họ khiêu khích chính quyền nên mới hát bài: “ Ta thắng như chẻ tre” . Ông Bảy Thân bị quy kết là mất quan điểm lập trường, chứa chấp những phần tử xấu. Đó là một trong những lý do để khai trừ ông ra khỏi Đảng.

Ông Bảy liên Xô từ đó trở thành cái gai nhọn của chính quyền, và tất cả những người không chịu trả nợ phân bằng lúa, có thái độ kháng cự đều được xem là “ nhóm của Bảy liên Xô” . Họ bị loại ra khỏi vị trí bình thường, trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà an ninh chính trị và trình sát kỹ thuật ..

Bước sang vụ mùa 87, huyện chủ trương không bán vật tư nông nghiệp cho họ.Nhiều tập đoàn nhận phân về phân phối xong , ủy ban xã ra lệnh cho tập đoàn trưởng đi thu hồi lại. Nhưng cuộc biểu tình

nhỏ lại diễn ra. Từng đoàn người kéo nhau đi khiếu nại. Bí thư xã tuyên bố:

- Các bà cứ đi thử xem, nếu năm nay Nhà nước bán phân cho các bà thì tôi xin từ chức.

Họ kéo nhau ra huyện nằm vạ, huyện không giải quyết. Họ lại kéo lên tỉnh. Tỉnh điện về cho huyện. Huyện hứa, họ về huyện, huyện lại nói khi nào họ chịu trả nợ phân 86 theo giá một phân ba lúa thì huyện mới bán phân cho vụ mùa 87. Họ lại kéo nhau lên tỉnh, tỉnh điện về bảo huyện giải quyết. Họ lại về huyện. Lần này huyện giải quyết bán nhưng lại ghi kèm số nợ cũ vào bảng hợp đồng. Họ lại kéo nhau lên tỉnh lần nữa.

Cuối cùng khi nhận được phân về đến nhà thì lúa trổ, không còn bón kịp. Đành chịu thất mùa, có người thất trắng, lúa thuê còn không có để đóng, lúa đâu để trả nợ phân? Mà phân còn để nguyên trong bao đó, Nhà nước có đòi phân thì họ trả lại, chớ có bón xuống ruộng đâu mà trả lúa. Rốt cuộc, Long Điền Đông A, một xã dẫn đầu ở Minh Hải về năng suất lúa, mỗi năm gần mười ngàn tấn. Nhà nước huy động hai, ba ngàn tấn, năm 1987, sản lượng còn lại chỉ trên năm ngàn tấn, Nhà nước huy động trải da tróc vẩy, dùng cả biện pháp hành chánh mà chỉ được hai trăm tấn.

Tất cả những hậu quả đó, người ta lại đổ lỗi cho ông Bảy Liên Xô!

Đêm ấy, trước khi chia tay, trong bầu không khí thân mật, anh Hai Hiệp nói:

Các anh muốn gặp ông Bảy Liên Xô thì chiều mai đến đây, tụi mình lai rai chơi!

Chiều hôm sau, chúng tôi trở lại nhà Hai Hiệp. Nhưng nhà đóng cửa. Chúng tôi, nằm dài ngoài đồng rơm đợi anh hơn một tiếng đồng hồ. Lúc ấy, mặt trời sắp lặn. Hai Hiệp trở về với nét mặt lạnh lùng, dè dặt làm chúng tôi thất vọng. Anh Hỏi:

- Các anh có giấy tờ gì để chứng minh các anh là nhà báo không?

Tôi giật mình hỏi lại:

- Chi vậy anh?

Hai Hiệp nói nghiêm chỉnh:

- Các anh cảm phiền đưa giấy cho tôi và lập danh sách đoàn các anh gồm có mấy người, ở cơ quan nào và cần gặp ông với nội dung gì. Tôi mang lên trình với ông, nếu ông đồng ý thì các anh mới gặp được.

Tôi hơi choáng người trước cách đặt vấn đề của Hai Hiệp. Có lẽ không còn nghi ngờ gì nữa, ông Bảy Liên Xô là một thủ lĩnh, có liên lạc và có tổng hành dinh. Thú thật, một nhà báo địa phương loại vô danh tiểu tốt như tôi, cũng chưa bao giờ gặp ai với những thủ tục rắc rối thế này.

Ngẫm nghĩ một lát, tôi đành lấy thẻ nhà báo trao cho Hai Hiệp và ghi mảnh giấy nhỏ kèm theo:

Kính gửi Chú Bảy.

Tụi cháu là phóng viên báo chí và Đài tiếng nói nhân dân Minh Hải, gồm có bốn người, cần gặp chú để hiểu rõ hơn về hoàn cảnh của chú và những thắc mắc của bà con nông dân .

Rất mong được gặp chú .

Người đại diện

ĐẮC DANH

Hai Hiệp cầm giấy tờ, thót lên xe đạp rồi mất hút sau chòm cây. Chúng tôi nằm trên đồng rom đợi anh đến khi trời chập choạng tối. Anh trở về và gọi thằng con trai chừng bảy tuổi ra bảo nó:

- Con dẫn mấy chú này lên nhà bà Cô Hai. Đi tắt đường đồng cho nhanh !

Theo chân thằng nhỏ, chúng tôi băng đồng và đột ngay vào “ tổng hành dinh” của Bảy Liên Xô. Đó là ngôi nhà lá nhỏ của bà Hai Giáp, chị vợ ông .

Trong bóng tối lờ mờ, “ vị thủ lĩnh” bước ra đón chúng tôi, mình mặc chiếc quần cụt rộng thùng thình và chiếc áo Pygama đóng phên mang nhiều mảnh vá. Đầu ông hói cao, mắt xéch, mặt ngạnh, trán dò ra, cặp môi xệ xuống. Con người thoạt nhìn đã thấy đầy vẻ ngang tàng khí phách .

- Mấy chú mới tới hả ?

Anh phóng viên đài phát thanh dường như không nín cười được nên phát ra một giọng khôi hài:

- Mèn ơi! Trông chú giản dị thế này mà sao muốn gặp phải làm thủ tục rắc rối quá vậy?

Ông Bảy liên Xô cười ngượng, trao giấy tờ lại cho chúng tôi và nói:

- Biết đâu mấy chú là công an giả danh nhà báo để bắt cóc tôi thì sao. Đời bây giờ, người thật việc thật thì ít, người giả việc giả thì nhiều quá, biết đâu mà lường được. Thú thật , từ hôm cô Nguyệt Anh bị bắt cóc đến nay, tụi tôi trốn luôn, không ai dám ngủ nhà hết. Mùa rẫy này coi như bỏ, có ai làm được gì đâu. Khổ sở lắm mấy chú ơi! Thôi vào nhà uống nước, nói chuyện chơi chớ đứng ngoài hoài sao. Đây là nhà của chị vợ tôi, bà bị đánh chết giấc kỳ bắt tôi đó. Ông chồng và hai thằng con bả đều là liệt sĩ mà bị đối xử như vậy đó.

Như đã sắp xếp sẵn, chúng tôi vừa bước vào nhà chừng năm phút thì khách cũng kéo đến đầy nhà . Năm Bé, Chín Cửu, mấy người được xếp vào danh sách lưu manh cũng có mặt . Kế đến là những người đàn bà con mọn,những cụ già, những thanh niên... Nói chung, họ đều là những người nông dân thật thà chất phác, những người đầu tắt mặt tối quanh năm mài miệt với ruộng đồng và hơn thế nữa, cuộc đời họ đã từng sống kiếp tá điền, đã từng đi qua hai cuộc chiến tranh. Có người đã từng bị đày ra Côn Sơn, Phú Quốc, có người mang trên mình năm bảy vết thương. Họ sống trung thực, thật thà nhưng đầy bản lĩnh, thậm chí ngang tàng, sẵn sàng đập nát bất cứ cái gì mà họ cho là tráo trở, bất công .

Hơn mười năm qua, họ lại không được bình yên với bao nhiêu lần xáo trộn của những cung cách

làm ăn phi lý, của sự đàn áp bất công. Nhưng họ vẫn âm thầm làm đội quân chủ lực, đổ giọt mồ hôi để nuôi dưỡng mọi người, trong đó có một lớp người sống bám. Họ không cần biết những kẻ ăn gạo của họ đã đối xử với họ thế nào .

Căn nhà bà Hai Giáp đêm ấy chật người, không đủ chỗ ngồi. Họ phải trải chiếu ngồi dưới đất . Chúng tôi chỉ ngồi im lặng lắng nghe những lời tâm tình của từng số phận, từng bi kịch khác nhau ở mỗi con người. Một niềm ân hận dày vò trong tôi bởi những mừng tượng đầy lý thú về họ qua lời đồn, qua báo cáo của đồng chí phó bí thư huyện ủy. Tôi chợt giật mình khi nghĩ rằng : nếu như tôi chỉ ngồi thu thập tài liệu ở Viện kiểm sát , ở Sở Công an và ở đoàn chỉ đạo của anh Sáu Kiên thì tôi sẽ viết về những người nông dân ở đây như thế nào ? chắc rằng tôi sẽ kết tội ông Bảy Liên Xô là tên phản động, chắc rằng ông sẽ xuất hiện trên bài viết của tôi hoàn toàn ngược lại với tất cả những gì mà tôi sẽ kể dưới đây .

Ông Bảy Liên Xô tham gia kháng chiến chống Pháp rồi tập kết ra Bắc . Năm 1962 vượt Trường Sơn vào Nam, chiến đấu ở miền Đông cho đến ngày giải phóng

Năm 1976, ông trở về làng cũ ở Long Điền thì gia đình ông không còn ai sống sót. Cha ông làm liên lạc cho cách mạng bị giặc bắt và đánh chết. Người em ruột của ông nuôi chứa cán bộ cũng bị máy bay ném bom giết chết. Cả nhà cửa , vợ chồng con cái người em cùng với một cơ sở Đảng bị vùi dập dưới hố bom. Ông hồi hương như một người khách lạ, hơn nữa đời người vẫn chưa có vợ con .

Cái tên Bảy Liên Xô thật ra là tên của vợ ông bây giờ. Bà Bảy tên thật là Trần Thị Liên. Năm mươi chín tuổi, sắp làm đám cưới, bà đã từ hôn và trốn gia đình đi theo kháng chiến .

Năm 1965, bà làm huyện đội phó huyện Giá Rai và lập gia đình với đồng chí Thắm, trưởng ban tuyên huấn xã Long Điền. Năm 1969, đồng chí Thắm hy sinh trong lúc bà vừa có thai ba tháng. Đứa bé ra đời trong một trận càn ác liệt, bà phải tự sinh đẻ dưới bụi cây. Sau đó bà đau nặng, á khẩu một thời gian không cảm sung chiến đấu được, bà nhận sự phân công của tổ chức giả người mắc bệnh thần kinh ra hoạt động bán hợp pháp ở thị trấn Giá Rai để gây dựng cơ sở .

Năm 1971, do hai tên chiêu hồi chỉ điểm, bà bị bắt giam và đánh đập đến tàn phế. Gia đình phải bán trâu bán lúa để chạy lo cho bà được thả ra. Từ đó , bà trở về căn cứ chữa bệnh cho đến ngày giải phóng. Do hậu quả của những trận đòn tra tấn, bà trở thành người bệnh hoạn và nghỉ công tác, trở về địa phương sống với gia đình bên chồng ở xã Long Điền Tây, gần gia đình cũ của ông Bảy Liên Xô.

Nhờ bà con xóm làng mai mối, năm 1976 hai người cưới nhau. Lúc bấy giờ ông Bảy Liên Xô đã gần năm mươi tuổi. Năm 1977, ông từ quân khu 8 chuyển về quân khu 9 cũng là lúc họ sinh được đứa con trai. Bà Bảy lúc ấy bị đau thần kinh thiệt, lúc điên lúc tỉnh, đầu rụng không còn sợi tóc. Họ không có nhà ở , phải ở đậu trong cái chuồng trâu hoặc bên nhà cha vợ . Đứng trước cảnh nghèo túng, không tiền chạy thuốc và để cứu lấy hạnh phúc muộn màng mới vừa tìm được ở cái tuổi năm mươi , ông Bảy Liên Xô đành bỏ ngủ với cấp hàm đại úy.

Hai cuộc đời ấy cuối cùng trở về địa phương với hai bàn tay trắng sống hẩm hiu như kẻ bị bỏ rơi, rũ sạch công lao của một thời kháng chiến . Dưới cặp mắt của chính quyền địa phương ông Bảy Liên

Xô là một kẻ đào ngũ sống bất hợp pháp, vì vậy mà qua bao nhiêu lần điều chỉnh ruộng đất, họ không hề cấp cho vợ chồng một cục đất chọi chim. Vợ chồng ông phải tự mua đất làm ruộng sống.

Buồn chán cho số phận, bất mãn chính quyền địa phương cộng với tình hình ngang bướng, ông Bảy Liên Xô trở thành con người sống lầm lũi, bất cần, ôm lấy cuộc đời riêng với bao tâm sự ngổn ngang. Gần mười năm sống ở Long Điền Đông A, hầu như ông tách hẳn mối quan hệ tình cảm với chính quyền. Mặc dù không có mâu thuẫn gì với nhau, nhưng bên trong, chính quyền vẫn cảm nhận rằng ông bất mãn và khinh thường họ. Ngược lại ông cũng cảm nhận được rằng họ chẳng ưa ông.

Xã phát động phong trào làm đất đỏ, ông không làm, chủ tịch xã đến vận động ông: “Chú là người có công lao trong kháng chiến, nay về địa phương cũng nên làm gương cho bà con”. Ông nói: “ Tao là thằng đánh giặc mướn ở miền Đông, chẳng có công lao gì ở đây cả, giờ về đây với hai bàn tay trắng, tui bây có ngó ngang gì tới tao đâu mà bảo tao làm gương”. Chính quyền xã đến thu thuế nông nghiệp, ông nói: “Tui bây không cấp đất cho tao, đất này tao tự mua, tao không đóng thuế”.

Thật ra, việc bắt người thiếu thuế đối với Long Điền Đông A là chuyện bình thường, có người thiếu nửa ký lúa cũng phải mang đi đóng đủ. Nhưng với ông Bảy Liên Xô, hầu như cán bộ xã ở đây đều ngán ông ở cái tính ngang bướng và nhiều lý lẽ. Thậm chí lúc ông bỏ ngũ có mang về nhà một khẩu súng cạcbin, một khẩu 54 và một trái lựu đạn nhưng chính quyền xã cũng không dám thu hồi. Có lần bí thư chi bộ áp đến thương lượng với ông đổi khẩu K54 với khẩu Col 12 của bí thư xã, nếu ông chịu đổi, bí thư xã sẽ bù cho ông 20 gạ lúa. Ông từ chối và nói: “Súng này của quân khu!” Một lần khác, bí thư chi bộ áp uống rượu say, đến hỏi mượn khẩu súng của ông để đeo lấy le vài ngày, ông không cho mượn, rồi thôi.

Từ những định kiến lặt vặt ấy dẫn đến sự kiện ông bị bắt vô cớ, quần chúng kéo biểu tình, chính quyền nhận khuyết điểm, cách chức chủ tịch huyện, chủ tịch xã và cảnh cáo phó công an huyện làm cho nhiều cán bộ cay cú nghĩ rằng đối với ông Bảy Liên Xô, họ là người thua cuộc. “Cũng vì tên Bảy Liên Xô mà chúng ta mất đi một chủ tịch huyện”. Từ đó, vấn đề Long Điền Đông A trở thành “sự kiện Bảy Liên Xô”. Mọi sự phản ứng của quần chúng trong việc trả nợ phân bằng lúa, người ta đều đổ tội cho ông Bảy Liên Xô, rằng ông là kẻ cầm đầu những người nông dân chống lại chủ trương Nhà nước. Ông Bảy Liên Xô phải sống trong sự rình rập, theo dõi và vu khống của chính quyền. Áp báo cáo về xã, xã báo cáo về huyện, huyện báo cáo về tỉnh, tỉnh báo cáo về Trung ương, những bản báo cáo đi qua nhiều trung gian, mỗi cấp lên một ít, cuối cùng ông Bảy Liên Xô trở thành: “tên thủ lĩnh” của một nhóm người bạo loạn. Thay vì vận động, giáo dục để ngăn ngừa sai phạm, người ta âm thầm mở cửa khám và chờ đợi ông trở thành tội phạm để tổng giam.

Trong bất cứ cuộc đấu tranh nào, chắc ai cũng cần đồng minh và phe cánh, cần có tổ chức và lựa chọn những biện pháp tối ưu. Ở đây, hàng trăm người nông dân đang yêu cầu Nhà nước phải giải quyết rõ ràng. Vì sao huyện bán phân tồn kho cho họ một ký năm đồng cuối mùa lại đòi ba ký lúa, rồi bắt bớ, mắng chửi và ức hiếp quần chúng. Vì sao Năm Phú, Đông Á, Sáu Danh, Chín Việt, những cán bộ đã phổ biến chủ trương ấy giờ lại bảo rằng họ không có nói? Vì sao hợp đồng kinh tế đã ghi rõ ràng như vậy giờ lại nói rằng đó là phân tạm ứng, chưa có giá chính thức, rằng hóa đơn kiểm phiếu xuất kho ghi giá năm đồng một ký phân chỉ có giá trị thanh toán giữa vật tư với ngân hàng?

Cứ thế, một bên đòi thu nợ phân bằng lúa, một bên kháng cự quyết liệt đòi trả bằng tiền. Cái nguyên nhân chủ yếu để tạo ra cuộc tranh chấp này thì bị bùng bít mất đi, các cấp lãnh đạo ngồi lại với nhau để tìm ra nguyên nhân khác, lúc thì đổ lỗi cho kẻ địch, lúc lại đổ lỗi cho ông Bảy Liên Xô . Rồi thành lập Ban chuyên án hình sự và an ninh quốc gia .

Long Điền Đông A , xã vừa nhận tám huân chương lao động của Hội đồng Nhà nước và đang làm thủ tục để được tuyên dương xã anh hùng, kẻ đó đã sa vào một hang cùng không lối thoát .

V - MÀN HAI CỦA TÂN THẨM KỊCH

Cuối năm 1987, tỉnh ủy cử anh sáu Kiên, Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin cùng với Đoàn cán bộ huyện Giá Rai xuống Long Điền Đông A để giải quyết vấn đề gọi là “ Sự kiện Bảy Liên Xô”, hay nói cách khác, giải quyết những hậu quả của cuộc biểu tình năm 1986.

Dư luận thắc mắc rằng vì sao ông Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin lại được phân công đi giải quyết một vấn đề hoàn toàn không thuộc về chức năng của ngành văn hóa? Có người nhận định rằng sự kiện Long Điền Đông A cần một người tế nhị, có văn hóa như Sáu Kiên để tiếp xúc với quần chúng thì sẽ có sức thuyết phục hơn . Trong hàng ngũ các nhà lãnh đạo ở đây, Sáu Kiên từng nổi tiếng là người duy nhất đọc hết bộ Lê-Nin toàn tập .

Từ nhận định tốt đẹp ấy, người ta hy vọng rằng vấn đề Long Điền Đông A sẽ được kết thúc trong vòng ngắn gọn để trả lại vị trí xứng đáng của một xã điển hình, một con chim đầu đàn của Minh Hải, một tiền đồn vững chắc của huyện trọng điểm Giá Rai.

Theo chủ trương của tỉnh ủy, muốn giải quyết được vấn đề Long Điền Đông A, trước hết cần làm sáng tỏ xem huyện ủy có chủ trương bán phân tồn kho với giá năm đồng một ký hay không. Nếu huyện ủy có chủ trương thì huyện ủy chịu trách nhiệm. Còn nếu như huyện ủy không có chủ trương thì cá nhân nào phổ biến sai phải có biện pháp kỷ luật trước dân. Vấn đề cuối cùng là phải vận động , giải thích và thuyết phục quần chúng chấp nhận chủ trương chung của Nhà nước để họ chịu trả nợ theo giá mỗi ký phân bằng ba ký lúa. Sau khi họ ký nợ xong, nếu hộ nào không có lúa trả thì cho họ trả dài hạn trong thời gian ba năm. Sau ba năm, nếu họ thật sự không có khả năng trả thì nhà nước xóa nợ.

Người ta nhận định rằng nếu chủ trương ấy đến với Long Điền Đông A trước cuộc đấu tranh xảy ra hồi cuối năm 1986 thì chỉ cần thực hiện hai biện pháp đầu tiên là người nông dân sẵn sàng chớ lúa đi trả nợ phân mà không một lời phản đối. Còn bây giờ, tuy đã muốn nhưng nếu chủ trương ấy được thực hiện bằng tất cả lòng kiên nhẫn với quan điểm lấy dân làm gốc, cùng bàn bạc với dân bằng sự nhiệt tâm để làm sáng tỏ thì chắc rằng, họ sẽ đem cái nghĩa tình phóng khoáng có sẵn của người nông dân ra mà đối đãi, như anh Hai Hiệp đã nói với chúng tôi: “Nói thật với các anh, năm đồng bạc bây giờ mua không được cục kẹo bòn bon, nhưng nếu mấy ông huyện chịu thật, đừng chơi kiêu lật lọng, đừng ức hiếp, và nếu mấy ông chịu chơi, xóa nợ đi, tôi, thằng hai Hiệp này sẽ đưa lại nhà nước mỗi ký phân bốn ký lúa chớ không phải ba. Hồi kháng chiến, người ta hiến năm bảy chục gia lúa, hiến cả mạng người còn không tiếc. Còn chơi kiêu anh Sáu Kiên bây giờ, phát loa kêu xấu hổ, xin lỗi, đừng hòng ai trả hộ lúa nào!”

Vậy là trái ngược với người ta nhận định.

Nếu như chiến dịch huy động lương thực ở đây hồi cuối năm 1986 do vị chủ tịch huyện chỉ huy được trang bị bằng còng số 8, súng AK và dây chuối thì bây giờ có khác. Đoàn cán bộ của anh Sáu Kiên được trang bị bằng các phương tiện thông tin đại chúng, nào máy quay phim camera, nào Video cassette, nào máy ảnh, máy phóng thanh và một tổ phóng viên báo chí để viết tin, bài phát loa tại chỗ. Sau khi rà soát lại các phương tiện, ông Giám đốc Sở văn hóa tuyên bố: "Vậy là đầy đủ phương tiện hết rồi phải không, kỳ này mà trị không được đám dân này, tôi sẽ từ chức giám đốc và cạo đầu vô chùa tu luôn!"

Màn hai của tấn thảm kịch ở Long Điền Đông A được thay đổi như thế nên cách dàn dựng có bài bản hơn, bố cục chặt chẽ hơn và thể hiện chất văn hóa thông tin cao hơn.

Đầu tiên, các tập đoàn trưởng được mời đi đóng phim, bộ phim do Giám đốc Sở Văn hóa biên kịch và đạo diễn.

Mấy hôm sau, quần chúng được mời đến kho lúa xem Video cassette do đoàn chỉ đạo huy động lương thực chiêu phục vụ không phải mua vé. Bà con ùn ùn rủ nhau đi xem. Nhưng kỳ lạ thay, trước giờ chiếu phim chính, họ thấy trên màn ảnh xuất hiện các anh tập đoàn trưởng của họ, mặt mày ngơ ngáo, mắt hết thần sắc, miệng thì ngập ngừng nói rằng việc bán phân bằng tiền họ chỉ nghe lập lờ qua những tin đồn thất thiệt rồi phổ biến lại với bà con, không có ai công bố chính thức. Nay họ nhận thiếu sót và yêu cầu bà con thực hiện chủ trương chung, trả nợ một ký phân bằng ba ký lúa.

Mặc cho khán giả chửi thề ồm tỏi, nhổ toẹt nước miếng bỏ về, mặc cho những xung đột, những mâu thuẫn xảy ra giữa những người nông dân với tập đoàn trưởng, mặc cho các anh tập đoàn trưởng kia bị dày vò đau khổ, cắn rứt lương tâm... nhà đạo diễn cứ yên trí rằng những thước phim ấy đã chứng minh cho quần chúng thấy rằng họ không còn lý do gì để vịn vào một ký phân năm đồng nữa, họ không còn lý do gì để chống đối việc phải trả một ký phân bằng ba ký lúa.

Có lẽ anh Sáu Kiên rất hài lòng khi xử lý trường đoạn này chăng?

Đêm ấy nằm thao thức ở Long Điền Đông A, tôi chợt liên tưởng đến vở cải lương Người ven đô phản ánh cuộc đấu tranh của nhân dân Mười Tám Thôn Vườn Trầu trong thời kỳ luật 10/59 với nhân vật Tám Khỏe, một người nông dân trung thành với cách mạng bị chính quyền Ngô Đình Diệm buộc ông phải ly khai với cộng sản, vì chúng nghĩ rằng nếu quật được ông thì cả Mười Tám Thôn Vườn Trầu không còn ai theo cộng sản. Ông nhất định không chịu. Chúng không chế ông bằng cách thả chó béc- giê vào đám tù nhân, trong đó có con gái ông rồi chúng ra lệnh cho ông: "Nói đi rồi tôi tha cho họ, chỉ cần nói nhỏ thôi, nói đủ tôi nghe thôi, nhưng tiếng nói của ông sẽ cứu những người ấy khỏi bị chó béc giê xé xác, trong đó có con ông". Thế là ngày hôm sau, khắp Mười Tám Thôn Vườn Trầu người ta nghe tiếng ông Tám Khỏe vang dội trên loa phóng thanh: "Tôi, tôi là Tám Khỏe, tôi xin tuyên bố ly khai với cộng sản!" Chúng chỉ cần một lời nói như thế, mặc cho ông Tám Khỏe bị dày vò, điên loạn.

Giá như cái thời ấy có camera và Video Cassette thì chắc chắn rằng hình ảnh ông Tám Khỏe sẽ bị

đem đi chiếu khắp Mười Tám Thôn Vườn Trầu cho dân chúng nhìn xem.

Song, ông Tám Khỏe chỉ là nhân vật trong vở cải lương. Còn những anh tập đoàn trưởng xuất hiện trên màn ảnh nhỏ ở đây để tuyên bố với dân chúng rằng không có ai phổ biến việc bán phân bằng tiền lại là những con người thật .

Chị Nguyễn Thị Cúc, vợ anh Mai Ngọc Có, tập đoàn trưởng tập đoàn 7 kể với chúng tôi:

- Chồng tôi hiền như cục đất, tháng năm nói một tiếng, tháng mười nói một tiếng, làm sao cãi lại mấy ông. Chính ông Năm Phú, bà con cô cậu ruột với tôi chớ xa lạ gì. Năm đó ông về đây nhậu, đôn đốc anh Có một hai phải đi mua phân cho gấp vì đây là phân tồn kho, bán bằng tiền, không mua kịp để qua tết phân mới nhập về sẽ bán bằng lúa. Năm Phú còn bảo tôi nuôi heo để tới mùa bán heo trả tiền phân, để lúa lại ăn. Chồng tôi ra huyện nhận phân, mấy ông ngoài huyện cũng nói vậy nên anh mới về phổ biến lại cho bà con, mấy ông nói rồi mấy ông chối. Hôm rồi bắt anh Có đi mấy ngày để quay phim rồi đem lên chiếu, nói ngược trở lại cho bà con người ta oán ghét ... Đối với gia đình tôi, anh Có đã nói như vậy mà anh lại là tập đoàn trưởng nên anh phải ký nợ để làm gương. Tôi cũng tưởng đâu ký rồi để đó, trả dần trong ba năm vì năm nay thất mùa, gia đình tôi nuôi ba miệng ăn mà giờ này còn không được bốn mươi gạ lúa. Tôi ký nợ xong mấy ông bắt phải vét bò để trả. Năm ấy cũng vì tưởng mấy ông bán phân bằng tiền nên gia đình tôi mua sáu bảy trăm ký, giờ quy ra lúa, tôi phải nợ trên hai tấn lúa, lấy gì trả. Tôi năn nỉ mấy ông cho trả năm trăm ký lúa, còn lại ký nợ sang năm sau. Mấy ông không chịu, kèn cựa qua lại cuối cùng mấy ông bắt phải trả bảy trăm ký. Tôi chờ năm trăm ký ra nhập kho, còn lại hai trăm ký tôi năn nỉ mấy ông cho tôi nợ qua tết , đến ngày thu hoạch rẫy, tôi nhờ hành bán, mua lúa trả thêm vì hiện giờ nhà tôi chỉ còn đủ lúa ăn đến Tết, mấy ông không chịu. Ông Hai Nhanh, Chủ tịch Hội nông dân huyện đến hăm dọa tôi:

- Đứng bốn giờ chiều nay, chị không chờ thêm hai trăm ký lúa ra nhập kho cho đủ bảy trăm ký thì chị đừng trách!

Tức quá không kèm được , tôi nói :

- Mấy ông làm quá chắc tôi tự vận chết chớ sống gì nổi.

Tưởng nói thế ông động lòng, ai ngờ ông thách :

- Chị chết đi, chết mười mạng như chị tôi cũng không tiếc, miễn sao chị trả đủ lúa cho nhà nước thì thôi .

Nói đến đây, dường như uất ức đến tột cùng, chị Cúc khóc nức lên:

- Mấy chú nghĩ coi, vậy là mấy ông cần lúa chớ đâu cần dân . Nói thật, tôi chỉ sợ mình chết rồi không ai nuôi con, nếu không nghĩ thế thì tôi đã uống thuốc rầy ngay trước mặt mấy ông hôm ấy cho thấu trời thấu đất.

Anh Trần Ngọc Quang, tổ trưởng tổ đoàn kết số 1, rầu rĩ than với chúng tôi:

- Ông sáu Kiên bắt tôi đi quay phim tố cáo cánh ông Bảy Liên Xô. Ông hứa với tôi là ông quay vậy

chờ ông không chiều, cuối cùng ông chiều, làm cho dòng họ ông Bảy Liên Xô thù ghét, hăm dọa tôi. Bây giờ tôi không dám đi đâu hết !

Vợ anh Quang vừa khóc vừa nói:

- Khổ lắm mấy chú ơi ! Hễ được lòng dân thì mất lòng Đảng. Còn làm cho vừa lòng Đảng thì mất lòng dân. Riết rồi không biết làm sao mà sống, chắc tôi phải dỡ nhà đi nơi khác!

Chiến dịch đôn thu được tiến hành bằng nhiều biện pháp và mỗi biện pháp được áp dụng cho từng đối tượng khác nhau sau khi đã điều tra, phân loại.

Nếu là cán bộ, Đảng viên, họ sẽ bị cách chức hoặc khai trừ Đảng nếu không chịu trả nợ phân bằng lúa. Một số Đảng viên lúc đầu chống lại quyết liệt, kêu gọi quần chúng đấu tranh đến cùng. Nay họ vẫn âm thầm chịu đựng, có người quay lưng lại với quần chúng để lập công, cũng có người muốn tiếp tục đấu tranh nhưng không dám ra mặt. Họ tâm sự với quần chúng :

- Tôi kẹt là Đảng viên nên không tranh đấu được, bà con cố gắng tranh đấu, trong đó cũng có quyền lợi của tôi !

Đối tượng thứ hai là những người có thân nhân là cán bộ, Đảng viên thì những cán bộ Đảng viên ấy phải có trách nhiệm vận động thân nhân mình trả nợ. Nếu họ không hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị xử lý.

Chị Trần Thị Chính ở tập đoàn 4 kể:

- Lúc đầu tôi cũng đấu tranh quyết liệt như bao nhiêu người khác. Nhưng sau khi đoàn cán bộ của ông Sáu Kiên về đây, hai thằng em bà con của tôi công tác ngoài huyện cũng về. Cả hai đưa nó đều là thường vụ huyện uỷ, một đưa làm trưởng ban kiểm tra Đảng, một đưa làm trưởng phòng Công an. Tụi nó năn nỉ tôi : “- Chị cứ phản đối hoài thì kẹt cho tụi em lắm. Bây giờ chị ký nợ đi rồi trả từ từ trong thời gian ba năm. Đâu phải bắt chị trả một lần mà chị sợ”. Vì thương em út, sợ kên với mấy ông thì ảnh hưởng đến công tác của tụi nó. Tôi ký nợ và chở đi trả bảy trăm ký lúa. Còn lại hơn một tấn, hẹn lại năm sau. Ai dè hai thằng em tôi về huyện mấy ngày thì Bí thư và Chủ tịch xã mời tôi lên nạt hùm nạt tướng, bảo tôi phải trả dứt nợ cho nhà nước. Tôi nói lúa tôi hiện giờ chỉ còn đủ ăn tới tháng sáu, trả hết rồi vợ chồng con cái tôi nhịn đói hay sao. Bí thư xã quát :

- Chị không còn lúa nhưng chị có trâu, có ghe, có tài sản. Chị bán tài sản mua lúa trả !

Giận quá tôi nói :

- Bây giờ ghe tôi đó, trâu tôi đó, nếu bán được mấy ông kiếm mỗi bán dùm đi.

Chủ tịch xã dọa tôi :

- Chị thiếu nợ nhà nước mà chị còn ăn nói kiêu đó phải không? Bây giờ tôi nói dứt khoát, nếu chị chịu trả thì ký tên vào biên bản, bằng không tôi nhốt chị ở đây !

Tôi không chịu trả, họ cho người dẫn tôi qua cơ quan công an và bảo tôi nhắn người nhà mang mừng

mền, quần áo lên ở đó, khi nào đồng ý trả hết lúa mới được về . Tôi ngồi ở đó đến trưa thấy không có ai canh giữ , tôi lợi về nhà .

Mấy ngày sau, chủ tịch xã gửi giấy mời tôi nữa. Nhưng tôi không lên xã mà đi ra huyện tìm hai thằng em và kể lại sự việc cho nó nghe. Tụi nó suy nghĩ một hồi rồi nói: “- Chị cứ về đi, tụi em sẽ can thiệp, không sao đâu” . Từ đó đến nay, mấy ông xã không mời tôi nữa.

Đối tượng thứ ba là những người có ghe đánh cá. Anh Tám Bé, chủ tịch xã kể với chúng tôi:

- Ông Sáu Kiên ra lệnh cho tôi : những người có ghe đi biển mà không chịu trả nợ phân bằng lúa cho lực lượng du kích đến kéo ghe họ lên bờ .Tôi đề nghị ông phải ra lệnh bằng văn bản và ký tên chịu trách nhiệm tôi mới dám làm , để sau này khỏi đổ tội cho nhau , phải ký đúng cái tên Nguyễn Trung Kiên của ông đang làm Giám đốc Sở văn hóa tôi mới chịu. Cuối cùng ông chịu viết lệnh bằng văn bản. Thú thật, lúc ấy cầm tờ lệnh trên tay, tôi hơi bần thần vì thấy biện pháp này táo bạo quá, tôi đắn đo mãi không dám thi hành . Ông quy kết tôi có hùn hạp làm ăn với mấy chủ ghe, sợ mất quyền lợi nên không dám ra tay. Cuối cùng để hoàn thành nhiệm vụ mà khỏi bị dân oán ghét, tôi nhờ ông trưởng đồn biên phòng lên can thiệp .

Ông Sáu Tổ ở tập đoàn 6 tâm sự với chúng tôi :

- Tôi chở bảy chục gạ lúa đi trả mà tôi ray rức, khổ tâm đến rơi nước mắt. Không phải tôi tiếc của mà vì tôi trả trong lúc chưa được giải oan, trong lúc mọi vấn đề chưa được làm sáng tỏ. Hôm ấy tôi bị mời lên Ủy ban xã, chủ tịch xã và trưởng đồn biên phòng dẫn tôi ra căn chòi nhỏ phía sau vườn. Anh trưởng đồn biên phòng nói :

- Một trong những tiêu chuẩn để được hành nghề đánh cá là người ngư dân phải chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Theo báo cáo của ủy ban xã thì ở đây còn nhiều ngư dân chưa thanh toán dứt điểm nợ phân năm 1986 với Nhà nước, trong đó có ông. Hôm nay chúng tôi mời ông lên đây để báo cho ông biết rằng, nếu ông không chịu chở lúa đi trả thì tôi, trưởng đồn công an biên phòng ở vùng này sẽ thu hồi sổ đề ba, không cho ông ra biển .

Tôi thanh minh :

- Việc tôi nợ phân năm 86 là vì huyện bán cho chúng tôi bằng tiền nhưng cuối mùa đòi lúa và xảy ra cuộc tranh chấp đến nay chưa giải quyết chớ phải tôi không chấp hành chủ trương của Nhà nước đâu. Chúng tôi đang khiếu nại và chờ cấp trên xuống đây phân xử.

Chủ tịch xã hằn học cướp lời tôi :

- Tôi bảo cho anh biết, bè lũ côn đồ của tên Bảy Liên Xô sắp bị tiêu diệt hết rồi, anh đừng dựa vào chúng mà đợi chờ, hy vọng gì nữa. Một ký phân ba ký lúa, anh trả đi! Trả để được ra biển làm ăn.

Gương mặt ông Sáu Tổ toát lên một vẻ gì như vừa đắng cay, vừa mai mỉa :

- Thật lạ lùng và kỳ dị - ông nói - tôi không hiểu “bè lũ của tên Bảy Liên Xô” là gì và tại sao họ gọi như vậy. Chúng tôi, những người nông dân đồng hội đồng thuyền, đồng cam cộng khổ. Đảng đã từng

dạy chúng tôi phải biết thương yêu, đoàn kết để đấu tranh, chống sự áp bức bất công. Thế mà bây giờ ...

Bà Liễu Thị Mai , bảy mươi tuổi , đầu cạo trọc , mặc áo cà sa lặn lội đi tìm chúng tôi trên con đê biển dài hơn 5 cây số dưới cơn nắng cháy da để “ kể cho bớt những điều oan ức trong lòng”. Bà nói như vậy và kể : Đảng nói lấy dân làm gốc tôi chưa thấy, chỉ thấy số phận mình như cái gốc mắm ngoài ven biển, mặc cho gió đẩy sóng xô. Mấy ông bán phân bằng tiền giờ lại đi đòi lúa, dân không chịu trả, mấy ông đồ thừa tại ông Nguyễn Văn Linh nói lấy dân làm gốc nên giờ mới sinh ra rắc rối .

Hôm rồi ông Tư Tâm đến nhà bảo tôi ký nợ,tôi không chịu ký,tôi nói nếu đòi tiền thì tôi trả, còn đòi lúa thì tôi không trả, ông mắng vào mặt tôi:

- Bà giựt của nhà nước phải không? Nếu bà không chịu trả, tôi mắc loa phóng thanh trước cửa nhà bà tôi kêu xấu, tôi nói bà ăn giựt.

Tôi nói với ông:

- Chú đừng nói như vậy. Sở dĩ tôi chưa chịu trả là vì tôi thấy trong vụ này có nhiều chuyện bất công chớ ai lại đi ăn giựt cho xấu hổ. Hồi kháng chiến tôi hiến cho nhà nước mấy chục gạ lúa, tôi có câu nệ gì đâu.

Ông lại quát vào mặt tôi:

- Cuộc kháng chiến thành công không phải có một mình bà đóng góp , bà đừng kể lể.

Rồi ông bảo hai người kia lập biên bản,nhưng biên bản lại ghi tên con tôi. Tôi phản đối:

- Các ông lập biên bản thì cứ lập, tôi sẵn sàng ký, nhưng phải ghi tên tôi vì tôi là chủ hộ, tôi mua phân nhà nước chớ không phải con tôi .

Ông Tư Tâm lại nói :

- Bà già cả rồi, bà có biết gì mà ghi tên bà.

Chắc mấy ông nghĩ tôi già cả, tu hành, khó bắt bớ nên ghi tên con tôi để bắt nó cho dễ hơn.

Anh phóng viên đài phát thanh nói một câu như để thử lòng bà cụ :

- Nếu như trước đây huyện có chủ trương bán phân bằng tiền và chủ trương ấy sai lầm. Bây giờ họ nhận thiếu sót thì bà chịu trả bằng lúa không?

- Không!

- Sao vậy, người ta lỡ làm sai, bây giờ người ta sửa , chẳng lẽ bà không tha thứ sao?

- Không phải hẹp hòi gì mà không tha thứ.Nhưng trước không thảo,sau thảo,bà lão không cần!

Tôi giật mình trước câu trả lời của bà cụ. Và tôi đã nghiệm ra. Phải chăng mọi vấn đề của Long Điền Đông A nằm quần quanh trong câu nói ấy. Một câu tục ngữ đầy nghĩa nhân và đạo lý. Trước không thảo, sau thảo, bà lão không cần!

Ở đây, trước đã không thảo, sau lại càng không thảo nên Long Điền Đông A mới sa lầy vào hang cùng không lối thoát. Phải chăng vì cái tâm pháp bị thay bằng luật pháp và tinh thần cảnh giác cách mạng được áp dụng cao độ đến chi phối hết những điều thuộc về đạo lý, nghĩa nhân.

Biện pháp thứ tư là điều tra lý lịch, thổi phồng tội trạng của những người dính dáng với chế độ cũ trong chiến tranh, đem ra phóng thanh, bêu xấu họ khắp xóm làng để họ hoảng sợ mà không dám đấu tranh. Long Điền Đông A bị chìm trong không khí nặng nề, căng thẳng bởi tiếng loa phóng thanh hằng đêm ngân dài trong thôn xóm, bêu xấu người này, hăm dọa truy tố người kia, bươi móc quá khứ người nọ. Những con người ấy dầu có bịt tay cũng không chạy trốn được tiếng loa đau lòng nhức óc, khơi dậy những vết thương mà họ đã cố hàn gắn mười mấy năm qua, dồn họ vào tận chân tường không lối thoát. Họ là ai?

Anh Huỳnh Sễn tâm sự với chúng tôi, giọng nghẹn ngào như muốn khóc:

- Hồi trước tôi bị bắt đi phòng vệ dân sự hai mươi một ngày, sau đó chúng đưa tôi đi học khóa Liên toán trưởng ở Chi Lăng, tôi bán hai trăm gia lúa lấy tiền lo lót để được ở lại và khỏi phải đi phòng vệ. Sau giải phóng, tôi làm ấp đội trưởng, bắt được mấy trận vượt biên, nộp cho nhà nước không biết bao nhiêu vàng bạc. Vậy mà bây giờ xã báo cáo về huyện nói tôi là tình báo CIA. Thú thật, hồi đó mặc dù tôi là phòng vệ, nhưng ban ngày đi cuộc rẫy, làm ruộng gặt cán bộ nằm vùng của mình, tôi vẫn tâm tình, thân mật như anh em. Còn bây giờ, kể từ ngày chị Nguyệt Anh bị bắt cóc đến nay, tôi phải trốn, ban đêm ra đồng ngủ bờ ngủ bụi.

Ông Hai Tế kể :

- Hồi đó tôi bị tình nghi là Việt Cộng, chúng bắt tôi ra quận, tôi phải bán hai trăm gia lúa để lo lót. Nhưng có một người quen làm việc ngoài quận bảo tôi : “Ông rút tiền cho thằng này thì mai một thằng khác cũng bắt ông, thay vì ông đưa số tiền ấy cho tôi, tôi lo cho ông cái giấy chứng nhận mật thám, có gì ông trình ra, bảo đảm hơn”. Tôi về bàn bạc với cơ sở trong này, mấy ông đồng ý, tôi mang tiền đi lo, khi lấy được cái giấy, tôi cũng mang về trình cho mấy ông. Vậy mà bây giờ mấy ông quy kết tôi là mật thám nguy, lại bươi móc cả chuyện ông già tôi hồi trước làm tay sai cho Pháp. Chỉ có cái chuyện tôi không chịu trả nợ phân bằng lúa mà sinh sự ra như vậy. Vợ tôi là hội trưởng phụ nữ ấp, cũng bị bắt lên xã nhốt một đêm, đến khi bà con kéo lên đấu tranh mấy ông mới thả về.

Một thanh niên ngoài hai mươi tuổi, cầm chiếc loa tay đi đọc đài trong xóm để bêu xấu người già với những lời văn cầu thả và thô thiển : “ Mời đồng bào nghe chúng tôi thông báo về hành động của hai tên Nguyễn Thị Bảy (tức vợ Bảy Vớt) và Nguyễn Thị Tư (tức Sáu Nhàn): hai tên này trước đây là gia đình ngụy quân, theo Mỹ, nay tiếp tục chống đối chủ trương Nhà nước, không chịu trả nợ phân bằng lúa, cương quyết đòi trả phân bằng tiền, lại lén lút vận động người khác chống đối. Nếu như hai bà không chịu thanh toán dứt điểm nợ vật tư năm 1986 và tiếp tục lén lút, vận động người khác chống đối chủ trương, sẽ bị đem ra xét xử theo pháp luật hiện hành của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam!”

Trong những cuốn băng ghi âm của anh Sáu Kiên mà chúng tôi còn giữ lại cũng có một bài phóng thanh tương tự như thế, nghĩa là bà Sáu Nhàn và bà Bảy Vót bị trấn áp bằng cả loa phóng thanh lẫn với loa tay.

Sự trấn áp bằng máy phóng thanh không chỉ dành riêng cho những gia đình “ngụy quân, theo Mỹ” mà cả những gia đình cách mạng chí cốt tiêu biểu nhất trong cái làng này. Anh Hồ Duyên Hải, trung úy quân đội nhân dân, thương binh loại 2/4 được giải ngũ về làm tập đoàn trưởng tập đoàn tám ấp Bửu Đông, cha anh là Trung tá tỉnh đội phó tỉnh Minh Hải đã từ trần sau giải phóng. Cũng như bao nhiêu người khác, anh đại diện cho tập đoàn đi mua mười một tấn phân, lúc ấy công ty vật tư nông nghiệp huyện cũng nói với anh phân này bán bằng tiền, anh về chia cho bà con và cũng phổ biến như vậy, nay huyện đòi trả bằng lúa, không ai chịu trả trong lúc anh đang khiếu nại chưa được giải quyết thì công ty vật tư nông nghiệp huyện lại phát đơn đề nghị khởi tố anh ra tòa. Suốt mấy đêm liền, loa phóng thanh phát vang trong xóm, đọc đơn đề nghị khởi tố và mời anh Hải ra huyện thanh toán nợ vật tư. Bài phóng thanh ấy chúng tôi vẫn còn giữ lại.

Kính gửi: Ủy Ban nhân dân tỉnh Minh Hải, Tòa án nhân dân tỉnh Minh Hải, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Minh Hải, Sở Tư pháp Minh Hải, Công an tỉnh Minh Hải, Hội đồng trọng tài kinh tế tỉnh Minh Hải, Ủy Ban nhân dân huyện Giá Rai, Tòa án nhân dân huyện Giá Rai, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giá Rai, phòng Tư pháp huyện Giá Rai, Công an huyện Giá Rai và hội đồng trọng tài kinh tế huyện Giá Rai.

Nay công ty vật tư nông nghiệp huyện Giá Rai đề nghị khởi tố về việc như sau :

Tháng 1 năm 1986, ông Hồ Duyên Hải là tập đoàn trưởng tập đoàn 8 ấp Bửu Đông, xã Long Điền Đông A, đại diện cho tập đoàn làm hợp đồng với công ty vật tư nông nghiệp huyện, tạm ứng 11.500 kg phân urê, quy ra bằng 34.500 kg lúa. Đến nay ông Hải vẫn chưa trả lúa cho nhà nước mà đòi trả bằng tiền mỗi ký năm đồng.

Nay chúng tôi làm đơn này đề nghị các cơ quan pháp chế nhà nước đưa ông Hồ Duyên Hải ra xét xử trước Tòa án nhân dân.

Anh Hải buồn rầu than vãn với chúng tôi:

- Cũng cái chuyện lúa phân này mà gia đình tôi điêu đứng. Tôi thì nhức óc đau lòng với cái loa phóng thanh của ông Sáu Kiên, má tôi cũng bị ông lôi ra bêu riếu rằng bà bây giờ hư hỏng, tối ngày lo bán đất, đánh bài, không trả nợ phân. Thử hỏi má tôi già cả rồi, những lúc nhàn rồi đi đánh bài tứ sắc với mấy bà già để giải trí thì tội tình gì. Còn ba tôi, chết rồi cũng không yên, cũng bị mấy ông lôi ra nói xấu rằng hồi còn sống ông ngoại tình với bà này bà nọ.

Lúa, phân, tiền. Sự kiện ấy bây giờ chỉ còn là cái cớ để xô đẩy con người vào vòng xáo trộn với bao nhiêu sự phiền toái, trong lúc họ đang cần chén cơm, manh áo và những nhu cầu tối thiểu của đời sống tinh thần.

VỤ ÁN NGUYỄN THỊ NGUYỆT ANH VÀ GIA ĐÌNH BÀ BẢY VÓT - KHÚC BI ĐÁT TRONG TÂN THẨM KỊCH DÀI

Bà Bảy Vót nợ sáu trăm ký phân, giờ nếu quy ra lúa thì bà mắc nợ một ngàn tám trăm ký lúa. Cũng vì cuộc tranh chấp này mà bà đã bị loa phóng thanh bêu xấu khắp xóm làng, và người con gái thứ hai của bà ,chị Nguyễn Thị Nguyệt Anh, một người đi đầu trong cuộc đấu tranh này đã bị Công an huyện bắt cóc nửa đêm.

Sự việc ấy được Trần Minh Mẫn, kế toán của trạm thu mua hải sản, thuộc Liên hiệp xí nghiệp thủy sản Gành Hào , là con rể của chị Nguyệt Anh kể lại như sau :

- Đêm 12 tháng 2/88, tức đêm 23 tết, tôi đang ngủ tại nhà mẹ vợ tôi. Khoảng 12 giờ đêm, tôi giật mình nghe tiếng cạy cửa sọt soạt, rồi tiếng cắt dây gài cửa. Tưởng kẻ trộm vào nhà , tôi la lớn:

- Ai?

Một người công an bước vào, tôi nhận ra là anh Thành, trinh sát kỹ thuật của Công an huyện thường lui tới trạm thu mua và quen biết với tôi. Thành nói :

- Mẫn bình tĩnh, không có việc gì đâu em!

Mẹ tôi từ trong phòng bước ra hỏi :

- Chuyện gì vậy cậu?

Thành vừa trả lời vừa ra lệnh:

- Có lệnh bắt chị. Các đồng chí thi hành !

Ba người công an từ ngoài cửa nhào vô, hai người xóc nách, một người hót chân mẹ tôi khiêng đi. Ra khỏi cửa, mẹ tôi nói:

- Các cậu cho tôi lấy quần áo theo.

Tôi nghe Thành ra lệnh:

- Bóp cổ lại!

Mẹ tôi không nói thêm được tiếng nào, họ khiêng xuống võ lãi rồi nổ máy chở đi. Thấy một tốp công an còn đứng quanh nhà, tôi nói:

- Các anh bắt người kiêu này, lỡ tôi tưởng ăn trộm, tôi đâm chết thì sao?

Vợ tôi nhào ra khóc lóc thì liền sau đó, tiếng loa phóng thanh phát lên vang dội: “Thi hành lệnh của Viện kiểm sát, Công an huyện Giá Rai đã bắt tên Nguyễn Thị Nguyệt Anh. Đề nghị đồng bào hãy bình

tĩnh và trật tự, ai ở nhà này, không được đi lại, không được can gián vào vụ án Nguyễn Thị Nguyệt Anh. Nếu ai cố tình vi phạm sẽ bị trừng trị theo pháp luật Nhà nước”.

Ba ngày sau, anh trưởng phòng tổ chức của Liên hiệp Xí nghiệp mời tôi về cho tôi biết là tôi bị đình chỉ công tác. Tôi hỏi lý do, anh nói rằng đây là lệnh của Ban Giám đốc, anh chỉ biết đại khái rằng tôi có liên can đến vụ án của mẹ vợ tôi. Đến ngày 31 tháng 3, Ban Giám đốc ra quyết định chính thức buộc tôi thôi việc, ghi rõ lý do: “Hành động chống đối địa phương, bao che cho Nguyễn Thị Nguyệt Anh vi phạm chính trị”.

Tôi nghĩ rằng đây là sự đàn áp thô bạo, họ làm vậy là để tôi hoảng sợ mà không dám đấu tranh. Nếu thật sự tôi đã can dự vào vụ án chính trị như đã ghi trong quyết định thì tôi đã vào tù chớ đâu chỉ bị buộc thôi việc.

Chị Nguyệt Anh bị giam biệt tích, gia đình không được thăm nuôi. Bà Bảy Vót cùng với một số bà con trong xóm kéo nhau ra huyện. Công an huyện trả lời rằng họ đã giải về công an tỉnh, họ lại kéo nhau lên tỉnh. Công an tỉnh không biết, họ lên Viện kiểm sát tỉnh, Viện kiểm sát cũng không biết, họ qua trụ sở tiếp dân của Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân viết giấy giới thiệu cho họ về Công an huyện, đề nghị Công an huyện trả lời. Cuối cùng Công an huyện cho biết là họ đã “gửi” chị Nguyệt Anh về trại giam của tỉnh. Bà Bảy Vót lại lên Công an tỉnh nhờ ông phó Giám đốc giới thiệu cho gia đình đi thăm. Bà đến trại giam cũng không được vào thăm, người ta nói chị Nguyệt Anh còn trong thời gian điều tra, chưa hoàn thành hồ sơ vụ án.

Những ngày tháng ấy, gia đình bà Bảy Vót sầu thảm như một đám tang. Suốt ngày, bà cứ lẩn quẩn như một người loạn trí. Mỗi lần chiếc loa phóng thanh phát ra đọc đến tên bà thì bà lại lấy tờ giấy báo công ra xem như muốn thanh minh rằng gia đình bà không phải là “ngụy quân, theo Mỹ”, nhưng bà thanh minh được với ai? Chính quyền xã cho rằng đó là tờ giấy giả.

Một hôm, có một người đàn bà lạ tìm gặp chúng tôi, chị nói:

- Ông Bảy Đại ở bên xã Long Điền Đông C muốn gặp cậu nhưng ông đau nặng không đi được. Ông nhờ tôi tìm gặp mấy cậu nói rằng nếu mấy cậu là người có tấm lòng nhân ái thì chịu khó đến nhà ông làm nhân chứng cho ông nói đôi điều trước máy ghi âm của mấy cậu rồi ông có chết ông cũng vui.

Trưa hôm sau, trời nắng như lửa đốt, chúng tôi lội bộ hơn mười cây số qua xã C tìm đến nhà ông Bảy Đại thì con ông cho biết rằng ông đang hấp hối, Ủy ban xã vừa chở ông ra bệnh viện Giá Rai. Chúng tôi vội vã đón xe Honda ôm về huyện.

Ông Bảy đang nằm trên giường bệnh, người chỉ còn như một bộ xương được bọc lớp da, cặp mắt trắng dờ và trũng rất sâu trông đáng sợ. Ông thở từng hơi nặng nhọc và thỉnh thoảng cất lên những tiếng ho khan.

Trong không khí ồn ào người bệnh lẫn người nuôi, lớp nằm, lớp ngồi trên những chiếc giường ken nhau dày đặc. Nhưng không còn cách nào khác trước một con người đang hấp hối muốn để lại lời trần trối sau cùng, chúng tôi phải mang máy móc ra làm việc trong một điều kiện hết sức oái oăm.

- Ở đời phải có nhân, có đức, có trước có sau các cháu ạ. Đừng bao giờ vắt chanh bỏ vỏ, nhất là đối với nông dân. Người nông dân, dù không tham gia kháng chiến, họ cũng có công làm ra hạt lúa nuôi ta. Khất khe, ti tiện, toan tính thiệt hơn với họ là có tội. Bác thấy người nông dân bây giờ bị phản bội nhiều quá, có những sự phản bội tàn nhẫn đến đau lòng .

Hồi xưa bác làm xã đội trưởng Long Điền Đông, cái xã hồi ấy rộng mênh mông chứ không phải chia năm xẻ bảy như bây giờ. Gia đình bà Bảy Vót hồi đó nuôi chứa cán bộ không thể tính bằng lúa tạ lúa thiên. Bà nuôi còn chu đáo hơn cái bếp ăn tập thể bây giờ, bởi cái bếp ăn bây giờ còn có khẩu phần, có giờ giấc, phải đóng gạo, đóng tiền ăn . Bà bảy Vót hồi đó nuôi mình đâu cần thứ đó. Thằng Phước, con trai bà hồi đó đi giữ trâu bị bắt lính. Hai vợ chồng bà bán lúa chạy lo, bác không cho, bác bàn với bà cứ để cho nó đi rồi mình móc nôi, để nó gửi vũ khí về cho mình đánh giặc. Bà đồng ý cho nó đi, và cũng chính bà đứng ra móc nôi và mang súng đạn về giao cho bác. Mỗi lần như vậy bác đều báo cáo với xã ủy chứ đâu phải không, vậy mà bây giờ họ nỡ đối xử với người ta như vậy .

Còn con Nguyệt Anh hồi đó nó luôn dẫn đầu các cuộc biểu tình đấu tranh trực diện. Mỗi lần biểu tình mà không có nó là người ta không dám đi. Nó bị bắt bớ, đánh đập đến tàn phế, mang bệnh hậu cho đến bây giờ. Lẽ ra nó phải được hưởng chế độ thương binh, đảng này lại bị vu khống đủ thứ chuyện xấu xa, và cuối cùng bị bắt giam cũng chỉ vì cái máu đấu tranh của nó .

Mấy tháng qua, đứng trước cảnh khổ của gia đình bà Bảy Vót bị người ta đối xử tàn tệ như vậy, bác không can thiệp được, phần vì bệnh hoạn, phần vì bất lực khi mình đã về hưu, làm dân ở một xã khác, cái giấy xác nhận của bác họ còn cho là giấy giả thì qua đó nói ai nghe. Bác cắn rứt lương tâm mà không biết làm gì. Nghe nói có mấy cháu là nhà báo vô đó để tìm sự thật, bác cũng muốn gặp các cháu để nói lên một sự thật đang bị ruồng rẫy, đang bị bôi nhọ một cách nhẫn tâm. Các cháu đã không phụ lòng bác mà lặn lội đến đây, bác cảm ơn các cháu. Bây giờ có nhắm mắt xuôi tay, bác cũng nhẹ nhàng...

Không biết từ lúc nào, cả phòng bệnh im phăng phắc. Có những bệnh nhân đang nằm cũng gắng ngồi dậy lắng nghe. Tất nhiên, họ không thể hiểu hết những điều ông Bảy Đại vừa nói. Nhưng ít ra, họ cũng hiểu được rằng, công việc của chúng tôi bày ra ở đây không có gì lạ lùng, quái gở như họ ngạc nhiên ngay từ lúc ban đầu, và cũng không làm cho họ phải khó chịu như tôi đã nghĩ.

Khi ngồi chép lại những dòng này qua chiếc máy ghi âm với lời kể đứt quãng từng đoạn bởi tiếng ho của ông bảy Đại, tôi liên tưởng đến hình hài da bọc xương và đôi mắt đờ đực trũng sâu của ông, tôi không tin rằng ông còn sống nữa .

Tôi không có ý thanh minh cho bà Bảy Vót - điều đó chỉ là trò cười mai mỉa đối với những người trực tiếp hoặc gián làm chủ chiếc loa phóng thanh ở Long Điền Đông A - Tôi chỉ cố gắng làm thỏa mãn niềm khát khao được nói lên sự thật của ông Bảy Đại, để khi ông từ giả cõi đời này khỏi mang theo những điều ngang trái .

CÒN LẠI GÌ Ở LONG ĐIỀN ĐÔNG A ?

Sau vụ bắt cóc chị Nguyệt Anh cùng với sự trấn áp bằng các phương tiện thông tin đại chúng, những người chống đối mạnh trong việc trả nợ phân bằng lúa như bị dồn đến tận chân tường. Họ vừa cảnh giác sợ bị bắt cóc ban đêm, vừa ngấm ngấm tử thủ. Ban đêm, họ bỏ nhà kéo nhau đi ngủ bờ ngủ bụi và

thủ sẵn dao găm, dao mác và thuốc độc trong người. Họ sẽ dùng dao chống lại và uống thuốc tự tử, chứ không để bị bắt.

Mặc dù công an chìm đang bủa vây ở Long Điền Đông A để truy tìm bàn tay kẻ địch nhưng hầu như họ không phát hiện ra điều đó. Công an thì đi theo dõi coi ai là kẻ địch, ngược lại, quần chúng thì theo dõi coi ai là công an. Họ sống trong cảnh pháp phòng lo sợ không biết mình sẽ bị bắt cóc giờ nào. Cứ thế, sự đối kháng giữa quần chúng với chính quyền càng ngày càng căng thẳng. Các nhà lãnh đạo ở đây nghĩ rằng chỉ có bắt giam ông Bảy Liên Xô thì Long Điền Đông A mới thu được nợ và mọi chuyện sẽ êm xuôi. Nhưng đã lỡ thua một lần, bây giờ không dám bắt khi chưa hoàn chỉnh hồ sơ để kết tội rõ ràng. Nhưng không bắt thì để đó như một cái gai nhọn. Cho nên một mặt họ rình rập đợi chờ ông bảy Liên Xô trở thành tội phạm, một mặt họ tố cáo ông về Bộ Nội Vụ . Bộ Nội Vụ giao về cho Công an tỉnh .

Một chồng hồ sơ về ông bảy Liên Xô dày cộm, nhưng tội trạng thì không biết tội gì: “Tên Trần Văn Hai, tức Bảy Liên Xô, nguyên là đại úy quân đội nhân dân Việt Nam. Sinh năm 1931, tại ấp Lập Điền, xã Long Điền Tây ,huyện Giá Rai, tỉnh Minh Hải. Tham gia cách mạng ngày 19 tháng 1 năm 1950, vào Đảng ngày 31 tháng 6 năm 1956. Năm 1954, tập kết ra Bắc, năm 1962 vượt Trường Sơn vào Nam, công tác trong đoàn vận tải tại miền Đông Nam Bộ. Sau giải phóng, chuyển về quân khu 8. Năm 1976, hai quân khu Đồng Láng sát nhập, Trần Văn Hai về công tác tại Cục hậu cần Quân khu 9. Ngày 14 tháng 4 năm 1977, hấn chống lệnh điều động sang biên giới Tây Nam của Quân khu 9 và đào ngũ về sống bất hợp pháp ở Long Điền Đông A, tàng trữ vũ khí trái phép, không chấp hành chủ trương chính sách của Nhà nước, cụ thể là không đóng thuế nông nghiệp và lợi dụng sơ hở của nhà nước trong thủ tục hợp đồng ứng trước vật tư nông nghiệp năm 86, hấn vận động quần chúng chống lại chính quyền địa phương trong việc thu nợ phân...”

Đối chiếu với luật hình sự, ông Bảy Liên Xô không vi phạm vào điều khoản nào để có đủ yếu tố bắt giam.

Thật ra, sau này khi làm việc với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, tôi mới hiểu ra điều đó. Còn những ngày sống ở Long Điền Đông A, những nguồn tin về cuộc chuẩn bị vây bắt ông Bảy Liên Xô cứ đến dồn dập trong nội bộ các nhà chức trách. Có người thì nói rằng Bộ Nội Vụ bắt, có người lại nói rằng quân khu 9 bắt. Người ta nhận định rằng quân khu 9 bắt sẽ hợp lý hơn vì ông Bảy Liên Xô nguyên là sĩ quan của Cục Hậu Cần quân khu 9. Và lại, nếu quân khu 9 bắt ông Bảy Liên Xô thì quần chúng sẽ không có lý do nào để đổ lỗi cho chính quyền địa phương . Đó là một hiểm kế để tránh được cuộc đấu tranh có thể xảy ra như lần trước.

Không khí ở Long Điền Đông A vào những ngày ấy thật nặng nề khủng khiếp. Nỗi hoang mang ,bất bình, cay đắng cứ ẩn hiện trong ánh mắt của mỗi con người. Đoàn cán bộ huy động lương thực của anh Sáu Kiên thì rút về một điểm, giữ tư thế im lặng để đợi chờ một điều gì đó.

Tờ công lệnh của chúng tôi đã hết ngày đi nhưng không thể nào về được, cứ pháp phòng linh cảm một cuộc đổ máu xảy ra trên mảnh đất này, nếu ông Bảy Liên Xô bị bắt.

Ngồi quanh chiếc bàn vuông trong căn chòi nhỏ sau vườn, anh Chủ tịch xã trầm ngâm như muốn giữ

bí mật khi chúng tôi hỏi về thực trạng Long Điền Đông A .

- Vấn đề Long Điền Đông A hiện nay không loại trừ bàn tay kẻ địch núp sau lưng tên Bảy Liên Xô. Tỉnh đang tăng cường lực lượng trinh sát xuống đây hoạt động nhưng kết quả như thế nào thì chúng tôi không thể báo cho các anh biết được !

Anh phóng viên đài phát thanh nói:

- Dĩ nhiên đó là nguyên tắc. Nhưng ngoài những vấn đề thuộc về nghiệp vụ an ninh, anh có thể cho chúng tôi biết hướng giải quyết của các anh như thế nào trước sự bế tắc của Long Điền Đông A, đặc biệt là vấn đề nợ phân năm 86 đang tranh chấp.

Anh Chủ tịch xã lại ngập ngừng:

- Muốn giải quyết được vấn đề này, theo đánh giá của Đoàn chỉ đạo huy động lương thực thì chỉ có bắt tên Bảy Liên Xô để quân chúng họ không còn chỗ dựa mà chống lại ta nữa. Và theo tôi được biết thì mình sẽ bắt, bắt trong nay mai , nhưng không phải mình bắt mà Quân khu bắt .

Chúng tôi bàn bạc với nhau và đi đến một quyết định: đến ở tại nhà ông Bảy Liên Xô để làm nhân chứng cho đến giờ phút cuối cùng. Nếu có lỡ bị trúng nhăm dao của thân tộc ông Bảy Liên Xô hoặc đạn lạc của quân khu thì trong bốn đứa tôi, ít ra cũng còn một đứa sống sót. Bằng mọi cách chúng tôi sẽ cố gắng để lại vài bức ảnh hay một đoạn băng ghi âm về trận xung đột này .

Có lẽ những ngày sống ở Long Điền Đông A , đó là đêm hệ thần kinh của tôi căng thẳng nhất, đêm của sự chờ đợi cái tai họa trút xuống ngay căn nhà này - căn nhà ông Bảy Liên Xô - chắc là khiếp đảm hơn trận xô xát hồi cuối năm 86 . Liệu có nên báo cho ông biết rằng ông sắp bị bắt hay không? Tôi cứ dầy vò, cắn rứt, cứ hồi hộp, xốn xang. Trái tim thì bảo nói đi, đừng che giấu. Nhưng cái đầu thì bảo không, anh đừng quên rằng anh là một nhà báo, là công cụ của Đảng, đừng để mất lập trường giai cấp. Tôi dừng lại và nghiền ngẫm hai chữ giai cấp đến nát như rồi nhìn vợ chồng ông Bảy Liên Xô mà nghe đầy mâu thuẫn. Chợt câu danh ngôn của một triết gia nào đó len đến nhắc nhở tôi: “ Người ta thường ân hận khi đã nói hơn là khi chưa nói” . Vậy là tôi có cơ để lý giải cho sự im lặng của mình .

Khoảng hơn bảy giờ tối thì Chín Cửu, Bảy Nguyên, Hai Hiệp và Tư Sương- anh con trai duy nhất còn sống sót của bà Hai Giáp – cũng đến. Bảy Nguyên- Tư Sương là cháu bà Bảy Liên Xô, Chín Cửu là em ruột, họ là những người được chính quyền xem là cánh du côn do ông Bảy Liên Xô tập hợp .

Ông Bảy Liên Xô dù không biết uống rượu nhưng cũng lật đật đốt đèn ra ao chài cá me lên nấu canh chua rau nhúc và mua chai rượu đế về đãi chúng tôi ,bà Bảy thì ngồi say sưa kể chuyện, bà kể như chưa bao giờ được kể với ai về cuộc đời riêng. Cuộc đời ấy bắt đầu từ năm mười chín tuổi , một người con gái chỉ còn hai ngày nữa mặc áo cô dâu, đã trốn vô rừng mặc áo lục quân làm du kích. Cuộc đời ấy, cuộc đời của vị chỉ huy đội quân tóc dài một thời lừng lẫy. Cuộc đời ấy , cuộc đời của một người vợ để tang chồng trong lúc mới mang thai. Cuộc đời ấy, cuộc đời của một người mẹ tự đỡ đẻ sinh con trong bụi cây rồi lấp đi vết máu và ẵm con xuống hầm bí mật trong một trận càn. Cuộc đời ấy, cuộc đời của một người tù bị tra tấn dã man và trải qua những cơn điên loạn, và cuộc đời ấy ...

Bà Bảy Liên Xô không cảm được nước mắt khi xắn tay áo lên cho chúng tôi xem vết sẹo bị trói bằng dây gân bứt hai vòng da trên hai cánh tay hơn một năm qua vẫn còn nổi vòng lên dày cộm. Nhưng bà cô giấu đi không dám kể lại chuyện bị lôi kéo tuột hết áo quần.

Khoảng mười giờ đêm, khi những người khách ra về thì vợ chồng ông Bảy Liên Xô cũng bỏ nhà đi ngủ nơi khác. Ông dặn chúng tôi :

- Sáng mai, nhà ông già vợ tôi làm heo cúng miếu, khoảng chín giờ, mấy cậu lên chơi .

Sáng hôm sau, tôi còn đang mơ màng chợt tỉnh thì nghe có tiếng đối thoại sau hè :

- Có ba cháu ở nhà không ?

- Dạ không .

- Cháu đi tìm ba cháu về nói có chú ở Quận khu 9 xuống đây làm việc với ba cháu .

Tôi giật mình tức mừng dậy thì thấy một người mặc quân phục đội nón cối bước vào. Nhưng lạ quá, tưởng ai lại là anh Hoàng Thêm, hội viên Hội nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, phó Ban biên tập tờ đặc san Đất Mũi của Sở Văn hóa Thông tin ? Rồi cũng không cần suy nghĩ, tôi hiểu ngay ra đây là diễn viên của nhà đạo diễn Sáu Kiên. Người thứ hai bước vào mang quân hàm Trung tá .

Có lẽ cả Sáu Kiên lẫn anh Hoàng Thêm đều không ngờ rằng chúng tôi “kích” sẵn ở đây. Song , vì sự tôn trọng tối thiểu với nhau, và lại việc ai nấy làm nên chúng tôi cố gắng không biểu lộ điều gì cho anh đỡ sợ và giữ gìn bí mật cho anh đóng trọn vai tuồng. Thấy chúng tôi quen với anh Hoàng Thêm, ông Trung tá có vẻ lo ngại, vừa tỏ ra khó chịu trước sự có mặt của chúng tôi .

Chừng năm phút sau, anh Hai Hiệp đến. Hai Hiệp vẫn sử dụng bài bản y như lần đầu anh tiếp chúng tôi :

- Chú tìm dựng Năm tôi có việc gì ?

Và, trước thái độ của Hai Hiệp, ông trung tá cũng ngập ngừng như tôi lần trước:

- Dạ, tôi ở phòng cán bộ quận khu 9, muốn gặp anh Bảy Liên Xô để ... ông lại ngập ngừng - để làm việc. Vì ảnh bỏ ngũ lâu quá rồi. Quận khu muốn mời ảnh về để hỏi thăm hoàn cảnh cuộc sống và giải quyết chính sách. Tiện đó quận khu cũng muốn biết thêm về những mâu thuẫn giữa ảnh với chính quyền địa phương.

Hai Hiệp nói như ra lệnh:

- Chú viết cho mấy chữ đi . Chú tên họ, địa chỉ và nội dung cần gặp, tôi mang đến ông, nếu đồng ý gặp thì ông về.

Ông trung tá giật mình trở mắt nhìn Hai Hiệp. Nhưng rồi ông cũng mở cặp lấy giấy viết ra ghi .

Trong thời gian chờ đợi Hai Hiệp, tôi đứng ra làm chủ nhà đi nấu nước pha trà và làm quen với ông trung tá. Đó là ông Bảy Lương, trưởng phòng tổ chức cán bộ quân khu. Giữa ông và ông Bảy liên Xô chưa hề quen biết nhau, vì ông Bảy Liên Xô về quân khu 9 chưa được bao lâu thì bỏ ngũ, bây giờ ông Bảy Lương cũng chưa phải là Trung tá trưởng phòng cán bộ như bây giờ .

Chúng tôi uống chưa hết bình trà thì Hai Hiệp trở về. Anh thông báo:

- Bữa nay nhà nội tôi cúng miếu, dựong Năm tôi mời chú lên dùng cơm và làm việc luôn.

Hai Hiệp đạp xe đi trước, chúng tôi kéo theo sau.

Nhà ông Bảy Vĩnh hôm ấy như ngày hội của thân tộc. Con cháu ông ở các nơi tụ tập về đông đủ và khi được tin Quân khu xuống bắt ông Bảy Liên Xô, làng xóm xôn xao kéo đến, họ phập phồng chờ đợi, và những người đàn ông trong thân tộc ấy đang chuẩn bị cái gì, ai biết được ?

Sau khi cúng kiến, tiệc tùng ăn uống xong, cũng không ai chịu về .

Ông Bảy Lương mở đề công việc với mấy lời mào đầu ngắn gọn :

- Tôi được Quân khu phân công mang thư xuống đây mời anh về làm việc. Thật ra thì từ ngày anh về địa phương đến nay, Quân khu cũng không biết đời sống anh ra sao , chỉ có gần đây, chúng tôi được nghe địa phương và viện kiểm sát tối cao thông báo về những mâu thuẫn giữa anh với chính quyền địa phương. Cho nên Quân khu muốn mời anh về để nghe anh báo cáo. Trước là để làm lại các thủ tục để giải quyết chế độ, chính sách quân đội cho anh, đồng thời Quân khu cũng muốn hiểu rõ hơn về những mâu thuẫn giữa anh với chính quyền để cùng nhau tìm cách giải quyết cho êm đẹp.

Ông Bảy Lương trao thư mời cho ông Bảy Liên Xô .

Ngày 3 tháng 4 năm 1988

Kính gửi : Đ/c Trần Văn Hai (Bảy Liên Xô)

Cục Chính trị Quân khu 9 được chính quyền địa phương và Viện Kiểm sát tối cao thông báo về mối quan hệ giữa gia đình đồng chí với chính quyền địa phương có những sự việc chưa thống nhất.

Cục Chính trị chúng tôi được biết đồng chí đã về địa phương giải quyết công việc gia đình từ tháng 4 năm 1977 .

Vì là cán bộ quân đội và để biết sự thật đầu đuôi mối quan hệ đó thế nào.Cục Chính trị xin mời đồng chí về Cục để tường trình, cùng đánh giá phân tích sự việc để góp phần giải quyết vấn đề có cơ sở vững chắc.

Mong đồng chí sắp xếp công việc gia đình, có mặt tại nhà khách Quân khu, (T80) đường Lộ Tẻ, phường An Thới, thành phố Cần Thơ vào ngày 9-4-88. Chúc đồng chí và gia đình mạnh khỏe.

Thân ái !

KT. Chủ nhiệm Cục Chính trị Quân khu 9

Phó Chủ nhiệm : Đại tá Trần Anh Đông

Đọc xong lá thư, ông Bảy Liên Xô vừa mĩa mai, vừa tức giận:

- Các anh định bắt khéo tôi chứ gì. Tôi biết quá mà, tỉnh này quy kết tôi cầm đầu nhân dân ở đây chống chủ trương nhà nước, muốn bắt tôi nhưng không dám bắt vì biết rằng tôi là người vô tội nên nhờ các anh bắt tôi về giam lỏng ở nhà khách quân khu cho mấy ông dễ dàng hoành hành dân chúng. Nhưng Quân khu đâu còn trách nhiệm gì với tôi nữa mà mời. Tôi bỏ ngũ mười một năm nay rồi, tôi đã là công dân của xã này rồi, còn dính líu gì với Quân khu nữa đâu. Sau lần bị bắt năm 86, tôi có lên gặp Cục trưởng Cục hậu cần hỏi rằng nếu như bây giờ tôi sống ở địa phương không được thì Cục hậu cần có cho tôi trở lại không ? Ông đã trả lời dứt khoát rằng Cục hậu cần không còn trách nhiệm với tôi nữa. Không ai có thể chấp nhận sự trở lại của một sĩ quan đã đào ngũ mười năm. Vậy thì bây giờ anh nói mời tôi về để giải quyết chính sách là giải quyết cái gì ? Tại sao mười một năm qua các anh bỏ rơi tôi rồi bây giờ lại mời về giải quyết chính sách ngay lúc này. Ngay lúc cuộc đấu tranh của chúng tôi với chính quyền địa phương chưa ngã ngũ. Lại càng phi lý hơn khi các anh mời tôi về để giải quyết mâu thuẫn giữa tôi với chính quyền địa phương . Bởi tôi đâu còn là người của Quân khu mà các anh tham gia giải quyết. Giã sử như trong cuộc tranh chấp lúa, phân tiền này tôi đúng thì quân khu có đứng ra bên vực tôi được không ?

Và nếu tôi sai thì quân khu sẽ xử lý tôi hay chính quyền địa phương xử lý tôi theo luật pháp nhà nước ? Anh trả lời đi ! Anh trả lời không được thì anh mời tôi về trên có ý nghĩa gì ?

- Tôi chỉ đến đây với tư cách là người liên lạc thôi anh Bảy ạ, còn đi hay không đó là quyền của anh. Nhưng theo tôi thì anh nên đi để sau này có chuyện gì khỏi phải ân hận .

- Tôi không đi và cũng không có gì phải ân hận. Anh về nói lại với Quân khu rằng tôi cảm ơn sự quan tâm của quân khu, không phải tôi không đi là vì tôi phụ lòng các anh đâu. Khi nào mọi chuyện ổn rồi tôi sẽ lên thăm các anh để nói lại tình xưa nghĩa cũ của những đời lính với nhau. Còn bây giờ thì tôi không thể đi được vì cuộc đấu tranh ở đây chưa ngã ngũ, dòng họ, thân tộc, bà con chòm xóm chúng tôi đang bị chính quyền ức hiếp, tôi đã khiếu nại lên tới Trung ương nhưng chưa được giải quyết và những ngày này chúng tôi đang chờ đợi sự công bằng. Nhưng nếu cuối cùng chúng tôi bị xử ép thì có lẽ xứ này sẽ xảy ra trận đổ máu như cánh đồng Nọc Nạn ngày xưa .

Ông Bảy Lương bắt tay vợ chồng Ông Bảy Liên Xô rồi từ giã ra về. Tôi thấy ông Bảy Liên Xô bước vào cánh cửa phía trong, vén vạt áo sau lưng rút ra con dao, dắt vào kẹt vách. Cả nhà thở phào nhẹ nhõm.

Buổi trưa hôm ấy, chúng tôi đến nhà ông Sáu Xum, trụ sở đã chiến của đoàn chỉ đạo huy động lương thực. Vị Giám đốc Sở Văn hóa thông tin đang mặc quần cụt, ở trần, đeo kiếng mát ngồi trên chiếc võng bắc ngang bộ ván để nói chuyện với một số cán bộ về chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và tình hình phân hóa giai cấp ở Long Điền Đông A hiện nay .

Chúng tôi vừa bước vào, ông cười hỏi :

- Sao, đêm qua tụi bây ngủ nhà Bảy Liên Xô, nghe vợ nó khóc, tụi bây cảm động lắm phải không ? Cũng chưa đã lắm đâu, tụi bây cứ đi tìm hiểu tiếp tục đi rồi sẽ thấy, xung quanh cái chuyện phân, tiền, lúa này mà bao nhiêu gia đình chia rẽ, dòng họ phân tán, xung đột, thù ghét lẫn nhau, lý thú chưa từng thấy. Một thiên tiểu thuyết đó, tụi bây tha hồ viết .

Tôi giật mình và tự hỏi: Cái sự dao động bên ngực trái của anh là cái gì ? Có còn là một trái tim?

Ông Bảy Lương quay sang nói với chúng tôi :

- mấy cậu nhớ dùm nghe, hồi này thằng Bảy Liên Xô nó nói với tôi rằng nếu nó đi thì dân ở đây người ta sẽ trả nợ hết, cho nên nó không chịu đi.

Anh phóng viên Đài phát thanh nói :

- Không phải vậy đâu chú Bảy, hồi này cháu có ghi âm !

Sáu Kiến một tay vỗ lên đầu vỗng nói:

- Tôi đã mang chiếc vỗng này xuống đây bốn tháng rồi. Nói thật với tụi bây, đối với Bảy Liên Xô bây giờ tao không cần bàn nữa, Bộ Nội Vụ đã kết luận rồi, Tỉnh ủy và công an tỉnh cũng đã kết luận rồi, khỏi phải nói thêm điều gì nữa hết, giờ chỉ còn hành động mà thôi !

- Bây giờ thế này anh sáu ạ - Tôi nói - Anh, với tư cách là Trưởng đoàn chỉ đạo công tác ở đây, được thưởng vụ Tỉnh ủy phân công trực tiếp. Chúng tôi muốn anh phát biểu vài nhận định về vấn đề Long Điền Đông A trước khi chúng tôi rời khỏi nơi đây.

- Không. Tụi bây đừng mong cạy miệng tao một điều gì cả. Tao không thể bày tỏ quan điểm của tao trong lúc này được. Tụi bây cứ tự tìm hiểu lấy và đừng bao giờ ghi tên tao trong bài viết của mình .

- Nhưng tôi có quyền phỏng vấn anh .

- Tao cũng có quyền không trả lời.

Tôi nói nửa đùa, nửa thật .

- Nếu vậy thì tôi sẽ viết rằng: “ Khi chúng tôi đến phỏng vấn vị Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin về vấn đề Long Điền Đông A , chẳng những ông không trả lời mà còn bảo rằng tụi bây đừng mong cạy miệng tao một điều gì cả “.

Sáu Kiên có vẻ hốt hoảng :

- Không được, phải viết như thế này: “ Sở dĩ Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin không trả lời là vì ông không muốn bày tỏ quan điểm của mình trên báo chí khi vấn đề chưa được kết luận”.

Anh Sáu Kiên nói thêm :

- Tụi bây có biết rằng sự phân hóa giai cấp ở đây hiện nay đang diễn ra như thế nào và vì sao không ? Điều đó không phải là chuyện đơn giản, và tụi bây có biết rằng ở đây hiện giờ kẻ địch đang hoạt động bằng những thủ đoạn tinh vi như thế nào không ? Chúng đang sử dụng gia đình liệt sĩ và nông dân nghèo để chống lại ta. Nếu như họ đấu tranh để cuối cùng được trả một ký phân năm đồng sẽ lời gấp trăm lần trả ba ký lúa. Vì vậy mà chúng đánh ngay vào tâm lý của họ, chúng lợi dụng cái óc tư hữu của

người nông dân để mà kích động. Chúng còn dùng một thủ đoạn khác tinh vi hơn nữa, tụi bây có biết đó là thủ đoạn gì không? Chúng sử dụng giai cấp phú nông để khống chế giai cấp bần nông không cho họ trả nợ phân nhà nước. Nếu như ai còn đang thiếu nợ lúa vay mà trả nợ phân nhà nước thì những tên chủ nợ sẽ lập tức đến đòi nợ hoặc sẽ không tiếp tục cho vay nếu lỡ họ thiếu ăn. Tao chỉ nói đại khái những vấn đề như vậy để tụi bây thận trọng trong viết lách, còn thực tế như thế nào thì tụi bây tự tìm hiểu lấy, đừng hòng cạy miệng tao. Long Điền Đông A là một cuộc thi, tụi bây nên hiểu như vậy, và bài ai nấy làm, không được “cọp bi”.

- Nhưng như vậy thì tôi đã “cạy miệng” được anh rồi còn gì nữa!

Sáu Kiên nhìn tôi cười và có vẻ giựt mình. Tôi nói tiếp:

- Thật ra thì tôi cũng chỉ cần anh phát biểu vài nhận định như thế thôi. Còn thực tế như thế nào thì dĩ nhiên chúng tôi tự tìm hiểu lấy, và chúng tôi đã tìm hiểu.

Chiều hôm ấy, buổi chiều cuối cùng ở Long Điền Đông A, chúng tôi thả dọc dài theo con đê biển về chỗ bến tàu. Chiều xuống ở đây buồn thê thảm. Dọc theo bờ đê, một bên là dãy nhà chòi xơ xác, nằm trơ trọi không một bóng cây. Bên kia là đồng muối, đang vào mùa thu hoạch, những đồng muối vung đầy ngát nghe dưới chân đê và chạy dài trông mướt mắt, chúng bị ối động trong trận khủng hoảng thừa. Xa tí ngoài kia, bao quanh đồng lúa là cánh rừng chòi lúp xúp, giáp với màu trắng xóa mù khơi và mệnh mông của biển.

Những đứa trẻ đen đúa, trần truồng vác cần câu đi giựt cá bóng kèo theo những dòng kinh dọc ngang đang dâng đầy con nước lớn. Chúng vừa đi vừa ngêu ngao hát:

*Bán phân thì bán bằng tiền
Cuối mùa lấy lúa làm phiên nhân dân
Dân ta tức giận đấu tranh
Bắt dân nhốt khám tanh banh xã nhà ...*

Nghe câu hát ấy, anh phóng viên đài phát thanh (vốn là người sưu tầm văn học dân gian) giật mình chững lại :

- Đây, mầu cháu, đến đọc lại cho mấy chú nghe lần nữa đi .

Lũ trẻ hót hoảng gọi nhau :

- Ý chết, cán bộ tụi bây ơi, mấy ông bắt bây giờ - Rồi chúng vừa chạy vừa quay lại nói với chúng tôi. Mấy câu này của ông Bình Khùng đặt chớ không phải của tụi tui đâu nghen !

Vậy là chuyện lúa, phân, tiền đã trở thành văn học dân gian, đã hằn sâu trong ý thức của Long Điền . Tôi chợt nghĩ, chắc giờ này anh sáu Kiên đang nằm lắc lư trên võng. Nếu một ngày nào vô tình anh nghe được những câu ca dao ấy, anh sẽ khẳng định xuất xứ của nó như thế nào? Từ trong ý thức của người nông dân hay “ từ cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch ?”

- Không thể được đâu anh Hai ạ, các anh đã dựng lên những nhân chứng giả để bưng bít sự thật, các anh đã tạo ra sự phân hóa, xung đột trong nội bộ nông dân, và chính các anh đã xô đẩy họ về phía đối kháng với chính quyền rồi các anh lại đổ lỗi cho bàn tay kẻ địch. Long Điền Đông A đang dự báo cho một trận đổ máu xảy ra nếu các anh tiếp tục trấn áp, tiếp tục chà đạp cái sự thật đang là nỗi oan ức trong lòng của mỗi người dân.

Anh Rina, thường vụ tỉnh ủy đang làm bí thư huyện Giá Rai, một người vốn bình dân, thật thà và nhân hậu. Anh rầu rĩ đưa mắt nhìn về cánh đồng Nọc Nạn hiện ra trước cửa nhà anh, cách không đầy hai trăm mét. Nơi ấy đang chuẩn bị làm lễ kỷ niệm sáu mươi năm cuộc manh động của gia đình Mười Chúc.

- Thật ra thì tôi đi tìm sự thật - Tôi nói tiếp - là để viết bài chứ không phải để nói với anh, vì tôi không phải là cán bộ thanh tra đi thu thập tài liệu về báo cáo. Nhưng vì lợi dụng, phải, tôi lợi dụng mối quan hệ giữa anh với gia đình tôi vừa là họ hàng thân tộc, vừa gắn bó với nhau trong chiến tranh để xóa đi cái khoảng cách nhau về địa vị, để có thể móc ruột ra mà nói với nhau về sự thật, vì tôi sợ sau khi tôi viết xong bài báo thì lúc ấy đã muộn màng...

Anh Rina ngập ngừng nói :

- Thật ra thì bấy lâu nay thường vụ tỉnh ủy chỉ được nghe báo cáo của anh Sáu Kiên. Những điều chú vừa cung cấp cho tôi đều hoàn toàn ngược lại. Vậy thì chẳng lẽ vấn đề Long Điền Đông A lại có hai sự thật khác nhau sau ? Tôi sẽ đề nghị tỉnh ủy tổ chức cuộc họp báo để cùng bàn bạc, thống nhất quan điểm với nhau.

Hai ngày sau, chúng tôi được mời đi họp báo. Nhưng cuối cùng, đó không phải là cuộc họp báo. Đồng chí trưởng ban tuyên huấn mời các cơ quan báo chí đến để thông báo chỉ thị của thường vụ tỉnh : Các cơ quan báo chí không được can thiệp vào vấn đề Long Điền Đông A khi chưa được thường vụ tỉnh ủy kết luận.

Tôi ân hận vì mình đã móc ruột với anh Rina. Phải, người ta thường ân hận khi đã nói hơn là khi chưa nói. Nhưng tôi nghĩ dẫu sao thì những điều tôi đã nói ra cũng không hoàn toàn vô tác dụng.

Những ngày sau đó, đoàn chỉ đạo của anh Sáu Kiên được lệnh rút về, huyện ủy Giá Rai cử đoàn cán bộ khác gồm hai mươi người xuống Long Điền Đông A để làm những công tác khác : củng cố các đoàn thể quần chúng, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao để làm giảm bớt không khí nặng nề, căng thẳng. Còn chuyện lúa, phân, tiền và “ sự kiện Bảy Liên Xô” tạm dừng lại, để tính sau. Nghĩa là cơ thể của Long Điền Đông A trong cơn đau quằn quại được tạm thời tiêm một mũi thuốc an thần, còn liều thuốc lấy dân làm gốc , chưa ai dám sử dụng trong lúc này. .

ĐIỀU RAY RỨC SAU CÙNG

Cách đây lâu lắm, có lần tôi đến nhà xuất bản Mũi Cà Mau, gặp nhà thơ Lê Chí. Tôi vừa bước vào

cửa thì anh Chí nói ngay:

- Hôm rày mày đi đâu lâu qua, anh Sáu Kiên kiểm mày để rủ mày đi Long Điền Đông A với anh, đạo này anh đi chỉ đạo huy động lương thực ở dưới.

Tôi đâm ra tiếc rẻ vì Long Điền Đông A đối với tôi tuy không phải là nơi chôn nhau cắt rún nhưng lại là chỗ tôi yêu thương, có nhiều kỷ niệm. Tôi đã viết về nơi ấy năm bài báo thì còn gì là không gắn bó đến thâm sâu. Hơn nữa nếu được cùng đi với anh Sáu Kiên thì chắc sẽ có nhiều chuyện lý thú.

Mấy tháng sau, vào một buổi chiều, tôi đang ngồi uống trà với anh Lê Chí tại Nhà xuất bản Mũi Cà Mau thì bất ngờ anh Sáu Kiên đến. Được biết anh từ Long Điền Đông A mới về, tôi hỏi ở dưới có gì vui không, anh nói mà như trách :

- Tụi bây cứ ru rú ở nhà mà biết gì. Thời buổi này mà cứ ngồi nhà nặn óc ra hư cấu. Tao về chữa bệnh cho bà già ít hôm rồi trở xuống Long Điền Đông A, mày sắp xếp đi dưới với tao. Ở dưới bao nhiêu chuyện lý thú đến lạ lùng . Mày chỉ cần chịu khó thu thập tài liệu rồi viết y sự thật cũng thành tiểu thuyết, khỏi tốn công tưởng tượng, hư cấu gì cả. Có khi nào mày nghĩ con của một đồng chí thương binh mà phải đi ở đợ không? Rồi có khi nào mày nghĩ một Chi ủy viên phụ trách công tác tổ chức mà mê tín dị đoan đến tán gia bại sản rồi bệnh hoạn luôn không? Cứ xuống dưới đi, cả thiên tiểu thuyết đang chờ mày ở dưới!

Nghe anh nói, tôi cố gắng dẹp hết mọi chuyện để đi .

Và bây giờ tôi viết.

Biết nói thế nào để anh Sáu hiểu được tôi? Mỗi lần ngồi viết của tôi chạm phải tên anh thì tay tôi run và tim tôi đau nhói. Có xa lạ gì đâu, giữa anh với tôi là chỗ họ hàng, gần lắm! Chính điều đó làm tôi đau, bởi cái thân tộc nó bắt người ta phải luôn luôn suy nghĩ .

Anh Sáu là người đọc nhiều, chắc anh nhớ trong đoạn cuối truyện ngắn “Nợ nước mắt” của nhà văn Trang Thế Hy có câu : “ Thật ra, tôi không muốn đem anh vào câu chuyện giữa tôi với chị Ba cho thêm phiền phức, nhưng dẫu tôi có gạt anh ra khỏi trang giấy này đi nữa thì anh vẫn xuất hiện ở ngoài đời, tiếp tục vấy hủ và tiếp tục dửng dưng”

Ở đây, ngoài lý do ấy còn một lý do khác nữa. Tôi và anh, hai người cùng đứng trước sự đổ vỡ của Long Điền Đông A với hai vị trí khác nhau. Nhưng ở vị trí của anh, anh có thể gạt bỏ cái nguyên nhân có thật để đổ thừa cho kẻ địch hoặc ông Bảy Liên Xô. Còn ở vị trí của tôi - một người đi tìm và bảo vệ sự thật - nếu gạt anh ra khỏi trang viết này thì tôi biết tìm sự thật ở đâu ?

Anh thông cảm mà đừng giận tôi nghe anh Sáu! Tôi biết từ ngày rời khỏi Long Điền Đông A đến nay, anh mang nhiều tâm trạng đắng cay, buồn giận của một người vừa bỏ cuộc thi. Tôi hy vọng rằng trong nỗi buồn giận ấy, theo thời gian, anh sẽ chừa một chỗ để tự buồn giận chính mình ./.

-- Hết --

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>